

Số: 9894/BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Về tình hình giải ngân và khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công trong 10 tháng đầu năm 2023; đề xuất, kiến nghị giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công trong những tháng còn lại của năm 2023

(Tài liệu báo cáo tại Hội nghị trực tuyến của Thường trực Chính phủ với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương về đôn đốc, đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023)

Kính gửi: Thường trực Chính phủ

Căn cứ chương trình Hội nghị trực tuyến của Thường trực Chính phủ với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương về đôn đốc, đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023; trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và báo cáo giải ngân của Bộ Tài chính¹, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thường trực Chính phủ về tình hình giải ngân vốn đầu tư công, khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng tới tiến độ giải ngân trong 10 tháng đầu năm 2023; đề xuất, kiến nghị giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công trong những tháng còn lại như sau:

Từ đầu năm 2023 đến nay, trong bối cảnh tình hình thế giới khó khăn nhiều hơn thuận lợi, các diễn biến xảy ra nhanh, phức tạp, khó lường, tác động sâu, rộng tới hầu hết các quốc gia, phát triển của các ngành, lĩnh vực, ảnh hưởng tới tăng trưởng, thương mại, đầu tư, an ninh lương thực... thì nước ta cũng bị ảnh hưởng nặng nề, đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức hơn khi vừa phải giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, vừa xử lý những vấn đề nội tại bên trong, vừa thích ứng và chống chịu với các tác động từ bên ngoài và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phục hồi sản xuất kinh doanh.

Trong bối cảnh đó, việc thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2023, bao gồm cả triển khai hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng, góp phần khơi thông điểm nghẽn; đưa dòng vốn đầu tư công đóng vai trò là "vốn môi" để thu hút đầu tư tư nhân, dẫn dắt tăng trưởng vốn đầu tư toàn xã hội, qua đó góp phần thực hiện thắng lợi với kết quả cao nhất các mục tiêu đề ra.

¹ Văn bản số 13000/BTC-ĐT ngày 24/11/2023 của Bộ Tài chính.

I. TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN) NĂM 2023

1. Tình hình giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 10 tháng và ước thực hiện 11 tháng năm 2023

Theo báo cáo của Bộ Tài chính², kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 10 tháng năm 2023 của cả nước là **389,7 nghìn tỷ đồng, đạt 55,02% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao**, trong đó: vốn NSTW là 182,1 nghìn tỷ đồng (đạt 49,89%³), vốn NSDP là 207,6 nghìn tỷ đồng (đạt 60,47%⁴).

Đến nay, ước giải ngân 11 tháng của cả nước **khoảng 461 nghìn tỷ đồng, đạt 65,1% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao**, cao hơn cùng kỳ (58,33%) và số tuyệt đối cao hơn gần **123 nghìn tỷ đồng**, trong đó: vốn NSTW khoảng 216,7 nghìn tỷ đồng (đạt 59,37%⁵), vốn NSDP khoảng 244,3 nghìn tỷ đồng (đạt 71,17%⁶).

Tính riêng trong tháng 11, giải ngân ước khoảng 71,3 nghìn tỷ đồng. Trung bình 11 tháng đầu năm, số vốn đầu tư công giải ngân trong tháng đạt trên 41,9 nghìn tỷ đồng/tháng⁷.

Tính theo tỷ lệ giải ngân, có 10 bộ, cơ quan trung ương và 27 địa phương có tỷ lệ giải ngân cao, đạt **trên 70%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt cao gồm⁸: Ngân hàng Phát triển Việt Nam (100%), Hội Nhà báo Việt Nam (100%); Hội Luật gia Việt Nam (92,76%); Văn phòng Quốc hội (83,61%); Hội nhà văn Việt Nam (81,6%); Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh (74,74%), Bình Dương (113,4%); Long An (112,7%); Bà Rịa Vũng Tàu (106,84%); Tiền Giang (101,42%); Đồng Tháp (100,82%); Thành phố Hải Phòng (99,83%).

Tính theo giá trị giải ngân tuyệt đối, một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương có giá trị giải ngân cao như: Bộ Quốc phòng (16.013 tỷ đồng), Bộ Giao thông vận tải (69.135,308 tỷ đồng), Thành phố Hà Nội (32.575,779 tỷ đồng), Thành phố Hồ Chí Minh (28.815,994 tỷ đồng), Bình Dương (13.815 tỷ đồng), Thành phố Hải Phòng (13.380,048 tỷ đồng), Bà Rịa Vũng Tàu (11.530,819 tỷ đồng), Long An (9.930,663 tỷ đồng).

Tính theo phân cấp đầu tư, tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 của các địa phương cao hơn các bộ, cơ quan trung ương⁹, trong đó nổi bật là

² Văn bản số 13000/BTC-ĐT ngày 24/11/2023 của Bộ Tài chính.

³ Tỷ lệ cùng kỳ năm 2022 là 53,31%.

⁴ Tỷ lệ cùng kỳ năm 2022 là 20,14%.

⁵ Tỷ lệ cùng kỳ năm 2022 là 45,5%.

⁶ Tỷ lệ cùng kỳ năm 2022 là 69,96%.

⁷ Trong 11 tháng đầu năm 2022, trung bình mỗi tháng giải ngân vốn đầu tư công chỉ đạt khoảng 30,7 nghìn tỷ đồng/tháng.

⁸ Đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Nếu không tính khoản hỗ trợ lãi suất của các ngân hàng thương mại (23.965,093 tỷ đồng), tỷ lệ giải ngân của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đạt 97,74% kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao.

⁹ Tỷ lệ giải ngân trung bình của khối bộ, cơ quan trung ương là 57,59%; khối địa phương là 67,92% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long và vùng Đồng bằng Sông Hồng, với tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 bình quân cả vùng lần lượt là 82,25% và 73,87%.

(Chi tiết tình hình giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng đầu năm 2023 tại Phụ lục I, I.C và I.D kèm theo)

2. Tình hình giải ngân của 41 bộ, cơ quan trung ương¹⁰ và 24 địa phương¹¹ có tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công 10 tháng năm 2023 dưới mức trung bình của cả nước

Theo báo cáo của Bộ Tài chính¹², kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 10 tháng năm 2023 của 41 bộ, cơ quan trung ương và 24 địa phương là 102,3 nghìn tỷ đồng, đạt 36,1% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Đến nay, ước giải ngân 11 tháng năm 2023 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nêu trên khoảng 125 nghìn tỷ đồng, đạt 44,12% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ giải ngân chung của cả nước là 65,1%, trong đó: vốn NSTW khoảng 56 nghìn tỷ đồng (đạt 41,1%¹³), vốn NSĐP khoảng 69 nghìn tỷ đồng (đạt 46,9%¹⁴). Tuy nhiên, trong số 41 bộ, cơ quan trung ương và 24 địa phương có một số bộ, ngành và địa phương có tỉ lệ giải ngân trung bình 11 tháng cao hơn so với mức bình quân của cả nước như: Văn phòng Quốc hội (đạt 83,61%), Bộ Công an (đạt 70,01%), Đài Tiếng nói Việt Nam (đạt 68,49%), Hưng Yên (đạt 68,60%), Quảng Ngãi (đạt 68,29%).

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

Năm 2023 là năm thứ 3, năm bản lề, có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2023 có những thuận lợi hơn so với các năm 2021, 2022 do hầu hết các dự án lớn đã hoàn thiện thủ tục, giao đủ vốn trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Ngay từ đầu năm, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa

¹⁰ Bao gồm: Ủy ban dân tộc; Kiểm toán Nhà nước; Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Tài chính; Thanh tra Chính phủ; Tổng liên đoàn lao động Việt Nam; Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc; Bộ Thông tin và Truyền thông; Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Mặt trận tổ quốc Việt Nam; Văn phòng Trung ương Đảng; Bộ Khoa học và Công nghệ; Đại học Quốc gia Hà Nội; Bộ Y tế; Bộ Nội vụ; Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng; Bộ Ngoại giao; Bộ Công Thương; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Bộ Tư pháp; Thông tấn xã Việt Nam; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Đài tiếng nói Việt Nam; Văn phòng Chính phủ; Tòa án nhân dân tối cao; Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam; Ban Quản lý Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng Quốc hội; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Bộ Công an; Đài Truyền hình Việt Nam; Ngân hàng Chính sách xã hội; Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

¹¹ Bao gồm: Hòa Bình; Thành phố Hồ Chí Minh; Cao Bằng; Phú Yên; Gia Lai; Hải Dương; Bắc Kạn; Lai Châu; Thành phố Đà Nẵng; Khánh Hòa; Đồng Nai; Hà Giang; Sơn La; Điện Biên; Quảng Trị; Kon Tum; Hưng Yên; Quảng Ninh; Bắc Ninh; Bình Phước; Quảng Ngãi; Quảng Nam; Đắk Nông; Bình Thuận.

¹² Văn bản số 13000/BTC-ĐT ngày 24/11/2023 của Bộ Tài chính.

¹³ Tỷ lệ chung của cả nước là 59,37%.

¹⁴ Tỷ lệ chung của cả nước là 71,17%.

phương phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo trong việc thực hiện giải ngân nguồn vốn đầu tư công, coi giải ngân vốn đầu tư công là một trong các nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công thì phải kiểm điểm người đứng đầu, đồng thời thực hiện điều chuyển kế hoạch vốn.

Trong điều hành kế hoạch đầu tư công năm 2023 triển khai các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 08 Nghị quyết, 01 Chỉ thị, 06 Công điện, văn bản chỉ đạo nhằm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo nhà nước các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông; 05 tổ công tác thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công của Chính phủ; 26 đoàn công tác do Thành viên Chính phủ làm trưởng đoàn làm việc với các địa phương để kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn theo Quyết định số 435/QĐ-TTg ngày 24/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có 12 Công điện, 25 văn bản đôn đốc, hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương triển khai quyết liệt thực hiện các giải pháp về đẩy mạnh giải ngân, gắn với nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công ngay từ đầu năm; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân,...

Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thành lập các Tổ công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023 do Lãnh đạo Bộ và Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Tổ trưởng nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công các dự án thuộc phạm vi quản lý; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đẩy nhanh công tác chuẩn bị thực hiện dự án, công tác lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định pháp luật, sớm khởi công dự án; chủ động rà soát điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đối với nguồn vốn NSNN không có khả năng giải ngân trong năm 2023.

Các Tổ công tác của Chính phủ đã làm việc với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có tỉ lệ giải ngân thấp trên tinh thần tháo gỡ những "nút thắt", "điểm nghẽn", đề xuất các cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các địa phương về giải ngân vốn đầu tư công. Sau những đợt đôn đốc, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã bước đầu khắc phục được một số vướng mắc, hạn chế để tiếp tục thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công bắt đầu từ tháng 7 năm 2023 đến nay đã có sự thay đổi tích cực, cao hơn cùng kỳ năm 2022.

Bên cạnh đó, từ đầu năm đến nay, Chính phủ đã phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các cơ quan của Quốc hội trình Quốc hội một số cơ chế, chính sách quan trọng, góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khơi thông nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo hành lang pháp lý để thực hiện được mục tiêu của Kế hoạch đầu tư công năm 2023 nói riêng và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nói chung. Chính phủ đã trình Quốc hội cho phép điều chỉnh vốn giữa các nhiệm vụ, dự án của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

với các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được bố trí vốn trong dự toán NSNN năm 2023; ban hành Nghị quyết thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong đầu tư đường cao tốc, quốc lộ; trình Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thời gian bố trí vốn của các dự án quan trọng quốc gia; chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương khẩn trương xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về việc thí điểm thực hiện các cơ chế đặc thù để tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025...

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NSNN NĂM 2023

Trong 11 tháng đầu năm, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã thành lập Tổ công tác trong từng cơ quan, đơn vị; phân công Lãnh đạo Bộ và Lãnh đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp theo dõi các dự án lớn, trọng điểm của từng bộ, địa phương để thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc quá trình triển khai dự án; chủ động thực hiện điều chuyển kế hoạch vốn giữa các dự án chậm giải ngân sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn để thực hiện.

Tại các Hội nghị của Chính phủ trực tuyến với các bộ, ngành, địa phương, Hội nghị giải ngân, cuộc họp của các Tổ công tác Chính phủ với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cũng nêu khá chi tiết các nguyên nhân làm chậm tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. **Các khó khăn, nguyên nhân vướng mắc chính ảnh hưởng đến công tác giải ngân vốn đầu tư công, tập trung vào các nhóm vấn đề chính sau:**

1. Nhóm nội dung liên quan đến thể chế, chính sách:

Còn tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo, áp dụng thiếu thống nhất của một số quy định pháp luật; phân cấp, phân quyền còn vướng mắc. Đây là những vấn đề cấp thiết, cần khẩn trương sửa đổi, hoàn thiện để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, nhất là: chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; quản lý khoáng sản là vật liệu thông thường; giao một địa phương làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư các dự án giao thông đường bộ qua nhiều địa phương và sử dụng ngân sách của địa phương này hỗ trợ vốn cho địa phương khác; giao địa phương làm cơ quan chủ quản, sử dụng vốn ngân sách địa phương đầu tư thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan trung ương trên địa bàn, nhất là các dự án quốc lộ, cao tốc; nâng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP);... Cùng với đó việc ban hành định mức đầu tư đối với dự án không có cấu phần xây dựng chậm, khó khăn trong việc lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư.

2. Nhóm khó khăn liên quan đến tổ chức triển khai thực hiện:

- Công tác lập kế hoạch đầu tư vốn NSNN chưa sát với khả năng thực hiện dẫn đến không phân bổ được hết kế hoạch giao, còn tình trạng "vốn chờ dự án đủ thủ tục", dự kiến vốn trước rồi mới tiến hành làm thủ tục đầu tư (quyết

định đầu tư các dự án) hoặc thực hiện các thủ tục gia hạn hiệp định, kéo dài thời gian bố trí vốn đối với dự án sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Công tác khảo sát, thiết kế dự án chưa tốt dẫn tới nhiều dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư nhưng vẫn chưa đủ điều kiện giải ngân vì bị vướng về quy hoạch, địa điểm, phải điều chỉnh đơn giá dẫn đến phải thay đổi hoặc điều chỉnh lại dự án.

- Công tác tổ chức triển khai thực hiện tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương còn nhiều bất cập; các cấp, các ngành chưa thực sự chủ động vào cuộc, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu chưa được đề cao, chưa rõ nét; công tác tuyên truyền đến người dân về chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng còn chưa đầy đủ, minh bạch, công bằng; người dân chưa đồng thuận, khiếu kiện về chính sách đền bù, yêu cầu xác định giá bồi thường sát giá thị trường; một số chủ đầu tư chưa tích cực thực hiện các thủ tục thanh toán, quyết toán; năng lực chuyên môn của một số cán bộ quản lý dự án, tư vấn giám sát, nhà thầu... còn hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu; công tác đôn đốc nhà thầu triển khai thi công chưa quyết liệt và hiệu quả.

- Vẫn còn tình trạng thiếu đất, cát và nguyên nhiên vật liệu thi công ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện và giải ngân của dự án. Thủ tục cấp phép mỏ, nâng công suất khai thác mỏ cơ bản vẫn chưa được rút ngắn và giảm bớt thủ tục theo cơ chế đặc thù của Chính phủ đã ban hành; một số địa phương giá vật liệu cao hơn nhiều so với đơn giá trong công bố giá địa phương; một số địa phương tại Đồng bằng sông Cửu Long bị thiếu hụt nguồn cung cát sử dụng trong đắp nền để thi công các dự án giao thông.

- Một số địa phương chưa thực sự chủ động nghiên cứu, xây dựng ban hành các quy định về việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia áp dụng tại địa phương theo thẩm quyền, tiếp tục kiến nghị nhiều lần các nội dung đã được giải quyết tại các Nghị định, Thông tư, văn bản mới được sửa đổi, bổ sung.

- Còn tình trạng cán bộ, công chức, viên chức có biểu hiện né tránh, đùn đẩy công việc, sợ sai, sợ trách nhiệm, không dám tham mưu, đề xuất xử lý công việc, không thực hiện đầy đủ chức năng, quyền hạn trong thực thi công vụ gây ách tắc trong công tác tổ chức thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công.

3. Nhóm khó khăn mang tính đặc thù của kế hoạch năm 2023:

- Khối lượng công việc nhiều hơn, ngoài việc điều hành kế hoạch năm của các dự án đã có trong trung hạn, các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện, giải ngân dự án thuộc Chương trình phục hồi phát triển kinh tế xã hội, 03 CTMTQG;

- Quy mô vốn đầu tư công năm 2023 tăng khoảng 23% (khoảng 130 nghìn tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2022 và tăng khoảng 250 nghìn tỷ đồng so với kế hoạch năm 2021 (năm đầu tiên của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025), trong đó lượng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia rất lớn (bao gồm kế

hoạch năm 2023 và toàn bộ số vốn năm 2022 chưa giải ngân được Quốc hội cho phép chuyển sang năm 2023);

- Các yếu tố như giá cả nguyên nhiên vật liệu dự báo biến động khó lường, tác động trực tiếp đến hoạt động đầu tư xây dựng, thi công của các nhà thầu...

Trong các nhóm nguyên nhân trên, nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng giải ngân chưa đạt kỳ vọng là công tác tổ chức triển khai thực hiện. Trong cùng một mặt bằng pháp luật, cùng điều kiện khó khăn chung về giá nguyên nhiên vật liệu tăng cao, một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương vẫn có tỷ lệ giải ngân tốt. Do các bộ, địa phương này đã tăng cường phân cấp, phân nhiệm, chủ động ngay từ khi xây dựng kế hoạch hằng năm, có thứ tự ưu tiên dự án đầu tư trọng tâm, trọng điểm và tránh dàn trải; Lựa chọn các nhà thầu thi công có năng lực và kinh nghiệm; Quan tâm, đào tạo, nâng cao chất lượng, trách nhiệm cán bộ làm công tác đầu tư công, thay đổi nhận thức và thói quen của các cán bộ này, không phải chờ các nhà thầu báo cáo mà phải sâu sát, nắm rõ tiến độ, kịp thời tháo gỡ, xử lý khó khăn và cuối cùng là phải sát sao trong công tác chỉ đạo điều hành từ người đứng đầu đơn vị.

4. Riêng đối với Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG), còn có những vướng mắc như:

- Việc giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương chi tiết theo dự án thành phần, lĩnh vực chi phù hợp với quy định Luật Ngân sách nhà nước, đảm bảo cho công tác thống kê, kiểm soát theo định mức chi tiêu ngân sách nhà nước; nhưng đã làm hạn chế sự chủ động của các địa phương trong phân bổ, sử dụng nguồn lực phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tiễn của địa phương ở từng thời điểm. Bên cạnh đó, Luật Ngân sách nhà nước chưa có quy định cho phép các địa phương được điều chỉnh vốn giữa các nội dung, dự án thành phần, lĩnh vực chi đã được Trung ương ương giao. Do vậy, các địa phương không thể giải ngân được vốn sự nghiệp của những nội dung, dự án thành phần đã hết đối tượng, hoặc không hiệu quả; nhưng cũng không có thẩm quyền điều chỉnh vốn sang thực hiện những nội dung, dự án thành phần thuộc cùng CTMTQG.

- Trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các địa phương còn gặp lúng túng, khó khăn trong:

+ Sử dụng vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua các đối tượng chủ trì liên kết, hoặc đại diện cộng đồng người dân do phải đảm bảo quy định chi ngân sách nhà nước để mua sắm hàng hóa phải tổ chức đấu thầu theo quy định Luật Ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, Luật Đấu thầu chưa quy định rõ về đối tượng, quy trình, phương pháp đấu thầu mua sắm khi nhà nước giao đối tượng ngoài nhà nước (chủ trì liên kết, tổ, nhóm cộng đồng) tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa từ nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước để thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các CTMTQG.

+ Quản lý tài sản hình thành từ dự án trong trường hợp tài sản được hình thành từ cả nguồn vốn hỗ trợ của NSNN, của cả chủ trì liên kết, cộng đồng người

dân tham gia do Luật Quản lý, sử dụng tài sản công chưa có quy định cụ thể về quản lý tài sản được hình thành trong trường hợp này.

5. Riêng 41 bộ, cơ quan trung ương và 24 địa phương có tỷ lệ giải ngân thấp còn có những khó khăn, vướng mắc như:

- Các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin thiếu các hướng dẫn cụ thể về việc xác định chi phí xây dựng, nâng cấp, mở rộng phần mềm; nội dung phân tích lựa chọn giải pháp kỹ thuật công nghệ; định mức, đơn giá làm cơ sở xác định tổng mức đầu tư của dự án.

- Các dự án thủy lợi, đê điều có tính đặc thù, công tác thi công có tính thời vụ, thời gian thi công ngắn, vừa thi công, vừa phải đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp, việc khoan đê, cắt đê không thực hiện được trong mùa mưa bão.

- Các dự án mua sắm lớn mang tính chất đặc thù như của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường phần lớn là hàng nhập khẩu trang thiết bị đặc chủng, thiết bị chuyên dùng có yêu cầu kỹ thuật cao và tính đồng bộ nên mất nhiều thời gian.

- Nhiều dự án đầu tư cơ sở vật chất, trụ sở làm việc (liên quan đến cấu phần xây dựng) của ngành, quy mô dự án và số vốn nhỏ, đầu tư rải rác trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố gặp vướng mắc trong việc giao đất; điều chỉnh quy hoạch cục bộ; trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng (xác định nguồn gốc đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư). Ngoài ra, các dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của các bộ, cơ quan trung ương ở nước ngoài như Bộ Ngoại giao, Văn phòng Trung ương Đảng, Thông tấn xã Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong việc hoàn thiện thủ tục đầu tư tại nước ngoài.

- Vướng mắc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng: Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06/5/2023 của Chính phủ về ủy quyền quyết định giá đất cụ thể có hiệu lực từ ngày 01/7/2023, UBND tỉnh sẽ phân cấp cho UBND cấp huyện quyết định giá đất cụ thể; tuy nhiên, một số địa phương cấp huyện còn e ngại về cơ cấu tổ chức bộ máy chưa sẵn sàng để thực hiện nhiệm vụ thẩm định giá đất nên cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng.

(Chi tiết khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân ảnh hưởng tới tiến độ giải ngân của 41 bộ, cơ quan trung ương và 24 địa phương có tỷ lệ giải ngân 10 tháng đầu năm 2023 dưới trung bình của cả nước tại Phụ lục số II kèm theo).

IV. NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

Đạt được những kết quả nêu trên là nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự lãnh đạo của Đảng; sự giám sát và đồng hành của Quốc hội; sự chỉ đạo quyết liệt, sát tình hình, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự nỗ lực, quyết tâm, phối hợp chặt chẽ của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; sự ủng hộ của doanh nghiệp, người dân và những kết quả, kinh nghiệm có được trong việc triển khai kế hoạch đầu tư công các năm qua.

Những tồn tại, hạn chế do cả nguyên nhân khách quan, chủ quan trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu, nhất là các tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện. Vai trò người đứng đầu tại một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương chưa được phát huy đầy đủ, năng lực lập kế hoạch chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án còn hạn chế; vướng mắc về GPMB chưa được giải quyết dứt điểm; nhiều dự án gặp khó khăn trong việc tìm bãi đổ thải trong quá trình thi công; cấp mỏ và khai thác vật liệu xây dựng; sự phối hợp giữa các cơ quan có lúc, có nơi còn thiếu chặt chẽ; công tác thanh tra, kiểm tra chưa quyết liệt; việc xử lý các trường hợp chậm trễ, vi phạm quy định còn chưa kịp thời, nghiêm minh...

2. Bài học kinh nghiệm

Trong cùng hệ thống pháp luật, cùng điều kiện khó khăn chung, một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương vẫn có tỷ lệ giải ngân tốt là do các bộ, địa phương này đã tăng cường phân cấp, phân nhiệm, chủ động ngay từ khi xây dựng kế hoạch hằng năm, có thứ tự ưu tiên dự án đầu tư trọng tâm, trọng điểm và tránh dàn trải; Lựa chọn các nhà thầu thi công có năng lực và kinh nghiệm; Quan tâm, đào tạo, nâng cao chất lượng, trách nhiệm cán bộ làm công tác đầu tư công, phải sâu sát, nắm rõ tiến độ, kịp thời tháo gỡ, xử lý khó khăn và cuối cùng là phải sát sao trong công tác chỉ đạo điều hành từ người đứng đầu đơn vị. Qua đó, bài học kinh nghiệm cần rút ra là:

(1) Vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp và người đứng đầu là yếu tố then chốt đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, giải ngân các dự án đầu tư công được thống nhất cao từ Trung ương đến cơ sở. Địa phương nào có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị thì việc triển khai thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm đều đạt kết quả tốt.

(2) Điều hành đồng bộ, linh hoạt, quyết liệt, hiệu quả, kịp thời; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, lãnh đạo, tổ chức thực hiện dự án đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương, địa phương là điều kiện tiên quyết để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

(3) Hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công từ trung ương đến địa phương. Các nội dung còn chưa rõ về cơ sở pháp lý, cơ chế thực hiện phải được rà soát thường xuyên, bổ sung các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện; kịp thời sửa đổi, bổ sung, xử lý dứt điểm vướng mắc khó khăn về thể chế chính sách về quản lý, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công theo nguyên tắc tăng cường phân cấp, đồng bộ, tránh trùng chéo, mâu thuẫn.

(4) Nâng cao hơn nữa năng lực phân tích, lập kế hoạch, làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án, kịp thời, quyết liệt xử lý có hiệu quả các vấn đề, khó khăn vướng mắc phát sinh; làm việc nào dứt điểm việc đó, không để kéo dài, gây ách tắc, lãng phí nguồn lực.

(5) Chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phân cấp gắn với phân

bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi của cấp dưới và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Các đơn vị trực tiếp triển khai kế hoạch đầu tư công phải chủ động rà soát, thông tin kịp thời, chính xác về khó khăn, vướng mắc để các cơ quan quản lý có chính sách, giải pháp nhanh, mạnh, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

(6) Tăng cường, đẩy mạnh cải cách thể chế, phân cấp, phân quyền, phân công, phân nhiệm, đôn đốc và tăng cường phối hợp; thường xuyên thực hiện việc thanh tra, kiểm toán quá trình tổ chức thực hiện, sử dụng nguồn lực, kịp thời phát hiện và xử lý những vi phạm đảm bảo nâng cao hiệu quả đầu tư, hiệu lực chấp hành pháp luật trong triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan chính trị - xã hội các cấp, sự tham gia giám sát của người dân và các cơ quan truyền thông đối với quá trình tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

V. KIẾN NGHỊ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRONG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM

Số vốn chưa giải ngân kế hoạch năm 2023 còn khá lớn (còn khoảng 247 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 35% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao), trong khi thời gian từ nay đến cuối năm chỉ còn hơn 35 ngày, do đó cần có sự quyết tâm rất cao, sự vào cuộc quyết liệt, triển khai một cách đồng bộ, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành mới có thể hoàn thành ở mức cao nhất nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 08/CT-TTg là tỷ lệ giải ngân trên 95%.

Để hoàn thành mục tiêu Thủ tướng Chính phủ đã đề ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thường trực Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đặc biệt là các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có tỷ lệ giải ngân thấp triển khai thực hiện các giải pháp sau:

1. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

(1) Quán triệt nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại các Nghị quyết phiên họp thường kỳ của Chính phủ, Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23/3/2023, Công điện số 749/CĐ-TTg ngày 18/08/2023 và các văn bản chỉ đạo của lãnh đạo Chính phủ về đôn đốc phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công năm 2023; đẩy mạnh hơn nữa hoạt động của 05 Tổ công tác theo Quyết định số 235/QĐ-TTg và 26 đoàn công tác do các Thành viên Chính phủ là trưởng đoàn, làm việc với các địa phương để kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn theo Quyết định số 435/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Tập trung giải ngân toàn bộ số vốn được giao, không đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư vốn năm 2023. Tập trung ưu tiên trong chỉ đạo điều hành, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

(3) Phát động phong trào thi đua thực hiện giải ngân vốn đầu tư công những ngày còn lại cuối năm. Trong đó, lập kế hoạch giải ngân chi tiết từng dự án và tuân thủ nghiêm kế hoạch theo từng tuần, phân công cụ thể lãnh đạo chịu trách

nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện từng dự án;

(4) Thực hiện cơ chế phân công, giao trách nhiệm, phối hợp rõ ràng, cụ thể về thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện và giải ngân vốn cho các dự án, chịu trách nhiệm về kết quả giải ngân của từng dự án, coi đây là căn cứ đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm 2023.

(5) Người đứng đầu bộ, cơ quan Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực tiếp phối hợp, làm việc với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giải quyết vướng mắc phát sinh.

(6) Thực hiện tạm ứng, thu hồi tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định và ngay khi có khối lượng.

(7) Thay thế kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, trì trệ, gây những phiền hà, kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực trong quản lý đầu tư công.

(8) Kịp thời công bố giá vật liệu xây dựng; kiểm soát chặt chẽ về giá các loại vật liệu chính như cát, đất đắp và đá, tránh tình trạng các chủ mỏ liên kết tự ý nâng giá vật liệu, có chế tài xử lý nghiêm các trường hợp thao túng giá.

(9) Kiểm tra, giám sát hiện trường, kịp thời tháo gỡ khó khăn, về đất đai, tài nguyên, bãi đổ thải...; đôn đốc các nhà thầu, tư vấn tổ chức thi công “3 ca, 4 kíp” để đẩy nhanh tiến độ các dự án...

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(1) Theo dõi sát tiến độ thực hiện giải ngân của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ để ban hành các giải pháp điều hành linh hoạt nhằm hoàn thành mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2023.

(2) Đôn đốc, hướng dẫn, xử lý các khó khăn, vướng mắc của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong việc thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

(3) Trình Thủ tướng Chính phủ giao dự toán NSNN và kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024 theo đúng thời gian quy định để các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có căn cứ giao, triển khai kế hoạch ngay từ những ngày đầu, tháng đầu của năm 2024.

3. Bộ Tài chính

(1) Chỉ đạo Kho bạc Nhà nước kịp thời thực hiện thanh toán khối lượng hoàn thành, rút ngắn thời gian kiểm soát chi, đẩy mạnh thanh toán qua dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại của các chủ đầu tư, công khai minh bạch quá trình xử lý hồ sơ tại cơ quan kiểm soát thanh toán;

(2) Chỉ đạo các đơn vị chức năng bảo đảm nguồn thanh toán cho các dự án; phối hợp với nhà tài trợ, các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời xử lý các vướng mắc về thanh, quyết toán, đàm phán, ký kết hiệp định, rút vốn từ nhà tài trợ.

4. Bộ Giao thông vận tải

(1) Phối hợp chặt chẽ, kịp thời với các bộ, địa phương để đẩy nhanh tiến độ, tháo gỡ kịp thời các khó khăn vướng mắc các dự án hạ tầng giao thông quan trọng quốc gia, trọng điểm.

(2) Đơn đốc chỉ đạo các nhà thầu, tư vấn đẩy nhanh tiến độ thi công, nghiệm thu, thanh toán vốn đầu tư ngay khi có khối lượng đối với các dự án quan trọng quốc gia do Bộ triển khai thực hiện.

5. Bộ Xây dựng: Kịp thời hướng dẫn, kiểm tra, đơn đốc các địa phương thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, công bố giá và chỉ số giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng phù hợp diễn biến giá thị trường.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường

(1) Tiếp tục khẩn trương hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thủ tục liên quan đến quy trình cấp phép mỏ, khai thác nguyên vật liệu đá, cát, đất, sỏi phục vụ dự án đầu tư công, bảo đảm nhanh, hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

(2) Phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính giải quyết kịp thời những vướng mắc trong định giá đất, thu tiền sử dụng đất, bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư công.

7. Bộ Công Thương: Theo dõi sát diễn biến tình hình, kiểm soát và có biện pháp kịp thời theo quy định để đảm bảo nguồn cung và ổn định giá cả của nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào, đặc biệt là xăng, dầu, sắt thép, vật liệu xây dựng và cung ứng điện.

8. Bộ Thông tin và Truyền thông: Kịp thời hướng dẫn việc xác định chi phí xây dựng, nâng cấp, mở rộng phần mềm, định mức, đơn giá làm cơ sở xác định tổng mức đầu tư của dự án công nghệ thông tin.

Trên đây là Báo cáo về tình hình giải ngân và khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng tới tiến độ giải ngân vốn đầu tư công trong 10 tháng đầu năm 2023; đề xuất, kiến nghị giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công trong những tháng còn lại của năm 2023. Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo Thường trực Chính phủ. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHĐT: Bộ trưởng; Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ (bản điện tử);
- Lưu: VT, Vụ TH.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng

PHỤ LỤC I

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 10 THÁNG NĂM 2023 VÀ ƯỚC GIẢI NGÂN 11 THÁNG NĂM 2023 CỦA CẢ NƯỚC
(Kèm theo Báo cáo số 9895/BC-BKHDT ngày 26 tháng 11 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 được TT/CP giao										Kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 10 tháng năm 2023 (theo báo cáo của Bộ Tài chính)				Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 10 tháng năm 2023 so với tổng số vốn được TT/CP giao				Ước giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 (theo báo cáo của Bộ Tài chính)				Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 so với tổng số vốn được TT/CP giao				Ghi chú	
		Trong đó:					Trong đó:					Trong đó:				Trong đó:				Trong đó:									
		Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Vốn NSTW		Vốn cân đối NSDP	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Vốn NSTW		Vốn cân đối NSDP	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Vốn NSTW		Vốn cân đối NSDP	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Vốn NSTW		Vốn cân đối NSDP	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài				
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					Vốn trong nước	Vốn nước ngoài				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		
TỔNG SỐ (*)																													
A	SỞ VỐN ĐÀ PHẢN BÓ CHỦ TỊCH BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG	711.684.386	368.403.344	339.403.344	29.000.000	343.281.042	389.676.772	182.088.233	171.432.133	10.656.100	207.588.539	55,02%	49,89%	51,03%	36,75%	60,47%	460.980.050	216.678.649	205.525.618	11.153.031	244.301.401	65,09%	59,37%	61,17%	38,46%	71,17%			
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương	194.437.047	194.437.047	182.578.733	11.858.314	94.228.851	94.228.851	88.051.571	6.177.280	48,46%	48,46%	48,23%	52,09%	111.978.090	111.978.090	105.640.260	6.337.830	57,59%	57,59%	57,86%	53,45%								
1	Văn phòng Quốc hội	14.500	14.500	14.500		6.416	6.416	6.416		44,25%	44,25%	44,25%		12.124	12.124	12.124		83,61%	83,61%	83,61%									
2	Văn phòng Trung ương Đảng	304.500	304.500	304.500		19.307	19.307	19.307		6,34%	6,34%	6,34%		34.142	34.142	34.142		11,21%	11,21%	11,21%									
3	Văn phòng Chính phủ	144.200	144.200	144.200		42.013	42.013	42.013		29,14%	29,14%	29,14%		59.012	59.012	59.012		40,92%	40,92%	40,92%									
4	Tòa án nhân dân tối cao	838.000	838.000	838.000		248.466	248.466	248.466		29,65%	29,65%	29,65%		336.014	336.014	336.014		40,10%	40,10%	40,10%									
5	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	996.499	996.499	996.499		493.392	493.392	493.392		49,51%	49,51%	49,51%		593.425	593.425	593.425		59,55%	59,55%	59,55%									
6	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	411.600	411.600	411.600		64.844	64.844	64.844		15,75%	15,75%	15,75%		79.523	79.523	79.523		19,32%	19,32%	19,32%									
7	Bộ Quốc phòng	22.360.000	22.360.000	22.360.000	60.000	11.693.776	11.693.776	11.693.776		52,30%	52,30%	52,44%		16.013.000	16.013.000	16.013.000		71,61%	71,61%	71,81%									
8	Bộ Công an	6.755.302	6.755.302	6.755.302		2.977.183	2.977.183	2.977.183		44,07%	44,07%	44,07%		4.729.394	4.729.394	4.729.394		70,01%	70,01%	70,01%									
9	Bộ Ngoại giao	500.000	500.000	500.000		21.606	21.606	21.606		4,32%	4,32%	4,32%		109.212	109.212	109.212		21,84%	21,84%	21,84%									
10	Bộ Tư pháp	540.800	540.800	540.800		108.770	108.770	108.770		20,11%	20,11%	20,11%		144.542	144.542	144.542		26,73%	26,73%	26,73%									
11	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	753.900	753.900	753.900		157.723	157.723	157.723		20,92%	20,92%	20,92%		222.145	222.145	222.145		29,47%	29,47%	29,47%									
12	Bộ Tài chính	2.621.000	2.621.000	2.621.000		32.961	32.961	32.961		1,26%	1,26%	1,26%		100.525	100.525	100.525		3,84%	3,84%	3,84%									
13	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	9.851.846	9.851.846	8.051.846	1.800.000	5.682.975	5.682.975	4.959.481	723.494	57,68%	57,68%	61,59%	40,19%	6.815.521	6.815.521	6.042.027	773.494	69,18%	69,18%	75,04%	42,97%								
14	Bộ Công Thương	872.248	872.248	710.000	162.248	202.702	202.702	202.702		23,24%	23,24%	28,55%		291.124	291.124	291.124		33,38%	33,38%	41,00%									
15	Bộ Giao thông vận tải	94.161.562	94.161.562	89.202.886	4.958.676	60.402.110	60.402.110	56.768.348	3.633.763	64,15%	64,15%	63,64%	73,28%	69.135.308	69.135.308	65.501.545	3.633.763	73,42%	73,42%	73,43%	73,28%								
16	Bộ Xây dựng	470.940	470.940	445.500	25.440	68.569	68.569	68.569		14,56%	14,56%	15,39%		109.014	109.014	109.014		23,15%	23,15%	24,47%									
17	Bộ Thông tin và Truyền thông	615.900	615.900	615.900		15.909	15.909	15.909		2,58%	2,58%	2,58%		42.210	42.210	42.210		6,85%	6,85%	6,85%									
18	Bộ Khoa học và Công nghệ	293.700	293.700	293.700		11.835	11.835	11.835		4,03%	4,03%	4,03%		25.030	25.030	25.030		8,52%	8,52%	8,52%									
19	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2.313.597	2.313.597	1.533.249	780.348	641.931	641.931	129.675	512.257	27,75%	27,75%	27,75%	65,64%	762.821	762.821	191.014	571.807	32,97%	32,97%	32,97%	73,28%								
20	Bộ Y tế	2.063.400	2.063.400	2.063.400		269.289	269.289	269.289		13,05%	13,05%	13,05%		434.514	434.514	434.514		21,06%	21,06%	21,06%									
21	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.953.308	1.953.308	1.953.308		284.559	284.559	284.559		14,57%	14,57%	14,57%		432.874	432.874	432.874		22,16%	22,16%	22,16%									
22	Bộ Nội vụ	641.100	641.100	641.100		66.968	66.968	66.968		10,45%	10,45%	10,45%		105.554	105.554	105.554		16,46%	16,46%	16,46%									
23	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1.293.563	1.293.563	1.241.300	52.263	35.443	35.443	35.054	389	2,74%	2,74%	2,82%	0,74%	54.403	54.403	54.014	389	4,21%	4,21%	4,35%	0,74%								
24	Bộ Tài nguyên và Môi trường	1.610.235	1.610.235	1.430.035	180.200	563.193	563.193	505.921	57.272	34,98%	34,98%	35,38%	31,78%	712.617	712.617	604.345	108.272	44,26%	44,26%	42,26%	60,08%								
25	Thanh tra Chính phủ	26.400	26.400	26.400										3.210	3.210	3.210		12,16%	12,16%	12,16%									
26	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	24.283.993	24.283.993	24.283.993		664.982	664.982	664.982		2,74%	2,74%	2,74%		690.224	690.224	690.224		2,84%	2,84%	2,84%									
27	Ủy ban dân tộc	90.627	90.627	90.627																									
28	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	149.700	149.700	149.700		90.722	90.722	90.722		60,60%	60,60%	60,60%		111.879	111.879	111.879		74,74%	74,74%	74,74%									
29	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	36.200	36.200	36.200		16.361	16.361	16.361		45,20%	45,20%	45,20%		23.000	23.000	23.000		63,54%	63,54%	63,54%									
30	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	2.849.470	2.849.470	549.000	2.300.470	1.346.764	1.346.764	96.658	1.250.105	47,26%	47,26%	17,61%	54,34%	1.381.259	1.381.259	131.154	1.250.105	48,47%	48,47%	23,89%	54,34%								
31	Thông tấn xã Việt Nam	135.600	135.600	135.600		23.395	23.395	23.395		17,25%	17,25%	17,25%		64.245	64.245	64.245		47,38%	47,38%	47,38%									
32	Đài tiếng nói Việt Nam	280.500	280.500	280.500		128.141	128.141	128.141		45,68%	45,68%	45,68%		192.124	192.124	192.124		68,49%	68,49%	68,49%									
33	Đài Truyền hình Việt Nam	204.700	204.700	204.700		66.709	66.709	66.709		32,59%	32,59%	32,59%		108.265	108.265	108.265		52,89%	52,89%	52,89%									
34	Kiểm toán Nhà nước	88.000	88.000	88.000		10.000	10.000	10.000		11,36%	11,36%	11,36%		20.000	20.000	20.000		22,73%	22,73%	22,73%									
35	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	128.500	128.500	128.500										10.000	10.000	10.000		7,78%	7,78%	7,78%									
36	Tổng liên đoàn lao động Việt Nam	98.600	98.600	98.600		2.675	2.675	2.675		2,71%	2,71%	2,71%		8.456	8.456	8.456		8,58%	8,58%	8,58%									
37	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	608.600	608.600	608.600		159.084	159.084	159.084		26,14%	26,14%	26,14%		190.245	190.245	190.245		31,26%	31,26%	31,26%									
38	Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	151.900	151.900	151.900		3.843	3.843	3.843		2,53%	2,53%	2,53%		11.014	11.014	11.014		7,25%	7,25%	7,25%									
39	Hội nông dân Việt Nam	43.900	43.900	43.900		24.568	24.568	24.568		55,96%	55,96%	55,96%		32.027															

TT	Bò, cơ quan TW và địa phương	Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 được TTgCP giao					Kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 10 tháng năm 2023 (theo báo cáo của Bộ Tài chính)					Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 10 tháng năm 2023 so với tổng số vốn được TTgCP giao					Ước giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 (theo báo cáo của Bộ Tài chính)					Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 so với tổng số vốn được TTgCP giao					Ghi chú
		Trong đó:					Trong đó:					Trong đó:					Trong đó:										
		Vốn NSTW					Vốn NSTW					Vốn NSTW					Vốn NSTW										
		Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Trong đó:		Vốn cân đối NSDP		Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Trong đó:		Vốn cân đối NSDP		Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Trong đó:		Vốn cân đối NSDP		Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Trong đó:		Vốn cân đối NSDP		Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Trong đó:		Vốn cân đối NSDP		
	Tổng số (Vốn trong nước + Vốn nước ngoài)	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			Tổng số (Vốn trong nước + Vốn nước ngoài)	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			Tổng số (Vốn trong nước + Vốn nước ngoài)	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			Tổng số (Vốn trong nước + Vốn nước ngoài)	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			Tổng số (Vốn trong nước + Vốn nước ngoài)	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài				
56	Thành phố Cần Thơ	7.875.185	2.730.250	1.965.700	764.550	5.144.935	5.864.167	1.699.741	1.430.987	268.754	4.164.426	74,46%	62,26%	72,80%	35,15%	80,94%	6.538.965	1.939.599	1.670.845	268.754	4.599.367	83,03%	71,04%	85,00%	35,15%	89,40%	
57	Hầu Giang	4.754.233	2.625.409	2.454.035	171.374	2.128.824	2.928.479	1.214.733	1.196.318	18.415	1.783.746	63,07%	46,27%	48,75%	10,75%	83,79%	3.667.201	1.834.810	1.816.394	18.415	1.832.391	77,14%	69,89%	74,02%	10,75%	86,08%	
58	Sóc Trăng	5.933.575	3.047.618	2.899.691	147.927	2.885.957	3.621.845	1.564.974	1.556.965	8.008	2.056.871	61,04%	51,35%	53,69%	5,41%	71,27%	3.989.228	1.689.228	1.681.220	8.008	2.300.000	67,23%	55,43%	57,98%	5,41%	79,70%	
59	An Giang	7.648.285	3.882.709	3.304.538	578.171	3.765.576	4.677.496	2.708.507	2.635.158	73.749	1.968.589	61,16%	69,77%	79,74%	12,76%	52,28%	5.289.829	3.026.057	2.952.309	73.749	2.263.771	69,16%	77,94%	89,34%	12,76%	60,12%	
60	Đông Tháp	5.644.875	2.417.971	2.417.971		3.226.904	5.069.188	1.919.988	1.919.988		3.149.200	89,80%	79,40%	97,59%	5,691.365	2.085.982	2.085.982		3.605.383	100,82%	86,27%	86,27%			111,73%		
61	Kiên Giang	5.581.736	1.815.547	1.785.547	30.000	3.766.189	3.772.651	728.094	728.094		3.044.557	67,59%	40,10%	40,78%	80,84%	4.180.000	880.000	880.000		3.300.000	74,89%	48,47%	49,28%			87,62%	
62	Bạc Liêu	3.900.656	1.586.238	1.481.421	104.817	2.314.418	2.069.315	861.985	830.585	31.400	1.207.330	53,05%	54,34%	56,07%	29,96%	52,17%	2.650.564	1.124.195	1.092.796	31.400	1.526.368	67,95%	70,87%	73,77%	29,96%	65,95%	
63	Cà Mau	4.297.403	1.617.798	1.476.487	141.311	2.679.605	3.010.280	1.162.054	1.162.054		1.848.225	70,05%	71,83%	78,70%	68,97%	3.420.235	1.272.725	1.272.725		2.147.510	79,59%	78,67%	86,20%			80,14%	
C	SỐ VỐN QUỐC HỘI, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT	3.432.000	3.432.000	3.432.000																							

Ghi chú: Không bao gồm 15.000 tỷ đồng chi đầu tư cho các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển nhưng không thuộc phạm vi của Luật Đầu tư công; (i) 8.247 tỷ đồng xử lý bù giá trong bao tiêu sản phẩm cho dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn theo Nghị quyết số 42/2021/QH15 của Quốc hội và (ii) 6.753 tỷ đồng bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

PHỤ LỤC I.A

DANH SÁCH BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG GIẢI VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
11 THÁNG NGÂN CAO TRÊN 70% KẾ HOẠCH THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO

(Kèm theo Báo cáo số 9894/BC-BKHĐT ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 được TTgCP giao				Ước giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 (theo báo cáo của Bộ Tài chính)				Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 so với tổng số vốn được TTgCP giao					
		Tổng số vốn NSTW + vốn NSĐP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
			Vốn NSTW		Vốn cân đối NSĐP		Vốn NSTW		Vốn cân đối NSĐP		Vốn NSTW		Vốn cân đối NSĐP		
			Tổng số	Vốn trong nước			Vốn nước ngoài	Tổng số			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Tổng số	Vốn trong nước
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương														
1	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	4.313.000	4.313.000	4.313.000		4.313.000	4.313.000			100,00%	100,00%	100,00%			
2	Hội Nhà báo Việt Nam	4.900	4.900	4.900		4.900	4.900			100,00%	100,00%	100,00%			
3	Hội Luật gia Việt Nam	5.800	5.800	5.800		5.380	5.380			92,76%	92,76%	92,76%			
4	Văn phòng Quốc hội	14.500	14.500	14.500		12.124	12.124			83,61%	83,61%	83,61%			
5	Hội Nhà văn Việt Nam	9.900	9.900	9.900		8.078	8.078			81,60%	81,60%	81,60%			
6	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	149.700	149.700	149.700		111.879	111.879			74,74%	74,74%	74,74%			
7	Bộ Giao thông vận tải	94.161.562	94.161.562	89.202.886	4.958.676	69.135.308	69.135.308	65.501.545	3.633.763	73,42%	73,42%	73,43%	73,28%		
8	Hội nông dân Việt Nam	43.900	43.900	43.900		32.027	32.027			72,95%	72,95%	72,95%			
9	Bộ Quốc phòng	22.360.000	22.360.000	22.300.000	60.000	16.013.000	16.013.000	16.013.000		71,61%	71,61%	71,81%			
10	Bộ Công an	6.755.302	6.755.302	6.755.302		4.729.394	4.729.394	4.729.394		70,01%	70,01%	70,01%			
II	Địa phương														
1	Bình Dương	12.182.893	3.142.500	3.142.500		9.040.393	13.815.000	3.000.000		10.815.000	113,40%	95,47%	95,47%	119,63%	
2	Long An	8.811.467	2.904.621	2.807.856	96.765	5.906.846	9.930.663	2.504.264	2.481.165	23.099	7.426.398	112,70%	86,22%	88,37%	23,87%
3	Bà Rịa Vũng Tàu	10.792.111	1.618.000	1.618.000		9.174.111	11.530.819	1.618.000	1.618.000		9.912.819	106,84%	100,00%	100,00%	108,05%
4	Tiền Giang	4.954.925	1.831.644	1.831.644		3.123.281	5.025.100	1.425.100	1.425.100		3.600.000	101,42%	77,80%	77,80%	115,26%
5	Đồng Tháp	5.644.875	2.417.971	2.417.971		3.226.904	5.691.365	2.085.982	2.085.982		3.605.383	100,82%	86,27%	86,27%	111,73%
6	Thành phố Hải Phòng	13.403.337	1.358.970	1.186.300	172.670	12.044.367	13.380.048	1.103.812	1.064.665	39.147	12.276.236	99,83%	81,22%	89,75%	22,67%
7	Vĩnh Phúc	7.688.404	344.639	304.200	40.439	7.343.765	7.609.522	60.978	60.578	400	7.548.544	98,97%	17,69%	19,91%	0,99%
8	Tây Ninh	4.061.544	1.264.598	999.361	265.237	2.796.946	4.007.944	965.220	909.365	55.854	3.042.725	98,68%	76,33%	90,99%	21,06%
9	Nam Định	5.463.393	2.420.008	2.404.433	15.575	3.043.385	5.281.795	1.495.978	1.480.403	15.575	3.785.817	96,68%	61,82%	61,57%	100,00%
10	Thừa Thiên Huế	5.758.257	2.704.991	2.021.041	683.950	3.053.266	5.373.405	2.173.405	1.815.000	358.405	3.200.000	93,32%	80,35%	89,81%	52,40%
11	Hà Tĩnh	6.065.881	3.571.790	2.912.630	659.160	2.494.091	5.633.368	2.048.368	1.905.748	142.620	3.585.000	92,87%	57,35%	65,43%	21,64%
12	Thái Bình	4.909.902	1.505.531	1.454.984	50.547	3.404.371	4.471.576	1.065.707	1.029.044	36.663	3.405.869	91,07%	70,79%	70,73%	72,53%
13	Hà Nam	7.371.575	3.299.200	3.299.200		4.072.375	6.700.000	1.500.000	1.500.000		5.200.000	90,89%	45,47%	45,47%	127,69%
14	Bình Định	7.423.830	2.576.650	2.406.268	170.382	4.847.180	6.625.822	2.253.317	2.096.253	157.064	4.372.505	89,25%	87,45%	87,12%	92,18%
15	Yên Bái	3.790.604	2.304.257	1.962.674	341.583	1.486.347	3.311.324	1.375.589	1.333.477	42.112	1.935.735	87,36%	59,70%	67,94%	12,33%
16	Bắc Giang	8.008.472	2.804.332	2.563.740	240.592	5.204.140	6.853.163	1.877.745	1.796.835	80.909	4.975.418	85,57%	66,96%	70,09%	33,63%
17	Thành phố Cần Thơ	7.875.185	2.730.250	1.965.700	764.550	5.144.935	6.538.965	1.939.599	1.670.845	268.754	4.599.367	83,03%	71,04%	85,00%	35,15%
18	Nghệ An	9.154.530	4.081.829	3.664.853	416.976	5.072.701	7.438.827	2.960.822	2.833.996	126.826	4.478.005	81,26%	72,54%	77,33%	30,42%
19	Cà Mau	4.297.403	1.617.798	1.476.487	141.311	2.679.605	3.420.235	1.272.725	1.272.725		2.147.510	79,59%	78,67%	86,20%	80,14%

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 được TTgCP giao					Ước giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 (theo báo cáo của Bộ Tài chính)					Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 so với tổng số vốn được TTgCP giao				
		Tổng số vốn NSTW + vốn NSDP	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			
			Vốn NSTW			Vốn cân đối NSDP		Vốn NSTW			Vốn cân đối NSDP		Vốn NSTW			Vốn cân đối NSDP
			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước		Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước		Vốn nước ngoài							
20	Lào Cai	5.341.971	2.526.014	2.250.964	275.050	2.815.957	4.236.368	1.532.368	1.443.000	89.368	2.704.000	79,30%	60,66%	64,11%	32,49%	96,02%
21	Hậu Giang	4.754.233	2.625.409	2.454.035	171.374	2.128.824	3.667.201	1.834.810	1.816.394	18.415	1.832.391	77,14%	69,89%	74,02%	10,75%	86,08%
22	Bến Tre	5.305.584	2.898.893	2.363.606	535.287	2.406.691	4.072.008	2.087.062	2.063.260	23.802	1.984.947	76,75%	72,00%	87,29%	4,45%	82,48%
23	Kiên Giang	5.581.736	1.815.547	1.785.547	30.000	3.766.189	4.180.000	880.000	880.000		3.300.000	74,89%	48,47%	49,28%		87,62%
24	Đắk Lắk	5.992.032	3.302.059	3.098.059	204.000	2.689.973	4.424.313	1.891.664	1.843.484	48.180	2.532.649	73,84%	57,29%	59,50%	23,62%	94,15%
25	Phú Thọ	4.112.823	2.550.637	2.459.586	91.051	1.562.186	2.972.977	1.660.000	1.660.000		1.312.977	72,29%	65,08%	67,49%		84,05%
26	Thái Nguyên	7.863.264	1.849.063	1.711.714	137.349	6.014.201	5.680.036	1.530.036	1.472.000	58.036	4.150.000	72,24%	82,75%	86,00%	42,25%	69,00%
27	Vĩnh Long	4.437.703	1.440.106	1.099.656	340.450	2.997.597	3.171.915	786.179	724.909	61.270	2.385.735	71,48%	54,59%	65,92%	18,00%	79,59%

PHỤ LỤC IB

DANH SÁCH BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG GIẢI NGÂN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
11 THÁNG DƯỚI MỨC TRUNG BÌNH CỦA CẢ NƯỚC (65,1% KẾ HOẠCH THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO)

(Kèm theo Báo cáo số 9894/BC-BKHĐT ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 được TTgCP giao				Ước giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 (theo báo cáo của Bộ Tài chính)				Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 so với tổng số vốn được TTgCP giao				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
			Vốn NSTW		Vốn cân đối NSDP		Vốn NSTW		Vốn cân đối NSDP		Vốn NSTW		Vốn cân đối NSDP	
			Tổng số	Vốn trong nước			Vốn nước ngoài	Tổng số			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương													
1	Ủy ban dân tộc	90.627	90.627	90.627						0%	0%	0%		
2	Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	52.500	52.500	52.500						0%	0%	0%		
3	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	24.283.993	24.283.993	24.283.993						2,84%	2,84%	2,84%		Nếu không tính khoản hỗ trợ lãi suất của các ngân hàng thương mại (23.965,093 tỷ đồng), tỷ lệ giải ngân của NHNN đạt 97,74% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao
4	Bộ Tài chính	2.621.000	2.621.000	2.621.000						3,84%	3,84%	3,84%		
5	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1.293.563	1.293.563	1.241.300	52.263				389	4,21%	4,21%	4,35%	0,74%	
6	Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc	214.400	214.400	214.400						5,60%	5,60%	5,60%		
7	Bộ Thông tin và Truyền thông	615.900	615.900	615.900						6,85%	6,85%	6,85%		
8	Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	151.900	151.900	151.900						7,25%	7,25%	7,25%		
9	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	128.500	128.500	128.500						7,78%	7,78%	7,78%		
10	Bộ Khoa học và Công nghệ	293.700	293.700	293.700						8,52%	8,52%	8,52%		
11	Tổng liên đoàn lao động Việt Nam	98.600	98.600	98.600						8,58%	8,58%	8,58%		
12	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	173.788	173.788	173.788						9,07%	9,07%	9,07%		
13	Văn phòng Trung ương Đảng	304.500	304.500	304.500						11,21%	11,21%	11,21%		
14	Đại học Quốc gia Hà Nội	1.406.762	1.406.762	539.500	867.262					11,58%	11,58%	30,20%		
15	Thanh tra Chính phủ	26.400	26.400	26.400						12,16%	12,16%	12,16%		
16	Bộ Nội vụ	641.100	641.100	641.100						16,46%	16,46%	16,46%		
17	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	411.600	411.600	411.600						19,32%	19,32%	19,32%		
18	Bộ Y tế	2.063.400	2.063.400	2.063.400						21,06%	21,06%	21,06%		
19	Bộ Ngoại giao	500.000	500.000	500.000						21,84%	21,84%	21,84%		

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 được TTgCP giao					Ước giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 (theo báo cáo của Bộ Tài chính)					Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 so với tổng số vốn được TTgCP giao					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			Vốn cân đối NSĐP	Tổng số	Trong đó:			Vốn cân đối NSĐP	Tổng số	Trong đó:				
			Vốn NSTW		Vốn nước ngoài			Vốn NSTW		Vốn nước ngoài			Vốn NSTW		Vốn nước ngoài		
			Tổng số	Vốn trong nước				Tổng số	Vốn trong nước				Tổng số	Vốn trong nước			
20	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.953.308	1.953.308	1.953.308		432.874	432.874	432.874			22,16%	22,16%	22,16%				
21	Kiểm toán Nhà nước	88.000	88.000	88.000		20.000	20.000	20.000			22,73%	22,73%	22,73%				
22	Bộ Xây dựng	470.940	470.940	445.500	25.440	109.014	109.014	109.014			23,15%	23,15%	24,47%				
23	Bộ Tư pháp	540.800	540.800	540.800		144.542	144.542	144.542			26,73%	26,73%	26,73%				
24	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	753.900	753.900	753.900		222.145	222.145	222.145			29,47%	29,47%	29,47%				
25	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	608.600	608.600	608.600		190.245	190.245	190.245			31,26%	31,26%	31,26%				
26	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2.313.597	2.313.597	1.533.249	780.348	762.821	762.821	191.014	571.807		32,97%	32,97%	12,46%	73,28%			
27	Bộ Công Thương	872.248	872.248	710.000	162.248	291.124	291.124	291.124			33,38%	33,38%	41,00%				
28	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	1.353.007	1.353.007	681.600	671.407	453.154	453.154	453.154			33,49%	33,49%	66,48%				
29	Ban Quản lý Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam	320.000	320.000	320.000		120.046	120.046	120.046			37,51%	37,51%	37,51%				
30	Tòa án nhân dân tối cao	838.000	838.000	838.000		336.014	336.014	336.014			40,10%	40,10%	40,10%				
31	Văn phòng Chính phủ	144.200	144.200	144.200		59.012	59.012	59.012			40,92%	40,92%	40,92%				
32	Bộ Tài nguyên và Môi trường	1.610.235	1.610.235	1.430.035	180.200	712.617	712.617	604.345	108.272		44,26%	44,26%	42,26%	60,08%			
33	Thông tấn xã Việt Nam	135.600	135.600	135.600		64.245	64.245	64.245			47,38%	47,38%	47,38%				
34	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	2.849.470	2.849.470	549.000	2.300.470	1.381.259	1.381.259	131.154	1.250.105		48,47%	48,47%	23,89%	54,34%			
35	Đài Truyền hình Việt Nam	204.700	204.700	204.700		108.265	108.265	108.265			52,89%	52,89%	52,89%				
36	Ngân hàng Chính sách xã hội	4.999.100	4.999.100	4.999.100		2.667.800	2.667.800	2.667.800			53,37%	53,37%	53,37%				
37	Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam	25.500	25.500	25.500		15.014	15.014	15.014			58,88%	58,88%	58,88%				
38	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	996.499	996.499	996.499		593.425	593.425	593.425			59,55%	59,55%	59,55%				
39	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	36.200	36.200	36.200		23.000	23.000	23.000			63,54%	63,54%	63,54%				
	Địa phương																
1	Hòa Bình	10.090.933	7.339.396	7.015.721	323.675	2.751.537	3.238.079	1.338.079	1.250.000	88.079	1.900.000	32,09%	18,23%	17,82%	27,21%	69,05%	
2	Thành phố Hồ Chí Minh	70.518.116	15.292.981	13.880.400	1.412.581	55.225.135	28.815.994	12.924.626	12.090.116	834.510	15.891.368	40,86%	84,51%	87,10%	59,08%	28,78%	
3	Phú Yên	4.654.155	1.749.331	1.434.209	315.122	2.904.824	1.919.000	973.000	973.000		946.000	41,23%	55,62%	67,84%		32,57%	
4	Cao Bằng	4.082.966	2.969.415	2.922.244	47.171	1.113.551	1.722.796	1.221.268	1.200.863	20.405	501.528	42,19%	41,13%	41,09%	43,26%	45,04%	
5	Gia Lai	4.506.527	2.284.024	2.238.690	45.334	2.222.503	2.113.000	860.000	860.000		1.253.000	46,89%	37,65%	38,42%		56,38%	
6	Khánh Hòa	7.014.021	1.977.515	1.724.853	252.662	5.036.506	3.294.853	1.035.823	1.012.851	22.972	2.259.030	46,98%	52,38%	58,72%	9,09%	44,85%	
7	Hải Dương	5.804.603	1.089.699	969.699	120.000	4.714.904	2.838.099	518.099	483.450	34.649	2.320.000	48,89%	47,55%	49,86%	28,87%	49,21%	
8	Sơn La	5.342.872	3.420.941	3.279.941	141.000	1.921.931	2.659.396	1.459.396	1.400.000	59.396	1.200.000	49,77%	42,66%	42,68%	42,12%	62,44%	
9	Đồng Nai	11.683.205	1.934.800	1.934.800		9.748.405	5.842.900	967.400	967.400		4.875.500	50,01%	50,00%	50,00%		50,01%	
10	Kon Tum	3.618.753	2.532.516	2.428.555	103.961	1.086.237	1.824.644	1.224.894	1.199.308	25.587	599.749	50,42%	48,37%	49,38%	24,61%	55,21%	
11	Điện Biên	4.704.465	3.404.846	3.020.518	384.328	1.299.619	2.531.891	1.565.558	1.505.726	59.832	966.332	53,82%	45,98%	49,85%	15,57%	74,36%	
12	Tuyên Quang	5.363.246	4.204.506	4.114.524	89.982	1.158.740	2.890.000	1.640.000	1.640.000		1.250.000	53,89%	39,01%	39,86%		107,88%	

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 được TTgCP giao					Ước giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 (theo báo cáo của Bộ Tài chính)					Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 so với tổng số vốn được TTgCP giao				
		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			
			Vốn NSTW			Vốn cân đối NSDP		Vốn NSTW			Vốn cân đối NSDP		Vốn NSTW			Vốn cân đối NSDP
			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước		Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài										
13	Bình Phước	7.480.557	1.053.947	998.121	55.826	6.426.610	4.051.200	601.200	601.200		3.450.000	54,16%	57,04%	60,23%		53,68%
14	Lạng Sơn	3.891.923	2.641.885	2.425.915	215.970	1.250.038	2.123.383	1.323.383	1.280.000	43.383	800.000	54,56%	50,09%	52,76%	20,09%	64,00%
15	Quảng Trị	3.089.745	1.760.733	1.350.817	409.916	1.329.012	1.709.703	951.241	852.771	98.470	758.462	55,33%	54,03%	63,13%	24,02%	57,07%
16	Bắc Kạn	2.682.045	2.081.540	1.875.598	205.942	600.505	1.491.343	1.041.343	925.000	116.343	450.000	55,60%	50,03%	49,32%	56,49%	74,94%
17	Thành phố Đà Nẵng	7.947.132	563.000	563.000		7.384.132	4.436.875	346.875	346.875		4.090.000	55,83%	61,61%	61,61%		55,39%
18	Bắc Ninh	8.022.189	2.551.700	2.551.700		5.470.489	4.480.569	1.685.567	1.685.567		2.795.002	55,85%	66,06%	66,06%		51,09%
19	Bình Thuận	4.922.430	1.888.353	1.700.430	187.923	3.034.077	2.790.004	1.244.639	1.231.748	12.891	1.545.364	56,68%	65,91%	72,44%	6,86%	50,93%
20	Quảng Ninh	14.971.728	1.271.437	538.400	733.037	13.700.291	8.531.789	555.589	538.400	17.189	7.976.200	56,99%	43,70%	100,00%	2,34%	58,22%
21	Đắk Nông	3.204.831	2.116.688	1.923.890	192.798	1.088.143	1.846.036	1.046.036	1.040.000	6.036	800.000	57,60%	49,42%	54,06%	3,13%	73,52%
22	Lâm Đồng	7.303.589	2.412.880	2.262.880	150.000	4.890.709	4.210.979	934.878	934.878		3.276.101	57,66%	38,75%	41,31%		66,99%
23	Lai Châu	3.483.418	2.634.591	2.603.999	30.592	848.827	2.043.347	1.527.500	1.527.500		515.847	58,66%	57,98%	58,66%		60,77%
24	Hà Giang	6.266.453	5.037.113	4.324.318	712.795	1.229.340	3.947.959	2.945.859	2.854.000	91.859	1.002.100	63,00%	58,48%	66,00%	12,89%	81,52%
25	Thanh Hóa	12.505.572	3.699.915	3.268.849	431.066	8.805.657	7.979.016	2.080.360	1.970.097	110.263	5.898.656	63,80%	56,23%	60,27%	25,58%	66,99%
26	Quảng Nam	6.949.328	3.097.235	2.589.660	507.575	3.852.093	4.495.142	1.338.235	1.161.419	176.817	3.156.906	64,68%	43,21%	44,85%	34,84%	81,95%
27	Ninh Bình	6.450.213	1.426.990	1.342.600	84.390	5.023.223	4.172.340	822.340	790.000	32.340	3.350.000	64,69%	57,63%	58,84%	38,32%	66,69%

Ghi

PHỤ LỤC C

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 10 THÁNG NĂM 2023 VÀ ƯỚC GIẢI NGÂN 11 THÁNG NĂM 2023 CỦA RIÊNG 41 BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ 24 ĐỊA PHƯƠNG CÓ TỶ LỆ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 10 THÁNG DƯỚI MỨC TRUNG BÌNH CỦA CẢ NƯỚC

(Kèm theo Báo cáo số 9894/BC-BKHĐT ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 được TT,CP giao					Kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 10 tháng năm 2023 (theo báo cáo của Bộ Tài chính)				Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 10 tháng năm 2023 so với tổng số vốn được TT,CP giao					Ước giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 (theo báo cáo của Bộ Tài chính)					Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 so với tổng số vốn được TT,CP giao					Ghi chú																				
		Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Trong đó:			Vốn cân đối NSDP	Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Trong đó:			Vốn cân đối NSDP	Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Trong đó:			Vốn cân đối NSDP	Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Trong đó:			Vốn cân đối NSDP																									
			Tổng số (Vốn trong nước + Vốn nước ngoài)	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			Tổng số (Vốn trong nước + Vốn nước ngoài)	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			Tổng số (Vốn trong nước + Vốn nước ngoài)	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			Tổng số (Vốn trong nước + Vốn nước ngoài)	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Tổng số (Vốn trong nước + Vốn nước ngoài)	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài																						
																									Vốn cân đối NSDP		Vốn cân đối NSDP	Vốn cân đối NSDP	Vốn cân đối NSDP	Vốn cân đối NSDP	Vốn cân đối NSDP	Vốn cân đối NSDP														
TỔNG SỐ (*)																						286.779.186	139.863.475	128.610.837	11.252.638	146.915.711	102.285.036	46.316.246	42.973.918	3.342.328	55.968.790	1	1	1	1	0	125.021.625	56.071.700	52.465.555	3.606.145	68.949.925	44,12%	41,10%	41,91%	32,05%	46,93%
A	SỐ VỐN ĐÃ PHÂN BỐ CHO TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG	283.347.186	136.431.475	125.178.837	11.252.638	146.915.711	102.285.036	46.316.246	42.973.918	3.342.328	55.968.790	36,1%	33,9%	34,3%	29,7%	38,1%	125.021.625	56.071.700	52.465.555	3.606.145	68.949.925	44,12%	41,10%	41,91%	32,05%	46,93%																				
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương	63.510.939	63.510.939	58.471.301	5.039.638		11.996.092	11.996.092	10.176.069	1.820.023		18,9%	18,9%	17,4%	36,1%		15.523.983	15.523.983	13.593.410	1.930.573		24,44%	24,44%	23,25%	38,31%																					
1	Văn phòng Quốc hội	14.500	14.500	14.500			6.416	6.416	6.416			44,2%	44,2%	44,2%			12.124	12.124	12.124			83,61%	83,61%	83,61%																						
2	Văn phòng Trung ương Đảng	304.500	304.500	304.500			19.307	19.307	19.307			6,3%	6,3%	6,3%			34.142	34.142	34.142			11,21%	11,21%	11,21%																						
3	Văn phòng Chính phủ	144.200	144.200	144.200			42.013	42.013	42.013			29,1%	29,1%	29,1%			59.012	59.012	59.012			40,92%	40,92%	40,92%																						
4	Tòa án nhân dân tối cao	838.000	838.000	838.000			248.466	248.466	248.466			29,6%	29,6%	29,6%			336.014	336.014	336.014			40,10%	40,10%	40,10%																						
5	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	996.499	996.499	996.499			493.392	493.392	493.392			49,5%	49,5%	49,5%			593.425	593.425	593.425			59,55%	59,55%	59,55%																						
6	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	411.600	411.600	411.600			64.844	64.844	64.844			15,8%	15,8%	15,8%			79.523	79.523	79.523			19,32%	19,32%	19,32%																						
7	Bộ Công an	6.755.302	6.755.302	6.755.302			2.977.183	2.977.183	2.977.183			44,1%	44,1%	44,1%			4.729.394	4.729.394	4.729.394			70,01%	70,01%	70,01%																						
8	Bộ Ngoại giao	500.000	500.000	500.000			21.606	21.606	21.606			4,3%	4,3%	4,3%			109.212	109.212	109.212			21,84%	21,84%	21,84%																						
9	Bộ Tư pháp	540.800	540.800	540.800			108.770	108.770	108.770			20,1%	20,1%	20,1%			144.542	144.542	144.542			26,73%	26,73%	26,73%																						
10	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	753.900	753.900	753.900			157.723	157.723	157.723			20,9%	20,9%	20,9%			222.145	222.145	222.145			29,47%	29,47%	29,47%																						
11	Bộ Tài chính	2.621.000	2.621.000	2.621.000			32.961	32.961	32.961			1,3%	1,3%	1,3%			100.525	100.525	100.525			3,84%	3,84%	3,84%																						
12	Bộ Công Thương	872.248	872.248	710.000	162.248		202.702	202.702	202.702			23,2%	23,2%	23,2%			291.124	291.124	291.124			33,38%	33,38%	41,00%																						
13	Bộ Xây dựng	470.940	470.940	445.500	25.440		68.569	68.569	68.569			14,6%	14,6%	15,4%			109.014	109.014	109.014			23,15%	23,15%	24,47%																						
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	615.900	615.900	615.900			15.909	15.909	15.909			2,6%	2,6%	2,6%			42.210	42.210	42.210			6,85%	6,85%	6,85%																						
15	Bộ Khoa học và Công nghệ	293.700	293.700	293.700			11.835	11.835	11.835			4,0%	4,0%	4,0%			25.030	25.030	25.030			8,52%	8,52%	8,52%																						
16	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2.313.597	2.313.597	1.533.249	780.348		641.931	641.931	129.675	512.257		27,7%	27,7%	8,5%	65,6%		762.821	762.821	191.014	571.807		32,97%	32,97%	12,46%	73,28%																					
17	Bộ Y tế	2.063.400	2.063.400	2.063.400			269.289	269.289	269.289			13,1%	13,1%	13,1%			434.514	434.514	434.514			21,06%	21,06%	21,06%																						
18	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.953.308	1.953.308	1.953.308			284.559	284.559	284.559			14,6%	14,6%	14,6%			432.874	432.874	432.874			22,16%	22,16%	22,16%																						
19	Bộ Nội vụ	641.100	641.100	641.100			66.968	66.968	66.968			10,4%	10,4%	10,4%			105.554	105.554	105.554			16,46%	16,46%	16,46%																						
20	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1.293.563	1.293.563	1.241.300	52.263		35.443	35.443	35.054	389		2,7%	2,7%	2,8%	0,7%		54.403	54.403	54.014	389		4,21%	4,21%	4,35%	0,74%																					
21	Bộ Tài nguyên và Môi trường	1.610.235	1.610.235	1.430.035	180.200		563.193	563.193	505.921	57.272		35,0%	35,0%	35,4%	31,8%		712.617	712.617	604.345	108.272		44,26%	44,26%	42,26%	60,08%																					
22	Thanh tra Chính phủ	26.400	26.400	26.400													3.210	3.210	3.210			12,16%	12,16%	12,16%																						
23	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	24.283.993	24.283.993	24.283.993			664.982	664.982	664.982			1,1%	1,1%	1,1%			690.224	690.224	690.224			2,84%	2,84%	2,84%		Nếu không tính khoản hỗ trợ lãi suất của các ngân hàng thương mại (23.965.093 tỷ đồng), tỷ lệ giải ngân 11 tháng của NHNN đạt 97,74% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao																				
24	Ủy ban dân tộc	90.627	90.627	90.627																																										
25	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	36.200	36.200	36.200			16.361	16.361	16.361			45,2%	45,2%	45,2%			23.000	23.000	23.000			63,54%	63,54%	63,54%																						
26	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	2.849.470	2.849.470	549.000	2.300.470		1.346.764	1.346.764	96.658	1.250.105		47,3%	47,3%	17,6%	54,3%		1.381.259	1.381.259	131.154	1.250.105		48,47%	48,47%	23,89%	54,34%																					
27	Thông tin xã hội Việt Nam	135.600	135.600	135.600			23.395	23.395	23.395			17,3%	17,3%	17,3%			64.245	64.245	64.245			47,38%	47,38%	47,38%																						
28	Đài tiếng nói Việt Nam	280.500	280.500	280.500			128.141	128.141	128.141			45,7%	45,7%	45,7%			192.124	192.124	192.124			68,49%	68,49%	68,49%																						
29	Đài Truyền hình Việt Nam	204.700	204.700	204.700			66.709	66.709	66.709			32,6%	32,6%	32,6%			108.265	108.265	108.265			52,89%	52,89%	52,89%																						
30	Kiểm toán Nhà nước	88.000	88.000	88.000			10.000	10.000	10.000			11,4%	11,4%	11,4%			20.000	20.000	20.000			22,73%	22,73%	22,73%																						
31	Một trận tổ quốc Việt Nam	128.500	128.500	128.500													10.000	10.000	10.000			7,78%	7,78%	7,78%																						
32	Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam	98.600	98.600	98.600			2.675	2.675	2.675			2,7%	2,7%	2,7%			8.456	8.456	8.456			8,58%	8,58%	8,58%		1,00%																				
33	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	608.600	608.600	608.600			159.084	159.084	159.084			26,1%	26,1%	26,1%			190.245	190.245	190.245			31,26%	31,26%	31,26%																						
34	Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	151.900	151.900	151.900			3.843	3.843	3.843			2,5%	2,5%	2,5%			11.014	11.014	11.014			7,25%	7,25%	7,25%																						
35	Đại học Quốc gia Hà Nội	1.406.762	1.406.762	539.500	867.262		126.214	126.214	126.214			9,0%	9,0%	23,4%			162.954	162.954	162.954			11,58%	11,58%	30,20%																						
36	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	1.353.007	1.353.007	681.600	671.407		343.948	343.948	343.948			25,4%	25,4%	50,4%			453.154	453.154	453.154			33,49%	33,49%	66,48%																						
37	Ngân hàng Chính sách xã hội	4.999.100	4.999.100	4.999.100			2.667.800	2.667.800	2.667.800			53,4%	53,4%	53,4%			2.667.800	2.667.800	2.667.800			53,37%	53,37%	53,37%																						
38	Ban Quản lý Lăng văn hóa các dân tộc Việt Nam	320.000	320.000	320.000			92.571	92.571	92.571			28,9%	28,9%	28,9%			120.046	120.046	120.046			37,51%	37,51%	37,51%																						
39	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	173.788	173.788	173.788			8.664	8.664	8.664			5,0%	5,0%	5,0%			15.754	15.754	15.754			9,07%	9,07%	9,07%																						
40	Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc	214.400	214.400	214.400			1.858	1.858	1.858			0,9%	0,9%	0,9%			12.014	12.014	12.014			5,60%	5,60%	5,60%																						

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 được TTGCP giao					Kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 10 tháng năm 2023 (theo báo cáo của Bộ Tài chính)					Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 10 tháng năm 2023 so với tổng số vốn được TTGCP giao					Lũc giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 (theo báo cáo của Bộ Tài chính)					Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN 11 tháng năm 2023 so với tổng số vốn được TTGCP giao					Ghi chú	
		Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Trong đó:				Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Trong đó:				Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Trong đó:				Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Trong đó:				Tổng số (Vốn NSTW + Vốn NSDP)	Trong đó:					
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn cân đối NSDP	Vốn cân đối NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn cân đối NSDP	Vốn cân đối NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn cân đối NSDP	Vốn cân đối NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn cân đối NSDP	Vốn cân đối NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn cân đối NSDP	Vốn cân đối NSDP		
																												Tổng số (Vốn trong nước + Vốn nước ngoài)
2	Cao Bằng	4.082.966	2.969.415	2.922.244	47.171	1.113.551	1.311.798	953.564	944.159	9.405	358.234	32,1%	32,1%	32,3%	19,9%	32,2%	1.722.796	1.221.268	1.200.863	20.405	501.528	42,19%	41,13%	41,09%	43,26%	45,04%		
3	Bắc Kan	2.682.045	2.081.540	1.875.598	205.942	600.505	1.242.527	877.875	761.532	116.343	364.652	46,3%	42,2%	40,6%	56,5%	60,7%	1.491.343	1.041.343	925.000	116.343	450.000	55,60%	50,03%	49,32%	56,49%	74,94%		
4	Hòa Bình	10.090.933	7.339.396	7.015.721	323.675	2.751.537	2.694.988	893.279	824.200	69.079	1.801.709	26,7%	12,2%	11,7%	21,3%	65,5%	3.238.079	1.338.079	1.250.000	88.079	1.900.000	32,09%	18,23%	17,82%	27,21%	69,05%		
5	Sơn La	5.342.872	3.420.941	3.279.941	141.000	1.921.931	2.315.941	1.304.963	1.258.567	46.396	1.010.978	43,3%	38,1%	38,4%	32,9%	52,6%	2.659.396	1.459.396	1.400.000	59.396	1.200.000	49,77%	42,66%	42,68%	42,12%	62,44%		
6	Lai Châu	3.483.418	2.634.591	2.603.999	30.592	848.827	1.498.018	1.005.847	1.005.847	492.171	492.171	43,0%	38,2%	38,6%	58,0%	2.043.347	1.527.500	1.527.500		515.847	58,66%	57,98%	58,66%	60,77%				
7	Điện Biên	4.704.465	3.404.846	3.020.518	384.328	1.299.619	2.244.822	1.518.197	1.458.365	59.832	726.625	47,7%	44,6%	48,3%	15,6%	55,9%	2.531.891	1.565.558	1.505.726	59.832	966.332	53,82%	45,98%	45,85%	15,57%	74,36%		
	Đảng bằng sông Hồng	40.604.878	7.359.936	6.506.899	853.037	33.444.942	19.075.801	3.471.311	3.442.917	28.394	15.604.490	46,7%	47,2%	52,9%	3,2%	46,7%	24.087.066	4.367.255	4.315.417	51.838	19.719.811	59,03%	59,34%	66,32%	6,08%	58,96%		
8	Quảng Ninh	14.971.728	1.271.437	538.400	-733.037	13.700.291	7.030.546	539.845	526.100	13.745	6.490.701	47,0%	42,5%	97,7%	1,9%	47,4%	8.531.789	555.589	538.400	17.189	7.976.200	56,99%	43,70%	100,00%	2,34%	58,22%		
9	Hải Dương	5.804.603	1.089.699	969.699	120.000	4.714.904	2.438.416	471.356	456.707	14.649	1.967.060	42,0%	43,3%	47,1%	12,2%	41,7%	2.838.099	518.099	483.450	34.649	2.320.000	48,89%	47,55%	49,86%	28,87%	49,21%		
10	Hưng Yên	12.006.358	2.447.100	2.447.100		9.559.258	6.180.814	1.078.068	1.078.068	5.102.746	51,5%	44,1%	44,1%		53,4%	8.236.609	1.608.000	1.608.000		6.628.609	68,60%	65,71%	65,71%		69,34%			
11	Bắc Ninh	8.022.189	2.551.700	2.551.700		5.470.489	3.426.025	1.382.042	1.382.042	2.043.983	42,7%	54,2%	54,2%		37,4%	4.480.569	1.685.567	1.685.567		2.795.002	55,85%	66,06%	66,06%		51,09%			
	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	41.266.228	13.457.802	11.753.842	1.703.960	27.908.426	19.001.730	6.239.448	5.937.627	301.821	12.762.282	45,9%	46,4%	50,8%	17,7%	45,7%	23.281.991	7.457.202	7.135.615	321.687	15.824.690	56,28%	55,41%	60,71%	18,88%	56,70%		
12	Quảng Trị	3.089.745	1.760.733	1.350.817	409.916	1.329.012	1.498.066	838.799	741.540	97.259	659.267	48,5%	47,6%	54,9%	23,7%	49,6%	1.709.703	951.241	852.771	98.470	758.462	55,33%	54,03%	63,13%	24,02%	57,07%		
13	Thành phố Đà Nẵng	7.947.132	563.000	563.000		7.384.132	3.417.224	345.334	345.334		3.071.890	43,0%	61,3%	61,3%		41,6%	4.436.875	346.875	346.875		4.090.000	55,83%	61,61%	61,61%		55,39%		
14	Quảng Nam	6.949.328	3.097.235	2.589.660	507.575	3.852.093	3.954.471	1.220.920	1.055.835	165.085	2.733.551	56,9%	39,4%	40,8%	32,3%	71,0%	4.495.142	1.338.235	1.161.419	176.817	3.156.906	64,68%	43,21%	44,85%	34,84%	81,95%		
15	Quảng Ngãi	6.789.417	2.421.635	2.390.873	30.762	4.367.782	3.610.829	1.373.237	1.362.700	10.537	2.237.592	53,2%	56,7%	57,0%		51,2%	4.636.415	1.567.488	1.556.951	10.537	3.068.927	68,29%	64,73%	65,12%	34,25%	70,26%		
16	Phủ Yên	4.654.155	1.749.331	1.434.209	315.122	2.904.824	1.414.373	728.823	728.823		685.550	30,4%	41,7%	50,8%		23,6%	1.919.000	973.000	973.000		946.000	41,23%	55,62%	67,84%		32,7%		
17	Khánh Hòa	7.014.021	1.977.515	1.724.853	252.662	5.036.506	3.008.319	949.486	928.978	20.508	2.058.834	42,9%	48,0%	53,9%	8,1%	40,9%	3.294.853	1.035.823	1.012.851	22.972	2.259.030	46,98%	52,38%	58,72%	9,09%	44,85%		
18	Bình Thuận	4.922.430	1.888.353	1.700.430	187.923	3.034.077	2.098.448	782.850	774.417	8.432	1.315.598	42,6%	41,5%	45,5%	4,5%	43,4%	2.790.004	1.244.639	1.231.748	12.891	1.545.364	56,68%	65,91%	72,44%	6,86%	50,93%		
	Tây Nguyên	11.330.111	6.933.228	6.591.135	342.093	4.396.883	4.281.339	2.216.989	2.194.784	22.206	2.464.349	37,8%	32,0%	33,3%	6,5%	47,0%	8.783.680	3.130.931	3.099.308	31.623	2.652.749	51,05%	45,16%	47,02%	9,24%	60,33%		
19	Đắk Nông	3.204.811	2.116.688	1.923.890	192.798	1.088.143	1.397.942	766.932	760.896	6.036	631.010	43,6%	35,2%	39,3%	3,1%	58,0%	1.846.036	1.046.036	1.040.000	6.036	800.000	57,60%	49,42%	54,96%	3,13%	73,52%		
20	Gia Lai	4.506.527	2.284.024	2.238.690	45.334	2.222.503	1.499.302	589.413	589.413		909.889	33,3%	26,3%	26,3%		40,9%	2.119.000	860.000	860.000		1.259.000	46,89%	37,65%	38,42%		56,38%		
21	Kon Tum	3.618.753	2.532.516	2.238.555	103.961	1.086.237	1.384.095	860.645	844.475	16.170	523.450	38,2%	34,0%	34,8%	15,6%	48,2%	1.824.544	1.224.894	1.199.308	25.587	599.749	50,42%	48,97%	49,38%	24,61%	55,21%		
	Đông Nam Bộ	89.681.878	18.281.728	16.813.321	1.468.407	71.400.150	33.178.195	13.161.495	12.361.985	799.510	20.016.700	37,0%	72,0%	73,6%	54,4%	28,0%	38.710.994	14.493.226	13.668.716	834.510	24.216.868	43,16%	79,28%	81,24%	56,83%	33,92%		
22	Thành phố Hồ Chí Minh	70.518.116	15.292.981	13.880.400	1.412.581	55.225.135	24.928.182	12.382.010	11.582.500	799.510	12.546.172	35,4%	81,0%	83,4%	56,6%	22,7%	28.815.994	12.924.626	12.090.116	834.510	15.891.368	40,86%	84,51%	87,10%	59,08%	28,78%		
23	Đồng Nai	11.683.205	1.934.800	1.934.800		9.748.405	5.018.829	442.038	442.038		4.576.791	43,0%	22,8%	22,8%		46,9%	5.842.900	967.400	967.400		4.875.500	50,01%	50,00%	50,00%		50,01%		
24	Bình Phước	7.480.557	1.053.947	998.121	55.826	6.426.610	3.231.184	337.447	337.447		2.893.737	43,2%	32,0%	33,8%		45,0%	4.051.200	601.200	601.200		3.450.000	54,16%	57,04%	60,23%		53,68%		
C	SỐ VỐN QUỐC HỘI, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT	3.432.000	3.432.000	3.432.000																								

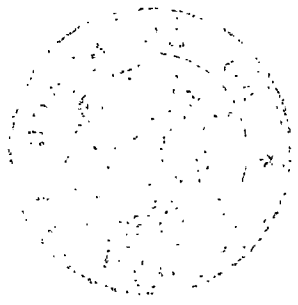
Ghi chú: Không bao gồm 15.000 tỷ đồng chi đầu tư cho các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển nhưng không thuộc phạm vi của Luật Đầu tư công; (i) 8.247 tỷ đồng xử lý bù đắp trong bao tiêu sản phẩm cho dự án tọc hóa đầu Nghi Sơn theo Nghị quyết số 42/2021/QH15 của Quốc hội và (ii) 6.753 tỷ đồng bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Phụ lục II

KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, NGUYÊN NHÂN ẢNH HƯỞNG TỚI TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG CÓ TỶ LỆ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 10 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 DƯỚI MỨC TRUNG BÌNH CỦA CẢ NƯỚC

(Kèm theo Báo cáo số 9894/BC-BKHĐT ngày 26 tháng 11 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
1	Ủy ban dân tộc	<p>1. Dự án Học viện Dân tộc: Dự án gặp khó khăn đối với công tác lập quy hoạch 1/500, trong đó gồm xin cung cấp chỉ giới đường đỏ và số liệu hạng tầng kỹ thuật phục vụ, cụ thể: Vị trí khu đất đề nghị xác định chỉ giới đường đỏ có sự khác nhau giữa Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam và các quy hoạch: Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050; Quy hoạch chung đô thị Hòa Lạc, thành phố Hà Nội đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Mặt khác, theo quy hoạch phía Đông Nam khu đất nằm một phần trong phạm vi dự kiến xây dựng đường và giới hạn hành lang an toàn đường bộ của trục Hồ Tây – Ba Vi, hiện nay tuyến đường này đang trong quá trình nghiên cứu, rà soát quy hoạch, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng xem xét quyết định trong giai đoạn điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô theo quy định.</p> <p>2. Dự án Xây dựng Kho dữ liệu và Hệ thống khai thác thông tin thống kê công tác dân tộc và dữ liệu thống kê 53 dân tộc thiểu số: Ngày 25/10/2023 Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại QĐ số 787/QĐ-UBND, trên cơ sở đó, hiện nay Chủ đầu tư đang tiếp tục triển khai các bước tiếp theo, dự kiến đến 31/12/2023 sẽ giải ngân số kế hoạch vốn được giao năm 2023 theo quy định.</p> <p>3. Các dự án trong Tiểu dự án 2 của Dự án 4 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Căn cứ Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư vốn nguồn ngân sách trung ương và giao mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Ủy ban Dân tộc được giao 67,027 tỷ đồng, trên cơ sở đó, ngày 30/10/2023, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc đã ban hành Quyết định số 808/QĐ-UBND giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023 cho Chủ đầu tư thực hiện chuẩn bị đầu tư 17,014 tỷ đồng. Do đó, số kế hoạch vốn còn lại là 50,013 tỷ đồng chưa đủ điều kiện để giao thực hiện dự án.</p>			



TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	2 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
3	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		<p>Năm 2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN), với giá trị là 24.283.993 triệu đồng. Trong đó: (i) Vốn NSNN để bố trí cho các dự án đầu tư xây dựng công trình của NHNN là 318.900 triệu đồng; (ii) Vốn NSNN để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất (HTLS) 2% thông qua hệ thống các Ngân hàng thương mại là 23.965.093 triệu đồng. Tính đến thời điểm hiện tại, kết quả HTLS 2% thông qua hệ thống các Ngân hàng thương mại còn thấp là do các khó khăn, vướng mắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng không đáp ứng đối tượng được HTLS (ví dụ như khách hàng hộ kinh doanh không có đăng ký kinh doanh,...); - Tâm lý e ngại công tác thanh, kiểm tra, cân nhắc giữa lợi ích từ HTLS 2% và chi phí bỏ ra khi nhận HTLS như theo đối hồ sơ, chứng từ, tuân thủ các thủ tục hậu kiểm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Khó đánh giá về khả năng “phục hồi” theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; - Một số khách hàng lựa chọn vay USD để tận dụng lợi thế về lãi suất và nguồn thu bằng ngoại tệ nên không thuộc đối tượng được HTLS; - Một số nguyên nhân khác, như: Bối cảnh kinh tế - xã hội đã thay đổi so với khi ban hành chính sách nên nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp thay đổi; Khách hàng đã được hỗ trợ theo các chương trình tín dụng của ngân sách địa phương; Khó khăn trong bóc tách chi phí vay vốn đa ngành nghề; khách hàng có dư nợ hiện hữu thuộc ngành được HTLS nhưng lại đang quá hạn nên tạm thời chưa được xem xét HTLS theo quy định;... 		<p>- Việc tổng hợp chung tình hình giải ngân cho Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (chính sách HTLS 2% thông qua các Ngân hàng thương mại) vào kế hoạch giải ngân đầu tư vốn NSNN năm 2023 và các năm tiếp theo sẽ không phản ánh đúng tình hình giải ngân vốn NSNN bố trí cho các dự án đầu tư xây dựng công trình của NHNN (hàng năm NHNN đều giải ngân đạt 99% - 100%). Theo đó, NHNN kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét báo cáo tách riêng tình hình giải ngân đối với từng nội dung, cụ thể: (i) Tình hình giải ngân vốn NSNN đối với Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (chính sách HTLS 2% thông qua các Ngân hàng thương mại) và (ii) Tình hình giải ngân vốn NSNN đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình của NHNN, để đảm bảo phản ánh đúng tình hình giải ngân vốn NSNN bố trí cho các dự án đầu tư xây dựng công trình của NHNN theo chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Tính đến ngày 31/10/2023, NHNN đã giải ngân đầu tư vốn NSNN năm 2023 cho các dự án đầu tư xây dựng công trình của NHNN là 282.062 triệu đồng, đạt 88,45% so với kế hoạch vốn được giao, đáp ứng theo yêu cầu của Chính phủ và của Thủ tướng Chính phủ. Dự kiến đến hết năm ngân sách 2023 (ngày 30/01/2024), NHNN sẽ hoàn thành 100% kế hoạch vốn năm 2023 được Thủ tướng Chính phủ giao.</p>
4	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	<p>Chậm phân bổ vốn cho các dự án dự kiến phân bổ trong năm 2023 với tổng số vốn 118.688/170.500 triệu đồng (tương đương 69,6% kế hoạch được giao). Nguyên nhân do các dự án chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư (chưa có quyết định đầu tư).</p> <p>Các dự án đã phân bổ, giao chi tiết: Thực hiện các quy trình, thủ tục triển khai dự án mất nhiều thời gian.</p>	<p>- Dự án Xây dựng Giai đoạn II Trường Trung cấp nghề và đào tạo cán bộ HTX Miền Nam (đã xử lý xong):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Từ năm 2021 - 20/6/2023, Dự án gặp vướng mắc về quy hoạch. + Đến ngày 20/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 35/2023/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, qua đó đã tháo gỡ vướng mắc về quy hoạch của Dự án. + Hiện tại, Liên minh HTX Việt Nam đã hoàn thiện quá trình phê duyệt dự án, đang tiến hành các bước tiếp theo của giai đoạn thực hiện đầu tư. 	<p>Các dự án chậm phân bổ do chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư (chưa có quyết định đầu tư); đối với các dự án đã phân bổ, giao chi tiết do quy trình, thủ tục triển khai dự án mất nhiều thời gian.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án Trung tâm tư vấn, hỗ trợ, cung cấp, dịch vụ, hình thành và phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã - Khu vực miền bắc: Đề Dự án phát huy hiệu quả tối đa, Thường trực Liên minh HTX Việt Nam đã bổ sung thêm nội dung lựa chọn nhiều địa điểm để so sánh, đánh giá nhằm chọn lựa ra địa điểm phù hợp nhất để triển khai Dự án (Khảo sát thêm các địa điểm tại tỉnh Hải Dương, quá trình làm việc, đánh giá, khảo sát tại tỉnh Hải Dương bắt đầu từ ngày 08/7/2021 đến ngày 14/4/2022). 	<p>Đề nghị Liên minh HTX Việt Nam đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ tích cực triển khai công việc, chủ động làm việc với các sở, ngành tại địa phương để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.</p> <p>- Liên minh HTX Việt Nam kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí vốn năm 2024 để thực hiện dự án Xây dựng Giai đoạn II Trường Trung cấp nghề và đào tạo cán bộ HTX Miền Nam.</p>

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
5	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	<p>- Điều 46 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công quy định thời hạn điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm giữa các dự án chậm nhất là 15/11 năm kế hoạch gây khó khăn cho các Bộ, ngành trong thực hiện, điều hành công tác giải ngân vốn đầu tư công vì thời điểm cuối năm (đặc biệt là các tháng 11 và 12 hằng năm) là giai đoạn có khả năng giải ngân cao nhất nên thường xuyên phải rà soát, điều hoà vốn giữa các dự án. Vì vậy, đề nghị điều chỉnh kéo dài thời gian điều hoà vốn hàng năm để phù hợp với thực tế.</p>	<p>Trong những tháng đầu năm 2023, tình trạng khan hiếm vật liệu cát san lấp tại các địa phương (đặc biệt tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long) diễn ra trong thời gian dài và ngày càng gay gắt, gây ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thi công, giải ngân của các dự án trong khu vực. Đề nghị Chính phủ sớm có các biện pháp tháo gỡ, tạo điều kiện cho các dự án triển khai thi công theo đúng tiến độ.</p> <p>- Ngoài ra, đối với các dự án ODA, do khó khăn trong việc thuê thẩm định giá thiết bị nên các dự án không thể đủ căn cứ xác định dự toán thiết bị, nên không đủ cơ sở lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu để đấu thầu, giải ngân vốn.</p>		<p>- Tỷ lệ giải ngân nêu trên tính trên số vốn 1.293 tỷ đồng vốn mà TTCP đã giao. Tuy nhiên, số vốn mà Bộ LĐTĐ đã phân bổ chỉ là 184,895 tỷ đồng, chiếm 14% số vốn đã phân bổ. Số vốn còn lại không phân bổ, Bộ LĐTĐ đã có nhiều vb đề nghị trả lại ngân sách nhà nước (trong đó riêng vốn của Chương trình PHKT đề nghị trả lại 946,6 tỷ đồng). Nên tính đến 20/11/2023, tỷ lệ giải ngân của Bộ LĐTĐ đạt 21% số vốn đã phân bổ nêu trên.</p> <p>- Kiến nghị: đề xuất Bộ KHĐT sớm tổng hợp nhu cầu điều chỉnh giám vốn KH 2023 của Bộ LĐTĐ, cụ thể như sau: Lần 1: Tổng số vốn đề nghị điều chỉnh giảm là 1.108,668 tỷ đồng (trong đó vốn KH 2021-2025 là 162,068 tỷ đồng, vốn Chương trình PHKT 946,6 tỷ đồng). Lần 2: Tổng số vốn đề nghị trả lại là 38,357 tỷ đồng. Tổng 2 lần đề nghị điều chỉnh giảm 1.147,025 tỷ đồng (vốn trong nước 148,562 tỷ đồng; vốn ODA là 51,863 tỷ đồng; vốn của Chương trình PHKT là 946,6 tỷ đồng). Nếu đề xuất trên được chấp thuận, tỷ lệ giải ngân của Bộ LĐTĐ sẽ tăng nhiều.</p>
6	Bộ Tài chính	<p>- Văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số: Chuyển đổi số là lĩnh vực còn mới và khó đối với các cơ quan nhà nước, quá trình thực hiện chuyển đổi số không tránh khỏi những khó khăn, vướng mắc trong công tác lập, thẩm định dự án. Đặc biệt đối với các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công triển khai trong ngành Thuế đều là các dự án quan trọng, có tính cấp thiết với yêu cầu nghiệp vụ đặc thù, kỹ thuật phức tạp, có tác động trực tiếp đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế đòi hỏi phải mất nhiều thời gian khảo sát chi tiết các yêu cầu tại cơ quan thuế các cấp, từ đó thu thập, tổng hợp số liệu phục vụ lập dự án làm cơ sở triển khai, đảm bảo tính khả thi cũng như hiệu quả đầu tư dự án, tránh chông chéo, trùng lặp.</p> <p>- Khi triển khai các dự án yêu cầu có sự liên kết, đồng bộ với nhau nên tiến độ thực hiện dự án cũng phụ thuộc lẫn nhau, như dự án xây dựng, nâng cấp phần mềm cần phân tích, thiết kế mô hình ứng dụng và lựa chọn các giải pháp công nghệ cần phê duyệt trước làm cơ sở để thiết kế và ước tính quy mô của dự án trang bị hạ tầng kỹ thuật phục vụ triển khai phần mềm.</p> <p>- Nguồn nhân lực CNTT có đủ năng lực, kinh nghiệm về nghiệp vụ trong cơ quan nhà nước còn hạn chế.</p>	<p>- Các dự án CNTT có yêu cầu kỹ thuật phức tạp, trong khi các văn bản quy phạm pháp luật chưa quy định cụ thể về phương pháp phân tích lựa chọn giải pháp kỹ thuật công nghệ; xác định chi phí xây dựng, nâng cấp, mở rộng phần mềm; định mức, đơn giá làm cơ sở xác định tổng mức đầu tư; định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật thiết bị CNTT... làm cơ sở lập dự án. Vì vậy, trong quá trình xây dựng dự án, các chủ đầu tư phải thường xuyên trao đổi, lấy ý kiến các đơn vị chuyên môn, cơ quan chức năng về công nghệ thông tin để đưa ra các giải pháp thực hiện thống nhất, tối ưu và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.</p> <p>- Trong bối cảnh ở Việt Nam hiện nay, rất khó để tìm được một đơn vị tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm và hiểu biết về hệ thống CNTT ngành Thuế cũng như nghiệp vụ quản lý thuế để có thể tư vấn lập dự án. Vì vậy, Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) đã phải tự lập đồng thời nhiều dự án đầu tư công, trong khi nguồn nhân lực CNTT có trình độ chuyên môn cao cũng như có kinh nghiệm trong công tác lập và quản lý dự án của Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) ngày càng có xu hướng giảm. Điều này gây ra tình trạng thiếu hụt nguồn lực CNTT triển khai các dự án. Bên cạnh việc tổ chức triển khai dự án đầu tư công, Tổng cục Thuế cũng đang phải thực hiện nhiều nhiệm vụ cấp bách, trọng tâm theo yêu cầu của Chính phủ, Bộ Tài chính giao.</p>		<p>- Đề nghị Bộ TTTT nghiên cứu, xây dựng hướng dẫn; - Nhà nước có cơ chế thu hút nhân lực CNTT trong cơ quan nhà nước</p>

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	4 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
7	Thanh tra Chính phủ	Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập dừng không thực hiện nên không bố trí vốn. Lý do dừng: Mục tiêu của dự án là số hóa, lưu trữ dữ liệu bản cứng kê khai do Thanh tra Chính phủ đang quản lý, tạo dữ liệu ban đầu để làm cơ sở thực hiện Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập và quản lý tập trung tại Thanh tra Chính phủ. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 390/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 phê duyệt Đề án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập” thì dự án không còn phù hợp với mục tiêu đầu tư. Vì vậy, Tổng Thanh tra Chính phủ quyết định dừng chủ trương thực hiện dự án để lập Dự án mới cho phù hợp.			
8	Tổng liên đoàn lao động Việt Nam		<ul style="list-style-type: none"> - Phải thực hiện phương án thiết kế phòng cháy chữa cháy theo quy định mới về quy chuẩn an toàn phòng cháy chữa cháy theo Thông tư 06/2022/TT-BXD ngày 22/11/2022 của Bộ Xây dựng, dẫn đến phải thực hiện thẩm duyệt bổ sung phương án thiết PCCC theo quy định. - Tác động của việc thay đổi chính sách liên quan đến hoạt động quản lý đầu tư xây dựng (Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng) dẫn đến khó khăn khi thực hiện một số công việc trong bước chuẩn bị đầu tư dự án cụ thể như: <ul style="list-style-type: none"> + Thay đổi cơ quan chuyên môn về xây dựng từ Bộ Xây dựng chuyển về Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh để thẩm định dự án dẫn đến hồ sơ phải nộp và thay đổi cơ quan tiếp nhận giải quyết nhiều lần. + Khi đã hoàn thành hồ sơ đề trình cơ quan chuyên môn thẩm định dự án lại phải bổ sung thêm một số nội dung công việc, thành phần hồ sơ trình thẩm định theo quy định mới cụ thể như: bổ sung quy hoạch xây dựng; quy hoạch tổng mặt bằng; quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật... đối với hồ sơ trình thẩm định dự án, do đó làm phát sinh thời gian, quy trình thủ tục hồ sơ để thực hiện bổ sung một số công việc mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án Cung Văn hóa Lao động thành phố Hồ Chí Minh: Dự án có hạng mục cải tạo công trình thuộc diện bảo tồn, nên quy trình, thủ tục phải xin ý kiến rất nhiều các sở, ngành của thành phố Hồ Chí Minh trước khi phê duyệt dự án. - Dự án Cung Văn hóa Lao động hữu nghị Việt – Nhật tỉnh Quảng Ninh: Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan theo yêu cầu Quy hoạch và quản lý đô thị thành phố Hạ Long không cho phép xây dựng thêm các khối nhà mới trong khuôn viên Cung Văn hóa. - Dự án Đầu tư xây dựng sửa chữa, nâng cấp Trường Đại học Công đoàn cơ sở 1 tại Hà Nội: Hiện nay hồ sơ xin xác nhận tổng mặt bằng và Phương án kiến trúc công trình đang gửi các Cơ quan có thẩm quyền và Sở Quy hoạch kiến trúc thành phố Hà Nội hướng dẫn, phê duyệt. 	Tổng Liên đoàn đề nghị trả lại kế hoạch vốn năm 2023 của các dự án chưa đủ điều kiện phân bổ vốn kế hoạch năm 2023 với tổng số vốn NSNN là 85 tỷ đồng.
9	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ TTTT đề xuất trả lại NSNN 402,968 tỷ đồng cho các dự án dự kiến khởi công mới. Bộ TTTT dự kiến đến hết năm 2023 giải ngân đạt 212,932 tỷ đồng, khối lượng giải ngân tập trung trong những tháng cuối năm do hầu hết là các dự án CNTT		Việc chậm phê duyệt Quyết định đầu tư các dự án khởi công mới dẫn đến lượng vốn phải trả lại NSNN 402,968 tỷ đồng. Năng lực các chủ đầu tư dự án còn yếu, công tác lập thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các dự án CNTT còn chậm dẫn đến giải ngân chưa đạt yêu cầu.	

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	5 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
10	Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Do kế hoạch giao vốn NSNN năm 2023 của TW Hội đều giao cho 4 dự án khởi công mới (3/4 dự án của TW Hội được phê duyệt từ đầu năm 2023, sau đó phải tiến hành lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế (khoảng 2 tháng), thời gian thiết kế (khoảng 3-4 tháng), thời gian thẩm định ở Bộ Xây dựng (quy định 40 ngày trả hồ sơ tuy nhiên thực tế thời gian thẩm định nhiều hơn), thời gian lựa chọn nhà thầu xây lắp chính (khoảng 2 tháng) và thủ tục phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công mất nhiều thời gian. Vì vậy, số tiền giải ngân tập trung vào giai đoạn cuối năm khi các dự án lựa chọn được nhà thầu thực hiện gói thầu xây lắp/thiết bị chính	Đối với 02 dự án phải đền bù giải phóng mặt bằng (GPMB) (dự án “Mở rộng cơ sở đào tạo Học viện Phụ nữ Việt Nam”, dự án “Mở rộng Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam”): Đến nay, còn 43/182 hộ dân đang phải tiến hành điều tra, khảo sát, kiểm đếm để quy chủ nên UBND huyện Gia Lâm chưa ra quyết định thu hồi đất dẫn đến chậm tiến độ so với kế hoạch (TW Hội sẽ báo cáo chi tiết cụ thể sau). Đến nay mặc dù Dự án Mở rộng cơ sở đào tạo Học viện Phụ nữ Việt Nam đã trình phê duyệt phương án đền bù GPMB từ tháng 9/2023 nhưng vẫn chưa được phê duyệt	TW Hội năm 2023 giao vốn đầu tư cho 4 dự án: - Dự án TW Hội làm chủ đầu tư (Trung tâm Vì sự phát triển Phụ nữ khu vực Đồng bằng Bắc bộ giao 25 tỷ): Dự án đang trong quá trình lựa chọn nhà xây lắp chính, dự kiến giải ngân 100% vốn giao. - Đối với 3 dự án do các đơn vị sự nghiệp dưới của Hội làm chủ đầu tư: Do các chủ đầu tư chưa có kinh nghiệm trong việc triển khai dự án dẫn đến một số công việc triển khai chưa đáp ứng theo kế hoạch tiến độ đề ra và còn rất chậm so với thực tế. Đến nay chỉ có dự án Trung tâm tri thức số và giáo dục giới dành cho Phụ nữ, gia đình và trẻ em đã trình TW Hội phê duyệt thiết kế, dự toán, dự án Mở rộng cơ sở đào tạo Học viện Phụ nữ Việt Nam đã trình Sở Xây dựng tp Hà Nội thẩm định; Mở rộng Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam đang hoàn thiện hồ sơ lấy ý kiến các sở ban ngành.	- Hiện nay đối với 2 dự án vướng mắc GPMB (Mở rộng cơ sở đào tạo Học viện Phụ nữ Việt Nam; Mở rộng Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam), các đơn vị đang tập chung phối với địa phương để đẩy nhanh hoàn thành công tác GPMB, kiến nghị đối với số ngân không giải ngân hết khoảng 105 tỷ đồng (cả 2 dự án) xin được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2024 để đảm bảo đủ vốn chi trả chi phí GPMB sau khi cấp thẩm quyền phê duyệt - Đối với số vốn không giải ngân hết dự án Trung tâm tri thức số và giáo dục giới dành cho Phụ nữ, gia đình và trẻ em khoảng 19 tỷ, TW Hội sẽ điều chuyển vốn năm 2023 sang dự án Trung tâm Vì sự phát triển Phụ nữ khu vực Đồng bằng Bắc bộ để tăng tỷ lệ giải ngân vốn NSNN năm 2023 của Hội.
11	Bộ Khoa học và Công nghệ	- Chưa có giải pháp thanh toán cho các nhà thầu có quốc tịch Nga (69 tỷ đồng) - Giá hàng hóa sản xuất tại Nga tăng cao dẫn đến phải điều chỉnh dự án, thời gian thực hiện kéo dài không kịp giải ngân năm 2023 (33 tỷ đồng) - Việc giải ngân vốn điều lệ cho Quỹ chưa thể thực hiện (100 tỷ đồng)	- Do chiến tranh giữa Nga và Ukraina dẫn đến các ngân hàng của Nga bị cấm vận trên hệ thống thanh toán quốc tế; Việc chuyển tiền để thanh toán cho các nhà thầu tại Nga chưa có phương án giải quyết (Bộ KH&CN đang tích cực phối hợp cùng BTC, NHNN, Kho bạc nhà nước, một số ngân hàng thương mại để giải quyết nội dung này) - Bộ KH&CN triển khai dự án mua thanh nhiên liệu hạt nhân từ nhà sản xuất của Nga. Do chiến tranh dẫn đến giá nhiên liệu hạt nhân tăng khoảng 30% so với thời điểm lập dự án dẫn đến phải điều chỉnh dự án để đảm bảo mục tiêu. - Đối với cấp vốn điều lệ cho Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia: Bộ KH&CN đã giao vốn cho Quỹ từ tháng 3/2023 tuy nhiên đến nay BTC chưa chấp thuận chuyển tiền về tài khoản Quỹ nên chưa thể xác định giải ngân	- Việc giá nhiên liệu hạt nhân tăng đã được dự đoán từ Quý III/2023 tuy nhiên công tác lập, điều chỉnh dự án còn chậm dẫn đến chậm tiến độ giải ngân năm 2023 (33 tỷ đồng)	- Đề nghị Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Kho Bạc nhà nước hướng dẫn về thủ tục, quy trình thanh toán đối với các nhà thầu Nga để Bộ KH&CN giải ngân cho các nhà thầu. - Đề nghị Bộ Tài chính tháo gỡ khó khăn trong việc thông tri duyệt y, giải ngân phân cấp vốn điều lệ cho Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia. - Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép Bộ KH&CN điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2023 không giải ngân hết số tiền: 141.400 triệu đồng.

		6 Nguyên nhân			
TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	Khách quan	Chủ quan	Đề xuất, kiến nghị
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
12	Đại học Quốc gia Hà Nội	<p>Dự án "ĐT XD ĐHQGHN tại Hòa Lạc":</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khó khăn trong điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình - Khó khăn trong giải phòng mặt bằng <p>Dự án "Phát triển các đại học quốc gia Việt Nam - Tiểu dự án ĐHQGHN" vay vốn Ngân hàng Thế giới giải ngân chậm</p>	<p>Dự án "ĐT XD ĐHQGHN tại Hòa Lạc"</p> <p>. + Quá trình triển khai dự án kéo dài, qua nhiều thời kỳ, cơ chế, chính sách của Nhà nước, pháp luật liên quan đến đầu tư công và xây dựng cơ bản có nhiều thay đổi vì thế dự án cũng phải triển khai nhiều thủ tục điều chỉnh cho phù hợp từ đó đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai đầu tư. Các công trình đã phê duyệt từ nhiều năm trước nhưng không bố trí được đủ vốn để triển khai, khi triển khai thì các thiết kế, vật liệu hoàn thiện đã không còn phù hợp phải tiến hành điều chỉnh thiết kế, cập nhật giá vật liệu mới làm tăng giá trị dự toán được duyệt; triển khai các thủ tục đấu thầu, tổ chức thi công mất nhiều thời gian.</p> <p>+ Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 322/TB-VPCP ngày 03/12/2021 yêu cầu phải hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư của dự án trong năm 2022, ĐHQGHN đã phối hợp rất tích cực với UBND huyện Thạch Thất và Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Thạch Thất nhưng đến nay tiến độ triển khai công tác GPMB và tái định cư của dự án vẫn chưa có nhiều chuyển biến. Hàng năm, Chính phủ và ĐHQGHN đều ưu tiên bố trí vốn cho công tác GPMB nhưng kết quả giải ngân công tác GPMB chưa cao. ĐHQGHN phải điều chuyển sang các dự án khác để giải ngân. Việc chậm GPMB đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ hoàn thành dự án và tiến độ giải ngân của dự án.</p> <p>+ Qua nhiều năm hiện trạng mốc giới đã có nhiều dịch chuyển, thay đổi, nhiều nhà dân sinh sống đã xây dựng lấn chiếm và bổ sung thêm nhiều tài sản trên đất, việc này đã ảnh hưởng tới trật tự xây dựng của dự án. Các vi phạm này ĐHQGHN chỉ có thể báo cáo chính quyền địa phương chứ không có thẩm quyền để xử lý.</p> <p>Ngoài ra, do việc sáp nhập địa giới hành chính một số xã từ tỉnh Hòa Bình vào thành phố Hà Nội, và sáp nhập tỉnh Hà Tây vào Hà Nội năm 2008 đã dẫn đến diện tích một số dự án của các chủ đầu tư khác đã được phê duyệt có sự chồng lấn với phạm vi ranh giới dự án của ĐHQGHN.</p> <p>- Đối với Dự án "Phát triển các đại học quốc gia Việt Nam - Tiểu dự án ĐHQGHN" vay vốn Ngân hàng Thế giới</p> <p>+ Sau một thời gian dài phối hợp cùng Bộ Tài chính/các bộ ngành có liên quan, Văn phòng Chính phủ, Ngân hàng Phát triển Việt Nam để tháo gỡ và giải quyết các vướng mắc có liên quan đến thủ tục pháp lý về tài sản đảm bảo, ngày 26/6/2023 Hiệp định vay phụ đã được ký giữa Bộ Tài chính và ĐHQGHN, đến ngày 28/6/2023 Hợp đồng vay lại vốn nước ngoài đã được ký giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam và ĐHQGHN, như vậy thời gian giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 là khó khăn đối với ĐHQGHN trong việc hoàn thành kế hoạch giải ngân vốn của năm.</p>	<p>- Đối với Dự án "Phát triển các đại học quốc gia Việt Nam - Tiểu dự án ĐHQGHN" vay vốn Ngân hàng Thế giới</p> <p>+ Sau một thời gian dài phối hợp cùng Bộ Tài chính/các bộ ngành có liên quan, Văn phòng Chính phủ, Ngân hàng Phát triển Việt Nam để tháo gỡ và giải quyết các vướng mắc có liên quan đến thủ tục pháp lý về tài sản đảm bảo, ngày 26/6/2023 Hiệp định vay phụ đã được ký giữa Bộ Tài chính và ĐHQGHN, đến ngày 28/6/2023 Hợp đồng vay lại vốn nước ngoài đã được ký giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam và ĐHQGHN, như vậy thời gian giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 là khó khăn đối với ĐHQGHN trong việc hoàn thành kế hoạch giải ngân vốn của năm.</p>	<p>- Cho phép ĐHQGHN điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ các dự án có khả năng giải ngân chưa tốt sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn.</p> <p>- ĐHQGHN đề nghị thành lập tổ công tác cùng với sự tham gia của UBND thành phố Hà Nội, UBND huyện Thạch Thất và một số cơ quan khác thực hiện tháo gỡ vướng mắc hỗ trợ trong công tác giải phòng mặt bằng.</p> <p>- Do đến ngày 28/6/2023 Hợp đồng vay lại vốn nước ngoài mới được ký giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam và dự kiến sẽ không thể hoàn thành việc giải ngân được toàn bộ kế hoạch vốn được giao năm 2023. Phần vốn chưa giải ngân được đề xuất trả lại NSNN nhưng được giữ nguyên trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và bố trí vào các năm sau theo tiến độ thực hiện dự án.</p>

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
13	Bộ Y tế		<p>1. Các quy định mới về an toàn PCCC, bảo vệ môi trường có một số thay đổi nên khó khăn trong lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế thi công, nghiệm thu PCCC, bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Chưa có hướng dẫn về phương án thiết kế, lập chi phí tư vấn, khảo sát đối với dự án không có cấu phần xây dựng tại các quy định hiện hành dẫn đến vướng mắc trong quá trình thẩm định, phê duyệt dự án.</p> <p>3. Sự thay đổi về cơ chế chính sách: Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng mới yêu cầu chuyển các công trình cấp 2 về Sở Xây dựng địa phương dẫn đến việc các dự án phải thu hồi hồ sơ đã nộp Bộ Xây dựng để chuyển về Sở thẩm định theo quy định, kéo dài thời gian chuẩn bị đầu tư.</p>	<p>Một số dự án đã bố trí đủ vốn trung hạn nhưng do có năm dự án không giải ngân hết bị KBNN thu hồi, nếu bố trí vốn theo kế hoạch đã giao thì dự án sẽ bị thiếu phần vốn bị KBNN thu hồi dẫn đến dự án không hoàn thành theo mục tiêu đã được duyệt do bị thiếu vốn</p>	<p>Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xem xét bố trí vốn theo thực tế giải ngân, không bố trí vốn theo kế hoạch vốn đã giao. Xem xét sớm ban hành các quy định về PCCC, hướng dẫn về phương án thiết kế, lập chi phí tư vấn, khảo sát đối với dự án không có cấu phần xây dựng Giao nốt kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của Bộ Y tế còn lại chưa giao để Bộ Y tế có cơ sở giao kế hoạch vốn hằng năm cho các dự án để khẩn trương triển khai thực hiện theo tiến độ đã được phê duyệt. Bổ sung các nhiệm vụ, dự án của Bộ Y tế từ nguồn dự phòng Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025. Sớm ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý trong triển khai kế hoạch đầu tư công, giảm thủ tục hành chính, thúc đẩy việc thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
14	Bộ Nội vụ		<ul style="list-style-type: none"> Do trong thời gian lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán, giá cả vật tư, vật liệu có biến động lớn, vì vậy phải điều chỉnh dự toán cập nhật theo công bố giá mới nhất. Một số vật tư vật liệu giai đoạn này không còn sản xuất đáp ứng yêu cầu thiết kế (Điều hòa không khí), dẫn đến việc phải xin điều chỉnh lại thông số. Do quá trình sáp nhập giữa các đơn vị chủ đầu tư, điều chỉnh lại chủ trương đầu tư dự án dẫn đến phải thoả thuận, điều chỉnh lại dự án <p>02 dự án công nghệ thông tin sẽ hoàn thành trong năm 2023 đang thực hiện các thủ tục để lắp đặt, nghiệm thu máy móc và phần mềm nên sẽ giải ngân vào tháng 12 năm 2023</p>	<ul style="list-style-type: none"> Các chủ đầu tư chậm hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án. Các dự án công nghệ thông tin còn khó khăn trong việc lập, thẩm định và phê duyệt dự án và phải điều chỉnh nhiều lần 	<ul style="list-style-type: none"> Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh thông tin dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Bộ Nội vụ do các đơn vị có sự sáp nhập theo quyết định số 27/2022/QĐ_TTg sáp nhập Trường Đại học Nội vụ vào Học viện Hành chính Quốc gia để kịp thời giải ngân số vốn được giao Tỷ lệ giải ngân của Bộ Nội vụ là 105,554 trên tổng số 415,630 = 52,39% do Bộ Nội vụ đã báo cáo trả lại số vốn 225.470 và đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại Nghị Quyết 173/NQ-CP ngày 27/10/2023; Đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân nguồn vốn Chương trình phục hồi kinh tế sang năm 2024
15	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Các nhiệm vụ, dự án sau khi được bố trí vốn cần thực hiện các thủ tục lựa chọn nhà thầu và cần thời gian nhất định thực hiện hợp đồng để có khối lượng nghiệm thu, thanh toán. Một số nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư có giá trị nhỏ, chủ đầu tư không thực hiện tạm ứng mà thanh toán một lần sau khi nghiệm thu hoàn thành công việc. Vì vậy, giá trị giải ngân sẽ được đẩy mạnh vào cuối năm; Theo quy định của Thông tư 108/2021/TT-BTC ngày 08/12/2021 của Bộ Tài chính, nhiều chủ đầu tư, Ban quản lý không có đủ căn cứ để chỉ phụ cấp kiêm nhiệm tham gia công tác chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án theo dự toán đã lập nên dự kiến không thanh toán hết kế hoạch vốn đã được giao. 	<p>Phần lớn các dự án đầu tư cơ sở vật chất, trụ sở làm việc (có cấu phần xây dựng) của Bộ có quy mô dự án nhỏ, đầu tư rải rác trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố, nên việc chỉ đạo thực hiện còn phụ thuộc vào sự phối hợp với các tỉnh, thành phố, như công tác đền bù, giải phóng mặt bằng</p>	<ul style="list-style-type: none"> Chủ đầu tư một số dự án, nhiệm vụ còn thiếu quyết tâm, chưa sâu sát đôn đốc thực hiện; Năng lực chuyên môn, triển khai thực hiện dự án còn nhiều hạn chế, phần lớn các vị trí chủ chốt làm công tác quản lý dự án đều là kiêm nhiệm, việc xử lý các trường hợp còn chậm trễ chưa kịp thời. 	<p>Đề nghị các Chủ đầu tư, ban quản lý dự án đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, dự án. Thực hiện tạm ứng, thu hồi tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định ngay khi có khối lượng.</p>

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	8 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
16	Bộ Xây dựng		<p>Dự án thành phần 11 thuộc “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện”, sử dụng vốn vay ODA, có sự điều chỉnh kế hoạch thực hiện và đến nay chủ đầu tư chưa giải ngân kế hoạch vốn năm 2023</p>	<p>- Số lượng dự án khởi công mới chiếm 53,2% kế hoạch vốn 2023 nhưng đến cuối tháng 6/2023 Bộ XD mới hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư. Hiện nay chủ đầu tư đang thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu thi công, dự kiến cuối tháng 12/2023 sẽ giải ngân vốn của dự án.</p> <p>- Đa số các dự án triển khai trong năm 2023 là các dự án chuyển tiếp từ các năm trước, đã thi công xong, đang thực hiện công tác nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Giải ngân vốn đối với các dự án này phụ thuộc vào việc hoàn thành công tác nghiệm thu, quyết toán hợp đồng/dự án hoàn thành.</p> <p>- Trong quá trình triển khai, chủ đầu tư tập trung, ưu tiên giải ngân vốn kế hoạch năm 2022 được kéo dài sang năm 2023; mặt khác một số chủ đầu tư chưa thực sự sâu sát, còn lúng túng khi xử lý các vấn đề phát sinh nên tiến độ thực hiện và giải ngân chưa đảm bảo theo kế hoạch.</p>	<p>- Đề nghị Bộ Xây dựng đẩy nhanh tiến độ lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đối với các dự án đã hoàn thành thi công để đẩy nhanh công tác thanh toán tạm ứng và thanh toán hoàn thành khối lượng thi công</p>
16	Bộ Công Thương	<p>- Gặp vướng mắc về thủ tục giao đất trong Khu công nghệ cao Tp HCM và Hà Nội để triển khai 02 dự án "XD Trung tâm Kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp khu vực phía Bắc và phía Nam"</p> <p>- Gặp vướng mắc về sự phù hợp quy hoạch xây dựng của dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH với định hướng phát triển Quy hoạch của Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên</p> <p>- Gặp khó khăn trong công tác thẩm định giá thiết bị đối với dự án sử dụng vốn ODA</p>	<p>- Dự án "XD Trung tâm Kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp khu vực phía Bắc" đến Quý II/2023 được giao đất; Dự án "XD Trung tâm Kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp khu vực phía Nam" đến giữa Quý IV/2023 được giao đất để có đủ điều kiện tổ chức lựa chọn nhà thầu xây dựng và thực hiện giải ngân. Vì vậy tỷ lệ giải ngân thấp do chủ yếu tạm ứng hợp đồng và chưa có khối lượng hoàn thành.</p> <p>- Dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, ngày 26/7/2023 đã được Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên thông báo kết quả thẩm định Báo cáo NCKT và đang trình Bộ Công Thương phê duyệt dự án để có đủ điều kiện giao kế hoạch vốn. Tuy nhiên sau đó Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên có các Văn bản: số 1685/SXD-QLXD ngày 03/8/2023 và số 2099/SXD-QLXD ngày 19/9/2023 đề nghị Chủ đầu tư báo cáo Bộ Công Thương xin dừng, không đầu tư xây dựng công trình Nhà ăn - Dịch vụ tại Cơ sở 2 của dự án vì không phù hợp với định hướng quy hoạch chung thành phố Tuy Hòa. Vì vậy chưa được phê duyệt và chưa đủ điều kiện giao kế hoạch vốn năm 2023 để thực hiện giải ngân. Bộ Công Thương đang làm việc với Tỉnh Phú Yên để tháo gỡ vướng mắc nhưng đến nay chưa có kết quả.</p> <p>- Dự án sử dụng vốn ODA cần thực hiện nhiều thủ tục theo quy định của bên tài trợ vốn và gặp khó trong quá trình lựa chọn nhà thầu thẩm định giá thiết bị nên vẫn chưa đủ điều kiện thực hiện và giải ngân.</p>	Không có	<p>- Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 sang năm 2024 đối với số vốn chưa giải ngân tính đến ngày 31/02/2024</p> <p>- Chỉ đạo UBND tỉnh Phú Yên hỗ trợ tạo điều kiện để đủ cơ sở tiếp tục thực hiện đầu tư dự án thuộc Chương trình phục hồi và Phát triển KT-XH, đồng thời cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 sang năm 2024 đối với số vốn chưa giải ngân tính đến ngày 31/02/2024</p> <p>- Chỉ đạo các cơ quan liên có hướng dẫn giải quyết những vướng mắc trong việc thực hiện các dự án ODA đồng thời xem xét kéo dài thời gian thực hiện các dự án sử dụng vốn ODA</p>

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	9 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
17	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	<p>- Về giải phóng mặt bằng: + Dự án Trung tâm Huấn luyện thể thao Quốc gia tại SaPa: Khó khăn trong việc GPMB, phụ thuộc vào các sở, ban ngành liên quan của tỉnh, thành phố (kiếm kê, áp giá, tái định cư...).</p> <p>+ Dự án Trung tâm Huấn luyện thể thao Quốc gia tại Đà Lạt: Vướng mắc công tác đền bù GPMB (phát sinh cây xanh trên mặt bằng dự án sau khi đã được tỉnh Lâm Đồng phê duyệt phương án đền bù giải phóng mặt bằng).</p> <p>- Về quy hoạch: Dự án Khu liên cơ quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại số 294/2/33 Kim Mã được triển khai trên tuyến đường (quy hoạch) dọc đường Liễu Giai - đoạn Núi Trúc - Sơn Tây (quy hoạch khu vực này đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 134/2002/QĐ-UB ngày 18/10/2002, hiện tại Chủ đầu tư về cơ bản đã hoàn thành xong thiết kế cơ sở và đã có văn bản xin thỏa thuận kiến trúc và tổng mặt bằng với thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, một số hộ dân tổ 9c, phường Đội Cấn, quận Ba Đình đề nghị được điều chỉnh chỉ giới đường đỏ, hiện nay thành phố Hà Nội đang xem xét, dẫn tới dự án chưa được cấp thỏa thuận kiến trúc và tổng mặt bằng và chưa triển khai được các bước tiếp theo của dự án.</p>	<p>- Giao Kế hoạch vốn CTMTQG muộn: Ngày 22/10/2023, Thủ tướng Chính phủ mới giao vốn cho Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với số vốn 20.108 triệu đồng, từ thời điểm giao vốn đến cuối năm 2023 chỉ có khả năng phân bổ một phần vốn chuẩn bị đầu tư nên chắc chắn sẽ không phân bổ hết số vốn được cấp.</p>	<p>Kiến nghị UBND hai tỉnh Lào Cai và Lâm Đồng phối hợp tháo gỡ những vướng mắc công tác đền bù, giải phóng mặt bằng của 2 dự án đang triển khai trên địa bàn 2 tỉnh</p>	
18	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	<p>- Một số dự án còn gặp vướng mắc về thủ tục đất đai, làm kéo dài thời gian chuẩn bị đầu tư và bàn giao mặt bằng phục vụ thi công.</p> <p>- Các dự án có vốn năm 2022 kéo dài hiện đang tập trung ưu tiên giải ngân nguồn vốn kéo dài trước.</p>			
19	Bộ Tư pháp	<p>Các dự án đầu tư công năm 2023 trong quá trình triển khai gặp một số khó khăn, vướng mắc, cụ thể như sau: Về thể chế, Về tổ chức thực hiện, Về giải phóng mặt bằng, Về quy hoạch, Về kế hoạch giao chậm vốn:</p>			<p>BTP đang còn 05 dự án bố trí vốn khởi công mới năm 2023 nhưng không kịp hoàn thiện thủ tục và tổ chức lựa chọn nhà thầu trong năm 2023, CĐT dự án cũng đã có Văn bản đề nghị Bộ điều chỉnh giảm kế hoạch vốn sang cho dự án có nhu cầu. Tuy nhiên, do BTP không còn dự án có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn nên không có khả năng điều chỉnh giảm. Để phát huy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước của cả nước trong công tác đầu tư công và linh hoạt, kịp thời bố trí, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đã được phân bổ chi tiết của các Bộ, ngành trung ương, địa phương trong trường hợp khó có khả năng giải ngân kế hoạch vốn được giao, BTP đề nghị BKHĐT, BTC tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch vốn năm 2023 của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương để có thể trình cấp có thẩm quyền xem xét điều chuyển kế hoạch vốn đã giao, phân bổ chi tiết của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương từ nơi khó có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn sang các đơn vị có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn (nếu có) để thúc đẩy việc triển khai và tăng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước (điều chỉnh vốn đã phân bổ giữa các bộ, ngành trung ương và địa phương).</p>

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	10 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
20	Thông tấn xã Việt Nam	<p>- Tỷ lệ giải ngân vốn ĐTC của Thông tấn xã Việt Nam chưa cao do các dự án chuyển tiếp hiện đang thực hiện đúng tiến độ theo hợp đồng đã ký kết nhưng chưa đến điểm dừng kỹ thuật để có thể nghiệm thu khối lượng hoàn thành và thực hiện giải ngân. Các dự án ngành Quản lý nhà nước chưa giải ngân được do đang triển khai ở nước ngoài hiện đang thực hiện các thủ tục theo quy định của Luật đầu tư công và pháp luật nước sở tại. Dự kiến đến 31/01/2024 các dự án của TTXVN sẽ giải ngân được 116,83 tỷ đồng đạt tỷ lệ 86,2% trên tổng số 135,6 tỷ đồng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023 được giao.</p>	<p>- Do dự án thực hiện ở nước ngoài nên gặp khó khăn về mặt thủ tục pháp lý, bên cạnh đó bối cảnh kinh tế của nước sở tại ảnh hưởng đến việc thương thảo với các đơn vị thi công.</p> <p>- Các dự án công nghệ thông tin: Sau khi dịch covid xảy ra chuỗi cung ứng thiết bị phát thanh truyền hình bị đứt gãy nguồn cung cấp do vậy một số mặt hàng không có sẵn phải đặt hàng nên thời gian thực hiện bị kéo dài.</p>	Không có	<p>Đề nghị Bộ kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính phối hợp hiện tháo gỡ những khó khăn vướng mắc đồng thời việc cho phép nâng tỷ lệ tạm ứng cho nhà thầu thi công để tăng tỷ lệ giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công toàn ngành.</p>
21	Bộ Giáo dục và Đào tạo	<p>1. Đối với các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023:</p> <p>- Vướng mắc về các điều kiện phê duyệt thiết kế dự án xây dựng.</p> <p>- Khó khăn trong đền bù, giải phóng mặt bằng, điều chỉnh quy hoạch.</p> <p>2. Đối với các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội:</p> <p>- Các dự án xây dựng học liệu điện tử thuộc Chương trình là nội dung mới nên nhiều đơn vị chưa có kinh nghiệm trong việc triển khai lập dự án. Đồng thời việc chậm phê duyệt các dự án do hiện nay Nhà nước chưa ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng định mức kinh phí cho việc xây dựng học liệu điện tử ngành giáo dục. Các chủ đầu tư chủ yếu vận dụng quy định tại Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước để xây dựng dự toán dự án.</p> <p>- Các dự án của Bộ GDĐT được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội từ tháng 9 năm 2022, do vậy không đủ thời gian 02 năm để thực hiện các dự án theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy để các dự án thực hiện được đúng tiến độ, hoàn thành trong năm 2023 là hết sức khó khăn.</p>	<p>- Vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, điều chỉnh quy hoạch thuộc thẩm quyền của các địa phương...</p> <p>- Có nhiều dự án nhỏ nhưng vẫn phải thực hiện đầy đủ quy trình như các dự án lớn.</p>	<p>- Các chủ đầu tư còn chưa thật sự quyết liệt, chưa bám sát để phối hợp, giải quyết khó khăn vướng mắc của các cơ quan, tổ chức có liên quan ở trung ương và địa phương.</p> <p>- Các chủ đầu tư chậm hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án.</p> <p>- Năng lực chuyên môn của một số cán bộ quản lý dự án, tư vấn giám sát, nhà thầu... còn hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu.</p> <p>- Các đơn vị chưa chủ động trong xây dựng tiêu chuẩn định mức theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT, số 03/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT: Chỉ tiến hành khi có dự án dẫn đến việc chuẩn bị đầu tư kéo dài.</p>	<p>1. Kiến nghị Bộ Tài chính:</p> <p>Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất sửa đổi quy định khoản 5 Điều 12 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP phù hợp theo hướng phân cấp giao các bộ, ngành chịu nhiệm vụ thẩm định tiêu chuẩn, định mức chi phí làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trước khi phê duyệt trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hoặc mua sắm thiết bị, cơ sở hoạt động sự nghiệp.</p> <p>3.2 Kiến nghị các địa phương:</p> <p>Quan tâm chỉ đạo xử lý khó khăn, vướng mắc chi phí về phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, và điều chỉnh quy hoạch, hỗ trợ tái định cư.</p>

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	11 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
22	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	<p>- Vướng mắc liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.</p> <p>- Vướng mắc về tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng:</p>	<p>1. Vướng mắc liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình thực hiện cần nhiều bước, mất nhiều thời gian để thực hiện trong khi số lượng hộ dân, diện tích đất chưa kiểm kê, chưa bàn giao mặt bằng là rất lớn. - Thời gian thực hiện kéo dài dẫn đến việc thay đổi nhân sự phụ trách tại địa phương (chủ đầu tư), cần mất nhiều thời gian để nhân sự mới tiếp nhận hồ sơ, nắm bắt công việc. - Nhiều trường hợp khiếu nại chưa được giải quyết. <p>2. Vướng mắc về tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các dự án đầu tư xây dựng khởi công mới, tiến độ triển khai phụ thuộc vào tiến độ hoàn thiện các thủ tục liên quan về quy hoạch, đầu tư xây dựng. Ngày 03/7/2023, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 790/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng ĐHQG-HCM. Sau khi quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt, ĐHQG-HCM sẽ tiếp tục hoàn thiện các thủ tục (lập và trình thẩm định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng; lập và trình thẩm định, phê duyệt các bước thiết kế dự án; tổ chức đấu thầu,...) để triển khai các dự án đầu tư xây dựng. Đến nay, các đơn vị đang trình Bộ Xây dựng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch chi tiết xây dựng. Do đó, các dự án này vẫn chưa thể giải ngân được vốn. - Sau khi Quy hoạch phân khu xây dựng ĐHQG-HCM được phê duyệt, các đơn vị sẽ tiến hành rà soát các nội dung về điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (Quy hoạch 1/500), từ đó tiến hành lập hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch 1/500 và trình Bộ Xây dựng xem xét thẩm định, phê duyệt. - Sau khi hoàn thành việc điều chỉnh Quy hoạch 1/500, các đơn vị sẽ tiếp tục trình cấp có thẩm quyền rà soát các nội dung về quy hoạch đã được điều chỉnh, từ đó Bộ Xây dựng sẽ cho ý kiến về kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án trước khi chủ đầu tư được tiến hành các bước tiếp theo. - Sau khi có kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, các đơn vị sẽ tiếp tục thực hiện thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán; trình Bộ Xây dựng thẩm định các nội dung trên trước khi phê duyệt. - Sau khi được phê duyệt thiết kế dự án, các đơn vị mới đủ điều kiện tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng và triển khai thi công, giải ngân vốn. - Thời gian thực hiện các công việc như trên dự kiến mất nhiều tháng và phụ thuộc nhiều yếu tố khách quan. - Dự án Phát triển các Đại học Quốc gia Việt Nam - Tiểu dự án ĐHQG-HCM cũng đang thực hiện các bước như trên. Do đó, dự án vẫn chưa thể giải ngân được vốn. <p>Tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng bị kéo dài hơn so với thời gian mà ĐHQG-HCM đã dự kiến do nhiều nguyên nhân khách quan không dự đoán trước được. Ngoài ra, việc thu hồi mặt bằng cũng gặp nhiều khó khăn</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 2, Quyết định số 790/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Xây dựng thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết các dự án thành phần thuộc phạm vi quản lý của ĐHQG-HCM. Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư phát triển, ĐHQG-HCM xin kiến nghị Thủ tướng Chính phủ ủy quyền ĐHQG-HCM thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết các dự án thành phần thuộc phạm vi quản lý của ĐHQG-HCM. - Hồ trợ ĐHQG-HCM sớm hoàn thành thủ tục đối với các dự án đầu tư xây dựng có thể giải ngân được nguồn vốn của các dự án. - Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu hồi mặt bằng để triển khai xây dựng các công trình theo quy hoạch ĐHQG-HCM

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	12 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương		Khách quan	Chủ quan	
23	Đài tiếng nói Việt Nam	<p>- Công tác GPMB gặp nhiều khó khăn gây chậm trễ trong việc triển khai dự án, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và tiến độ giải ngân.</p> <p>- Thông tin của 01 dự án trên Hệ thống đầu tư công chưa khớp với danh mục được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021. Ngày 24/7/2023, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 888/QĐ-TTg về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, trong đó có điều chỉnh tên dự án. Sau đó Đài TNVN mới nhập TABMIS và giao nhiệm vụ cho Chủ đầu tư triển khai dự án dẫn đến tiến độ thực hiện và giải ngân bị chậm. Mặc dù vậy, Đài TNVN đã đôn đốc Chủ đầu tư nhanh chóng triển khai thực hiện và đặt mục tiêu giải ngân 100% KH vốn được cấp theo quy định.</p> <p>- Một số nội dung của các dự án cần xin giấy phép hoạt động (VD liên quan đến hệ thống camera giao thông) tại nhiều tỉnh thành nên thời gian tập hợp đầy đủ để có thể triển khai đồng bộ các thiết bị của một số hạng mục bị chậm; dẫn đến chậm trễ trong lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị cung như xây dựng cơ sở hạ tầng nên tỷ lệ giải ngân thấp.</p> <p>- Phần lớn các dự án của Đài có cấu phần là thiết bị nhập khẩu từ nước ngoài, thiết bị phát thanh là thiết bị đặc thù nên việc đấu thầu và đặt hàng mất nhiều thời gian, việc giải ngân tập trung vào những tháng cuối năm nên tỷ lệ giải ngân đầu năm còn thấp; các gói thầu này sẽ giải ngân hết KH vốn đã cấp trong những tháng cuối năm.</p>	Việc triển khai phần xây dựng của một số dự án bị ảnh hưởng của thời tiết, đặc biệt lũ lụt ở Miền Trung, dẫn đến không có khối lượng nghiêm thu ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân.		Đài TNVN đã có văn bản số: 2992 /TNVN-KHTC ngày 14/11/2023 về việc dự án "Xây dựng Trụ sở CQTT tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long" và KH đầu tư công trung hạn 2021-2025, theo đó Đài TNVN kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và điều chỉnh các thông tin của dự án Xây dựng Trụ sở CQTT tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trên Hệ thống đầu tư công. Đài TNVN kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, sớm phê duyệt để Đài có cơ sở bố trí KH vốn năm 2024 để triển khai dự án ngay từ đầu năm và giải ngân đạt tỷ lệ cao nhất.
24	Tòa án nhân dân tối cao	<p>- Trong quá trình thi công nhiều dự án bị ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết, dự án phải kéo dài thời gian thực hiện, cùng với đó là biến động về giá nguyên vật liệu trên thị trường dẫn đến tiến độ thi công không đảm bảo, kết quả giải ngân kế hoạch vốn còn thấp.</p> <p>- Đối với dự án trung tu, tu bổ bảo tồn: dự án phải vừa thi công, vừa phải đảm bảo hoạt động bình thường của đơn vị sử dụng, mặt bằng thi công không đảm bảo nên công tác khảo sát không thể đánh giá hết hiện trạng công trình. Đặc thù công tác tu bổ trong quá trình hạ giải phát hiện ra nhiều chi tiết cần đánh giá, điều chỉnh phương án tu bổ thích hợp, nguồn nguyên vật liệu trên thị trường không sẵn có dẫn đến thời gian thi công kéo dài, không đảm bảo tiến độ giải ngân.</p> <p>- Một số dự án bị chậm trễ tiến độ thẩm định do địa phương điều chỉnh quy hoạch.</p> <p>- Nhiều dự án chậm trong giai đoạn thẩm định tại cơ quan chuyên môn do quy định không đồng nhất dẫn đến phải bổ sung, điều chỉnh nhiều lần ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân của dự án.</p> <p>- Một số dự án được bố trí vốn khởi công năm 2023 nhưng còn vướng mắc các thủ tục liên quan đến thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và lựa chọn nhà thầu nên không kịp giải ngân kế hoạch vốn. Dự kiến các dự án này sẽ hoàn thiện thủ tục lựa chọn nhà thầu và khởi công trong quý I và II/2024</p>			Tòa án nhân dân tối cao đã tổng hợp phương án điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 để phù hợp với tiến độ thực hiện các dự án. Tòa án nhân dân tối cao sẽ tăng cường đôn đốc chủ đầu tư, nâng cao vai trò, trách nhiệm người quyết định đầu tư trong việc triển khai thực hiện các dự án; chịu trách nhiệm đối với kết quả giải ngân vốn đầu tư công đã giao năm 2023

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	13 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
25	Ban Quản lý Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam	<p>- Vướng mắc chủ yếu đến từ dự án "Chuyển đổi số nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của 54 dân tộc Việt Nam, tạo môi trường giáo dục, tra cứu văn hóa và phát triển du lịch tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam", sử dụng nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - Xã hội (Nguồn vốn được giao là 120.000 triệu đồng): Theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, dự án được thực hiện hai năm 2022, 2023. Do năm 2023 dự án mới được giao vốn nên không đủ thời gian để thực hiện dự án theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy dự án không thể hoàn thành trong năm 2023 và không thể giải ngân hết số vốn được giao trong năm 2023. Ước đến 31/1/2024 dự án chỉ giải ngân được 30% (36.695 triệu đồng) số vốn được giao</p>	<p>- 1. Đối với các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023: dự án " Khu các làng dân tộc IV". Do quá trình thiết kế bản vẽ thi công nội thất các công trình dân gian, tôn giáo, tín ngưỡng mất thời gian xin ý kiến và xác nhận của các địa phương lâu hơn nhiều so với dự kiến. Tuy nhiên đơn vị cam kết sẽ hoàn thành giải ngân theo đúng tiến độ đến 31/1/2024 đạt 100% nguồn vốn được giao trong năm 2023, các dự án " Hạ tầng kỹ thuật cảnh quan Khu các làng dân tộc", " Khu nghỉ lễ thờ tổ " Khu Đầu làng", " Trung tâm quản lý điều hành VP" hiện vẫn đang thực hiện đúng tiến độ dự án và cam kết hoàn thành giải ngân 100% số vốn được giao trong năm 2023</p> <p>- 2. Đối với các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội: Dự án " Chuyển đổi số nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của 54 dân tộc Việt Nam, tạo môi trường giáo dục, tra cứu văn hóa và phát triển du lịch tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam". Theo kế hoạch triển khai của chủ đầu tư, đến hết năm 2023 dự án dự kiến hoàn thành khối lượng khoảng 30%; giá trị giải ngân ước khoảng 36.695 triệu đồng do đó dự án không hoàn thành trong năm 2023.</p>	<p>Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Quốc hội: Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân nguồn vốn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã giao cho Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam đến hết năm 2024. Cụ thể là đối với dự án dự án " Chuyển đổi số nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của 54 dân tộc Việt Nam, tạo môi trường giáo dục, tra cứu văn hóa và phát triển du lịch tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam" số vốn 83.305 triệu đồng được chuyển sang năm 2024 để giải ngân.</p>	
26	Bộ Tài nguyên và Môi trường	<p>- Các dự án đầu tư xây dựng bị phân tán trên nhiều tỉnh, thành; các vùng núi, biển hải đảo, khó khăn trong khảo sát, thiết kế; tổ chức đầu tư xây dựng;</p> <p>- Các dự án có phần thiết bị thi chủ yếu là thiết bị đặc thù, phải nhập khẩu nước ngoài, gặp nhiều khó khăn vướng mắc từ khâu thẩm định, phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đến khâu đấu thầu, lựa chọn nhà thầu và lập đặt và vận hành thử nghiệm, nghiệm thu đào tạo, chuyển giao công nghệ.</p> <p>- Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ODA, gặp khó khăn trong việc thỏa thuận, đàm phán, ký kết Hiệp định vay vốn; vướng mắc trong việc trao đổi thống nhất với các nhà tài trợ về các hoạt động cụ thể của dự án.</p> <p>- Ngoài ra, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ cũng chưa thực sự coi công tác thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công là nhiệm vụ chính trị quan trọng của mình; đã chưa thực sự đánh giá đúng khả năng thực hiện và giải ngân của các dự án đầu tư công</p>	<p>- Dự án "Xây dựng Trạm Quan trắc môi trường vùng Đông Nam Bộ" phải điều chỉnh nội dung và quy mô đầu tư, đến nay, chưa hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi, chưa đủ điều kiện giao kế hoạch vốn.</p> <p>- Dự án "Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm DGPS (Hải Phòng, Quảng Nam và Bà Rịa - Vũng Tàu)" phải điều chỉnh chủ đầu tư, từ Cục Biển và Hải đảo Việt Nam sang Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam. Đến nay, dự án chưa hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi, chưa đủ điều kiện giao kế hoạch vốn.</p> <p>- Dự án "Xây dựng cơ sở kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường vật lý và phân loại lưu giữ, bảo quản mẫu phóng xạ, Liên đoàn Vật lý địa chất". Dự án này đã được giao vốn chuẩn bị đầu tư nhưng chưa được nhập TABMIS, chưa đủ điều kiện giải ngân. Dự án chưa hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi.</p> <p>- Dự án "Đầu tư xây dựng mới trạm ra đa thời tiết và thám không vô tuyến Trường Sa phục vụ công tác dự báo KTTV". Dự án gặp khó khăn trong công tác khảo sát, lập dự án, do địa điểm đầu tư tại các đảo và khu vực quân sự. Dự án chưa hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi.</p> <p>- Dự án "Xây dựng hệ thống quan trắc giám sát việc vận hành của các hồ chứa thủy điện và hệ thống hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình (ODA Italy)". Đây là dự án sử dụng vốn nước ngoài, được giao vốn khởi công mới, nhưng đến nay chưa thực hiện xong công tác đàm phán, ký kết thỏa thuận vay vốn, chưa lập TK-DT, chưa giải ngân.</p>		

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn-vướng-mắc-trong-giải-ngân-vốn-đầu-tư-công	14 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
27	Văn phòng Quốc hội		<p>- Dự án “Xây dựng Trạm Quan trắc môi trường vùng Đông Nam Bộ” phải điều chỉnh nội dung và quy mô đầu tư, đến nay, chưa hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi, chưa đủ điều kiện giao kế hoạch vốn.</p>		
		<p>- Dự án Xây dựng Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển châu Á) sẽ phải tạm dừng triển khai sau ngày 30/6/2023 (theo Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 04/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án);</p> <p>- Dự án Trung tâm Vũ trụ Việt Nam (sử dụng vốn vay của JICA): Thiết kế phần xây dựng của Dự án được thẩm định, phê duyệt năm 2013; phần thiết bị được phê duyệt năm 2016, đến nay không còn phù hợp do có nhiều thay đổi về quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam đặc biệt về PCCC, việc kết nối hạ tầng với khu công nghệ cao Hòa Lạc cũng có nhiều vướng mắc ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện.</p>	<p>a) Dự án Trung tâm Vũ trụ Việt Nam</p> <p>- Chủ trương đầu tư dự án đã được Thủ tướng Chính phủ ký phê duyệt điều chỉnh từ ngày 27/6/2019 và đến ngày 15/3/2022, phương án tài chính của Dự án đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 34/NQ-CP. Ngày 23/5/2022, thỏa thuận vay vốn VN17-P4 cho Dự án đã được ký và có hiệu lực từ ngày 29/7/2022. Ngày 19/8/2022, Hợp đồng cho vay lại số 02/2022/HĐODA-NHPTVN đã được ký. Ngày 05/9/2022, Tín dụng thư cho Gói thầu “Vệ tinh I, Thiết bị I và Đào tạo nhân lực” đã đủ điều kiện được mở và đủ điều kiện để triển khai;</p> <p>- Ngày 04/01/2023, Nhà thầu Nhật Bản đã gửi Chủ đầu tư Văn bản số L-SCPO-VNSC-COM-056 về kế hoạch tổng thể LOTUSat-1. Theo đó, lịch phóng vệ tinh LOTUSat-1 dự kiến sớm nhất vào tháng 5/2024 và theo kế hoạch, nhà thầu sẽ cần 03 tháng kiểm tra vận hành vệ tinh trên quỹ đạo trước khi bàn giao cho Chủ đầu tư. Tuy nhiên, do việc phóng không thành công tên lửa Epsilon 6 vào tháng 10/2022 và hiện Cơ quan hàng không vũ trụ Nhật Bản (JAXA) đang trong quá trình phân tích tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục để đưa ra lịch phóng tiếp theo. Vì vậy, Nhà thầu Sumitomo Coporation ước tính lịch phóng trong khoảng từ tháng 12/2024 đến tháng 02/2025. Ngoài ra, Nhà thầu cần thêm 03 tháng thử nghiệm vệ tinh trên quỹ đạo và 02 tháng để chuẩn bị báo cáo sau phóng nên gói thầu này dự kiến chỉ có thể hoàn thành vào tháng 8/2025 (theo Công văn số L-SCPO-VNSC-COM-076 ngày 21/7/2023 của Nhà thầu Sumitomo Coporation). Thêm vào đó, ngày 07/8/2023, JICA đã có Công văn số 797.2023/JICA.YL đưa ra ý kiến về việc kéo dài thời gian thực hiện Dự án đến tháng 12/2025 là hợp lý và đủ thời gian để hoàn thành toàn bộ Dự án (bao gồm thực hiện hợp đồng, giải ngân và các thủ tục cần thiết khác). Vì vậy, Dự án cần được gia hạn đến tháng 12/2025 để đảm bảo thực hiện được những nội dung đã được phê duyệt.</p> <p>- Do Dự án đang trong thời gian trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định kéo dài thời gian thực hiện Dự án nên một số gói thầu của Dự án chưa thể triển khai lựa chọn nhà thầu như dự kiến dẫn tới Dự án sẽ không thể giải ngân hết kế hoạch vốn được giao năm 2023 và ảnh hưởng rất lớn đến kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm</p>		

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	15 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
28	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam		<p>2023 của Viện Hàn lâm (Theo báo cáo của Chủ đầu tư, dự kiến Dự án sẽ không giải ngân hết khoảng 330.000 triệu đồng vốn trong nước và 350.000 triệu đồng vốn nước ngoài).</p> <p>b) Dự án Xây dựng Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội</p> <p>- Dự án sử dụng vốn vay ADB nên tất cả mọi quy trình thủ tục đều phải tuân thủ pháp luật Việt Nam cũng như các quy định của ADB, do đó quá trình đấu thầu cũng kéo dài hơn thông thường;</p> <p>- Tác động của những diễn biến mới trong nước và quốc tế, nhất là tình hình xung đột ở Ukraine và cạnh tranh chiến lược giữa các nước, áp lực lạm phát, giá nguyên vật liệu, trong đó có giá xăng dầu tăng cao,... chuỗi cung ứng vật tư, thiết bị, nhân lực có khả năng bị đứt gãy, hàng hóa nhập khẩu gặp rất nhiều khó khăn,... là những nguyên nhân dẫn đến nguy cơ ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Dự án; các Dự án ODA đều có đặc thù riêng về quy trình, thủ tục thực hiện, hợp đồng xây dựng theo FIDIC nên các cơ quan có thẩm quyền mất nhiều thời gian cho các thủ tục thẩm định, phê duyệt và kiểm soát;</p> <p>- Căn cứ tình hình thực tế, Dự án chưa thể kết thúc vào ngày 30/6/2023. Vì vậy ngày 04/5/2023, Viện Hàn lâm đã có Tờ trình số 910/TTr-VHL trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án (xin gia hạn thời gian thực hiện của Dự án đến hết ngày 31/12/2025). Ngày 05/9/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Báo cáo số 7253/BC-BKHĐT báo cáo kết quả thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội và Viện Hàn lâm đang trong quá trình hoàn thiện Báo cáo Nghiên cứu khả thi Dự án điều chỉnh trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định của các cơ quan. Do đó, Dự án sẽ không thể giải ngân hết được phần vốn nước ngoài được giao năm 2023.</p> <p>c) Các Dự án sử dụng vốn trong nước</p> <p>Các Dự án sử dụng vốn đầu tư công tại Viện Hàn lâm phần lớn là các Dự án mua sắm trang thiết bị với đặc thù là các thiết bị khoa học được đặt hàng, chế tạo tại nước ngoài sau đó được vận chuyển, lắp đặt và bàn giao tại Việt Nam. Tính đến thời điểm hiện tại, các Dự án đang thực hiện theo đúng tiến độ hợp đồng. Tuy nhiên, Dự án thiết bị chỉ có thể tiếp tục được giải ngân sau khi thiết bị được bàn giao, lắp đặt, vận hành chạy thử nghiệm ổn định mới được nghiệm thu nên các chủ đầu tư chưa có khối lượng để giải ngân.</p>		

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	16 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
29	Bộ Công an	<p>1. Về thể chế:</p> <ul style="list-style-type: none"> Các dự án mua sắm trang bị nghiệp vụ, phương tiện trong CAND phần lớn là nhập khẩu trang thiết bị đặc chủng, thiết bị chuyên dùng có yêu cầu kỹ thuật cao và tính đồng bộ. Do phụ thuộc nguồn hàng bên cung cấp nên hợp đồng có thời gian thực hiện dài. Do đó, sau khi ký hợp đồng, các dự án giải ngân 30% kế hoạch vốn để tạm ứng hợp đồng, đối với phần vốn còn lại chỉ giải ngân được sau khi nghiệm thu toàn bộ hệ thống thiết bị và thanh lý hợp đồng (kéo dài sang năm sau). Tuy nhiên, các dự án đặc thù nêu trên chưa thuộc đối tượng được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; do đó, quá trình đầu tư trang thiết bị đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ của Bộ Công an gặp những khó khăn nhất định. Theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ thì chỉ các dự án bí mật nhà nước do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án Tuyệt mật, Tối mật của Bộ Công an được thực hiện cấp kinh phí bằng hình thức lệnh chi tiền; các dự án Mật của Bộ Công an thực hiện kiểm soát, thanh toán qua hệ thống Kho bạc Nhà nước. Việc này gây khó khăn trong việc kiểm soát, đảm bảo bí mật nhà nước đối với các hồ sơ, tài liệu của dự án Mật do Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư (nhất là các dự án đầu tư xây dựng công trình, trang thiết bị nghiệp vụ đặc thù). <p>2. Về tổ chức thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> Việc thẩm định tổng mặt bằng, dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thiết kế dự toán của nhiều dự án còn chậm so với quy định. Bộ Công an đã có nhiều văn bản đôn đốc, đồng thời chỉ đạo sửa đổi Thông tư quy định về phân cấp, ủy quyền, thẩm quyền, trình tự thực hiện một số nội dung về đầu tư xây dựng trong CAND trong đó tăng cường phân cấp cho chủ đầu tư phê duyệt tổng mặt bằng, phê duyệt các dự án nhóm C. Thủ trưởng Công an một số đơn vị, địa phương chưa sâu sát, chưa giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc của các dự án đã và đang triển khai. Bộ Công an đã có đánh giá xếp hạng giải ngân hằng tháng và đưa vào là một tiêu chí để xét thi đua năm 2023. Năng lực của một số chủ đầu tư và nhà thầu còn hạn chế; không đảm bảo tiến độ, chất lượng thực hiện các dự án theo quy định... 			<p>Để tăng tính chủ động cho Bộ Công an trong việc giải ngân vốn, kịp thời đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, Bộ Công an đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sửa đổi Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ theo hướng cho phép bổ sung các dự án đầu tư công Mật của Bộ Công an được thực hiện kiểm soát, thanh toán qua Bộ Công an (Bộ Công an đã có Văn bản số 4111/BCA-H01 ngày 25/11/2022 gửi Bộ Tài chính đề xuất điều chỉnh cơ chế quản lý, cấp phát, thanh toán vốn đầu tư công của Bộ Công an tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP). Sửa đổi Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP theo hướng bổ sung các dự án bí mật nhà nước thuộc Bộ Công an, các dự án nhập khẩu trang thiết bị đặc chủng, thiết bị chuyên dùng vào đối tượng được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư. Xem xét, giao Bộ Tài chính chủ trì phối hợp Bộ Công an nghiên cứu đề xuất ban hành Nghị định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án bí mật nhà nước, dự án đặc thù trong lĩnh vực an ninh để đảm bảo thực hiện thành công Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

		17 Nguyên nhân			
TT	Bộ, cơ quan-TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	Khách quan	Chủ quan	Đề xuất, kiến nghị
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
30	Đài Truyền hình Việt Nam	Vấn đề thứ nhất: Đặc thù của ngành: Đối với các dự án về thiết bị, công nghệ truyền hình, gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn cung hàng hóa và vận chuyển, giá thiết bị tăng cao. Vấn đề thứ hai: Ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh: Do ảnh hưởng của đại dịch covid 19 kéo dài trên phạm vi toàn cầu đã làm đứt, gãy chuỗi cung ứng linh kiện điện tử trên phạm vi toàn thế giới đã ảnh hưởng rất lớn đến thời gian thực hiện các gói thầu thiết bị.	Do ảnh hưởng của đại dịch covid 19 kéo dài trên phạm vi toàn cầu đã làm đứt, gãy chuỗi cung ứng linh kiện điện tử trên phạm vi toàn thế giới đã ảnh hưởng rất lớn đến thời gian thực hiện các gói thầu thiết bị.		Mặc dù dịch bệnh Covid-19 cơ bản được kiểm soát, nhưng ảnh hưởng của đại dịch kéo dài trên phạm vi toàn cầu đã làm đứt, gãy chuỗi cung ứng linh kiện điện tử trên phạm vi toàn thế giới. Đối với các dự án về thiết bị truyền hình, gặp nhiều khó khăn do thiếu linh kiện điện tử, thiếu nguồn cung cấp hàng hóa, chi phí vận chuyển đẩy giá thành tăng cao làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng. Với đặc thù các dự án của Đài THVN là các dự án nhập khẩu thiết bị từ nước ngoài nên hầu như việc giải ngân sẽ tập trung vào những tháng cuối năm.
31	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	(1) Các dự án nhóm B trong quá trình triển khai gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong công tác thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán (thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng, PCCC, môi trường thường bị chậm và kéo dài), đến cuối năm 2023 mới kịp hoàn thành đấu thầu, tạm ứng để giải ngân kế hoạch vốn kéo dài và 1 phần kế hoạch vốn năm 2023. VKSND tối cao đã có văn bản số 4387/VKSTC-C3 ngày 24/8/2023 đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh giảm 123.623 triệu đồng kế hoạch vốn năm 2023 do không đủ khối lượng để giải ngân. (2) Vướng mắc về thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi: Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 do Chính phủ ban hành và có hiệu lực từ ngày ký đã tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc trong công tác thẩm định dự án đầu tư của cơ quan chuyên môn về xây dựng và thẩm quyền nghiệm thu công trình. Tuy nhiên, đối với ngành Kiểm sát, trong quá trình thực hiện vẫn còn vướng mắc trong công tác thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của người quyết định đầu tư quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Theo đó, người quyết định đầu tư theo phân cấp trong ngành KSND là Viện trưởng VKSND cấp tỉnh nhưng không có cơ quan chuyên môn về thẩm định, phải thành lập Tổ thẩm định, thành viên của tổ không có chuyên môn về xây dựng, dẫn đến khi thực hiện thẩm định dự án thường lúng túng và bị chậm ảnh hưởng đến công tác giải ngân vốn đầu tư công trong năm kế hoạch. (3) Một số dự án tiến độ thi công bị chậm so với kế hoạch và hợp đồng đã ký do ảnh hưởng bởi thời tiết tại địa phương mưa nhiều, kế hoạch huy động nhân công cũng bị ảnh hưởng khi tại các địa phương vào vụ mùa thu hoạch. (4) Khó khăn trong thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng của Bộ xây dựng thường bị chậm và kéo dài ảnh hưởng đến công tác thẩm tra phê duyệt quyết toán của các đơn vị. Nội dung này đến ngày 20/6/2023 mới được Bộ Xây dựng trình Chính phủ tháo gỡ tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.	(1) Các vướng mắc liên quan đến luật, nghị định (ảnh hưởng đến tiến độ phê duyệt, thực hiện và quyết toán dự án) (2) Nhóm dự án dự kiến hoàn thành năm 2023 đang trong giai đoạn lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành, kiểm tra công tác nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng nên phải chờ sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành mới thực hiện thanh toán 100% vốn cho dự án. (3) Các dự án khởi công mới trong năm kế hoạch trong quá trình triển khai gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong công tác thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán (thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng, PCCC, môi trường thường bị chậm và kéo dài) ảnh hưởng đến công tác lựa chọn nhà thầu và việc giải ngân vốn đầu tư bị chậm. (4) Ảnh hưởng thời tiết, mưa lũ.	- Việc lựa chọn các đơn vị tư vấn lập thiết kế dự toán, quản lý dự án chất lượng chuyên môn chưa đạt yêu cầu nên khi trình cơ quan chuyên môn thẩm định (PCCC, Sở xây dựng, Bộ Xây dựng) còn bị thiếu hồ sơ dẫn đến hồ sơ bị yêu cầu bổ sung hoặc dừng thẩm định. - Năng lực thi công của một số nhà thầu còn hạn chế dẫn đến tiến độ thi công bị chậm dẫn đến không có khối lượng thanh toán. - Thủ trưởng đơn vị có dự án đầu tư, Chủ đầu tư một số dự án chưa thực sự quan tâm đúng mức và quyết liệt, chủ động trong công tác phối hợp với các sở, ban, ngành của địa phương để giải quyết những khó khăn, vướng mắc liên quan đến thủ tục giải phóng mặt bằng, quy hoạch, phòng cháy, chữa cháy, nghiệm thu quyết toán công trình.	(1) Đề nghị điều chỉnh giảm 123.623 triệu đồng kế hoạch vốn năm 2023 như đề nghị của VKSND tối cao tại Công văn số 4387/VKSTC-C3 ngày 24/8/2023 của VKSND tối cao (2) Đề nghị sửa đổi Luật Đầu tư công, tách phần vốn đền bù, GPMB ra khỏi giai đoạn thực hiện dự án để không bị giới hạn bởi thời gian phân bổ vốn (dự án nhóm B không quá 04 năm, dự án nhóm C không quá 03 năm). Ví dụ: Dự án Cơ sở 2 trường Đại học Kiểm sát HN rất lớn, kinh phí GPMB lớn, cần tách riêng vào giai đoạn chuẩn bị dự án. Đề nghị sửa đổi Luật Xây dựng theo hướng giao cho cơ quan chuyên môn về xây dựng trong công tác nghiệm thu dự án.

		18 Nguyên nhân			
TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	Khách quan	Chủ quan	Đề xuất, kiến nghị
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
II	Địa phương				
1	Hòa Bình	<p>- Dự án lĩnh vực giao thông sử dụng vốn NSTW từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội mới được giao chi tiết kế hoạch vốn vào cuối quý 3 năm 2023 đang hoàn thiện thủ tục đầu tư nên chưa thể giải ngân vốn.</p> <p>- Nguồn thu từ sử dụng đất không đảm bảo dự toán vì vậy chưa có nguồn vốn bố trí cho các dự án đầu tư công theo kế hoạch.</p> <p>- CTMTQG có tỷ lệ giải ngân chưa cao do các chủ đầu tư vẫn ưu tiên giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023.</p> <p>- Nhiều dự án phải thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa đặc biệt đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chuyển đổi của trung ương.</p> <p>- Vướng mắc trong thủ tục cấp mỏ đất đắp cho các công trình giao thông (Đường nối từ đường Trần Hưng Đạo đến xã Dân Chủ kết nối Quốc lộ 6; Đường Liên kết vùng Hòa Bình - Hà Nội và cao tốc Sơn La,...).</p> <p>- Các dự án sử dụng vốn nước ngoài (ODA) có tỷ lệ giải ngân thấp hoặc chưa thể giải ngân do gặp vướng mắc trong việc thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư (Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập), chờ điều chỉnh hiệp định vay, thương thảo, ký kết phụ lục hợp đồng (Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Hòa Bình) hay vướng mắc trong việc thực hiện thủ tục mua sắm trang thiết bị y tế</p>	<p>- Dự án lĩnh vực giao thông sử dụng vốn NSTW từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (4.650 tỷ đồng) - Dự án đầu tư đường cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu (đoạn từ Km19 đến Km53 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình) mới được giao chi tiết kế hoạch vốn vào cuối quý 3 năm 2023 (chiếm 47% tỷ trọng kế hoạch vốn năm 2023 của tỉnh), dự án còn phải tiếp tục hoàn thiện thủ tục đầu tư nên chưa thể thực hiện giải ngân.</p> <p>- Việc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa mất nhiều thời gian nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.</p> <p>- Thị trường bất động sản đóng băng ảnh hưởng đến nguồn thu từ sử dụng đất của tỉnh, năm 2023 nguồn thu từ sử dụng đất của tỉnh có số kế hoạch vốn là 2.000 tỷ (chiếm 20% tỷ trọng vốn) tuy nhiên đến hết tháng 10 mới thực hiện được 192 tỷ đồng.</p>	<p>- Công tác hoàn thiện thủ tục đầu tư còn chậm;</p> <p>- Vướng mắc trong khâu giải phóng mặt bằng chủ yếu là vướng mắc về đơn giá và phương án đền bù còn chồng chéo giữa quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành. Chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng còn chưa nhận được sự đồng thuận, nhất trí của một số hộ dân (đặc biệt là về số tiền bồi thường khi bị thu hồi đất).</p>	<p>(1) Các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội chậm thực hiện giải ngân do mất nhiều thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư; kế hoạch vốn năm 2023 được giao chi tiết muộn, cuối tháng 7/2023 mới được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn thực hiện chương trình(). Vì vậy, kính đề nghị Chính phủ trình Quốc hội xem xét quyết định cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn từ Chương trình đối với các dự án do tỉnh Hòa Bình quản lý đến hết năm 2025 với số tiền dự kiến kéo dài là 4.675 tỷ đồng và cho phép bố trí kế hoạch vốn của Chương trình trong dự toán các năm 2024, 2025 để thực hiện.</p> <p>(2)Đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép tách công tác giải phóng mặt bằng của các dự án đầu tư công nhóm B, C ra thành một dự án độc lập để đẩy nhanh hơn nữa tiến độ thực hiện dự án, gắn với cơ chế phân công và xác định trách nhiệm của người đứng đầu một cách rõ ràng, minh bạch, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm.</p> <p>(3) Trong thời gian vừa qua, việc triển khai thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Hòa Bình mất nhiều thời gian cho công tác chuẩn bị đầu tư, đặc biệt liên quan đến thủ tục chuyển đổi diện tích đất lúa, chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng tự nhiên (mặc dù có diện tích không lớn), thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu phân cấp, ủy quyền cho chính quyền các địa phương trong triển khai thực hiện thủ tục chuyển đổi diện tích đất lúa trên 10ha, chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất trên 50ha, rừng phòng hộ trên 20ha và rừng tự nhiên có diện tích không lớn.</p>
2	Cao Bằng	<p>- Chuyển đổi mục đích rừng tự nhiên chưa được Thủ tướng Chính phủ cho phép.</p> <p>- Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng gặp nhiều vướng mắc.</p> <p>- Dự án chiếm tỷ trọng vốn lớn trong tổng kế hoạch đầu tư công năm 2023 giải ngân chậm (dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) với số vốn được giao là 1.282.540,845/4.082.996 triệu đồng, chiếm 31,4% tổng vốn đầu tư công theo Quyết định của Thủ tướng giao)</p>	<p>- Là một tỉnh miền núi, diện tích rừng và đất rừng chiếm tỷ lệ lớn.</p> <p>- Chưa thống nhất được phương án đền bù, tái định cư cho một số hộ dân, đặc biệt là vướng mộ (với lý do là tập tục người dân tộc Mông không di chuyển mộ).</p>	<p>- Dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) được phê duyệt dự án đầu tư chậm, dẫn đến giao vốn muộn (ngày 18/9/2023 giao vốn thực hiện).</p>	<p>Đề nghị Quốc hội, Chính phủ phân cấp thẩm quyền chuyển đổi mục đích rừng tự nhiên cho HĐND cấp tỉnh theo một định mức về diện tích nhất định (có thể phân cấp cho HĐND) cấp tỉnh quyết định chuyển đổi mục đích dưới 20ha); Đề nghị giao 01 ngành chủ trì (Tài nguyên và môi trường hoặc Nông nghiệp và phát triển nông thôn) trong thực hiện công tác chuyển đổi mục đích sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng rừng để giảm thủ tục hành chính và thống nhất, đồng bộ trong tổ chức triển khai thực hiện.</p>

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	19 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
3	Gia Lai	<p>Trong quá trình thực hiện kế hoạch vốn năm 2023, địa phương gặp nhiều khó khăn vướng mắc về cơ chế chính sách (quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy, quy trình cấp giấy phép môi trường, thủ tục cấp phép khai thác đất đắp thực hiện dự án theo Luật Khoáng sản); Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; Hụt thu tiền sử dụng đất; Thiểu đất đắp thực hiện dự án.....làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân của địa phương. Qua rà soát dự kiến giải ngân của các chủ đầu tư, địa phương dự kiến giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 đến 31/1/2024 là 91,1%.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định của Luật phòng cháy chữa cháy gây ra nhiều khó khăn trong quá trình lập dự án. - Vấn đề giấy phép môi trường: Quy trình thực hiện cấp giấy phép môi trường phải qua nhiều bước gây mất nhiều thời gian trong công tác chuẩn bị dự án. - Về thủ tục cấp phép khai thác đất đắp phục vụ các dự án đầu tư công: Theo quy định Luật Khoáng sản, việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn có liên quan, phải thực hiện qua nhiều bước, nhiều trình tự thủ tục liên quan nên không đáp ứng được tiến độ thi công của các dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiều dự án vướng công tác giải phóng mặt bằng, do các hộ dân không đồng thuận với phương án bồi thường gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện dự án. Sự biến động của thị trường bất động sản trong năm 2023 làm cho địa phương gặp nhiều khó khăn trong công tác thẩm định giá đất bồi thường. - Hụt thu nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và cho thuê đất năm 2022 và 2023 làm cho nhiều dự án sử dụng nguồn vốn này đã có khối lượng thực hiện nhưng không có nguồn vốn để thanh toán. - Vấn đề đất đắp cho các công trình: việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của Pháp luật về luật Khoáng sản khiến cho nhiều dự án thiếu đất đắp để thực hiện, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân. - Đối với các dự án thuộc chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội: Dự án có yêu cầu tiến độ triển khai, hoàn thành rất ngắn, trong năm 2023. Tuy nhiên, các dự án có tổng mức đầu tư lớn, về thủ tục phải thực hiện theo quy trình, thủ tục đầu tư công gồm nhiều bước mất nhiều thời gian dẫn đến các dự án thuộc chương trình này khởi công chậm. - Công tác chỉ đạo, điều hành của một số chủ đầu tư về tháo gỡ khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công chưa thật sự quyết liệt và hiệu quả. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kính đề nghị Chính phủ Sớm ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định phương pháp định giá đất đảm bảo khi được ủy quyền, UBND cấp huyện có căn cứ để triển khai thực hiện. 2. Kính đề nghị Chính phủ giao các Bộ ngành trung ương nghiên cứu sửa đổi Luật Khoáng sản giao về địa phương quy định việc cấp phép khai thác đất san lấp hoặc quy định riêng về thủ tục cấp phép đối với đất san lấp để rút ngắn giai đoạn và thời gian thực hiện và có cơ chế riêng đối với các công trình sử dụng ngân sách nhà nước như đối với các dự án trọng điểm được Quốc hội thông qua (giao trực tiếp cho đơn vị thi công không phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản, không phải thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản, khối lượng khai thác theo khối lượng thi công dự án, thời gian được phép khai thác theo thời gian thi công công trình, sau khi khai thác xong, đơn vị thi công thực hiện san gạt để đảm bảo an toàn và trả lại mô cho địa phương quản lý...).
4	Bắc Kạn	<ul style="list-style-type: none"> - Việc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp mất nhiều thời gian, chưa được tăng cường phân cấp cho địa phương. - Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do chưa được sự đồng thuận về giá đất, tái định cư.... - Dự án liên vùng của tỉnh - Dự án Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang - Tuyên Quang năm 2023 dự án được giao kế hoạch vốn năm 2023 là 400 tỷ đồng và kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là hơn 621 tỷ đồng; dự án đi qua 2 tỉnh (Bắc Kạn - Tuyên Quang) nên có nhiều nội dung về giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng rừng, chuyển mục đích sử dụng đất chưa có quy định rõ ràng, nên việc triển khai gặp nhiều khó khăn 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỉnh Bắc Kạn là một tỉnh miền núi, diện tích rừng và đất rừng chiếm tỷ lệ lớn. Trong quá trình khảo sát, nghiên cứu lập dự án, tỉnh đều chỉ đạo các chủ đầu tư tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật, tận dụng và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên hiện có, hạn chế tối đa việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và rừng sang mục đích khác; tuy nhiên việc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng rừng mất nhiều thời gian nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. - Dự án liên vùng do HĐND tỉnh Bắc Kạn quyết định chủ trương đầu tư nên dự án không thể bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Tuyên Quang để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đoạn tuyến thuộc địa phận tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015. -Trọng thời gian qua, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, thị trường bất động sản đóng băng, nhiều dự án xây dựng các khu dân cư, khu đô thị đã tổ chức đấu giá nhưng vẫn không tìm được khách hàng dẫn đến ảnh hưởng lớn đến các nguồn thu từ sử dụng đất năm 2023 nguồn thu sử dụng đất của tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các dự án thực hiện CTMTQG chủ yếu được phân cấp cho cấp xã làm chủ đầu tư, tuy nhiên năng do một số địa phương cấp xã chưa có cán bộ chuyên trách về đầu tư xây dựng, các nhóm thợ, cộng đồng dân cư địa phương thực hiện các dự án đặc thù còn yếu về năng lực xây dựng hồ sơ thi công nên việc triển khai thực hiện, giải ngân chậm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến nghị Trung ương cho phép được sử dụng nguồn NSTW bố trí cho dự án để thực hiện công tác GPMB của dự án, qua đó sẽ khắc phục được vướng mắc của quy định hiện hành về việc bố trí ngân sách địa phương cho công tác giải phóng mặt bằng đối với tuyến đường đi qua 2 tỉnh. - Đề nghị TW phân cấp thẩm quyền chuyển đổi mục đích rừng tự nhiên cho HĐND cấp tỉnh theo một định mức về diện tích nhất định. - Đề nghị TW xem xét điều chỉnh giảm kế hoạch vốn NSTW không có khả năng giải ngân của tỉnh là 380.000 triệu đồng (Vốn ngân sách trung ương trong nước), UBND tỉnh Bắc Kạn đã báo cáo tại Công văn số 4832/UBND-TH ngày 27/7/2023.

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	20 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
5	Lai Châu	<p>- Việc chuẩn bị thủ tục đầu tư một số dự án còn khó khăn, vướng mắc mất nhiều thời gian để tháo gỡ, đặc biệt là dự án có tính chất liên vùng, liên tỉnh như dự án Hàm đường bộ qua đèo Hoàng liên kết nối thị xã Sapa tỉnh Lào Cai với huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu, đến nay dự án chưa được phê duyệt quyết định đầu tư nên chưa đủ điều kiện giao kế hoạch vốn năm 2023, kế hoạch vốn dự kiến giao cho dự án lớn (347 tỷ đồng chiếm 19,5% vốn ngân sách trung ương) nên ảnh hưởng lớn đến tỷ lệ giải ngân chung.</p> <p>- Các nguồn vốn: Thu sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết chưa đảm bảo dẫn đến không có vốn để giải ngân cho các dự án, ảnh hưởng lớn đến tỷ lệ giải ngân chung của toàn tỉnh.</p> <p>- Việc triển khai thực hiện các chương trình MTQG còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc: Để triển khai thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, Chính phủ và các bộ, ngành trung ương đã ban hành rất nhiều văn bản tổ chức triển khai thực hiện, tuy nhiên việc ban hành các văn bản cơ chế, chính sách còn chậm, không đồng bộ (vốn giao trước, cơ chế chính sách ban hành sau), có văn bản hướng dẫn đến thời điểm giữa năm 2023 mới ban hành (Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Y tế;...). Trên cơ sở văn bản của trung ương, tỉnh đã cụ thể hóa và ban hành rất nhiều văn bản tổ chức thực hiện (hơn 80 văn bản), trong một thời gian rất ngắn nên đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân.</p>	<p>- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc và là điểm nghẽn lớn nhất dẫn đến nhiều dự án triển khai chậm, giải ngân thấp. Thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sang đất khác theo Luật Lâm nghiệp liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; thủ tục, thời gian thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phải thực hiện nhiều bước (thời gian từ lúc có thông báo thu hồi đất đến khi có quyết định thu hồi đất 90 ngày đối với đất nông nghiệp, 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp) đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện dự án; một số hộ dân có đất bị thu hồi chưa đồng thuận với đơn giá bồi thường, giải phóng mặt bằng của cơ quan nhà nước</p> <p>- Nguồn cung vật liệu xây dựng (cát, đá...) ở một số địa bàn còn khan hiếm, không đáp ứng được yêu cầu đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án. Bên cạnh đó giá nguyên vật liệu có thời điểm tăng cao làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất của các doanh nghiệp, đa phần các hợp đồng thực hiện dưới hình thức "trộn gói" không được điều chỉnh giá nên ảnh hưởng rất lớn đến việc chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện.</p>	<p>Công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công của một số chủ đầu tư chưa thực sự quyết liệt, hiệu quả.</p>	
6	Thành phố Đà Nẵng	<p>- Các nhiệm vụ, dự án sau khi được bố trí vốn cần thực hiện các thủ tục lựa chọn nhà thầu và cần thời gian nhất định thực hiện hợp đồng để có khối lượng nghiệm thu, thanh toán. Một số nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư có giá trị nhỏ, chủ đầu tư không thực hiện tạm ứng mà thanh toán một lần sau khi nghiệm thu hoàn thành công việc. Vì vậy, giá trị giải ngân sẽ được đẩy mạnh vào cuối năm;</p> <p>- 05 Quy hoạch 05 vùng gặp khó khăn trong việc lựa chọn nhà thầu tư vấn lập quy hoạch của các Bộ được phân công lập hợp do việc bố trí kinh phí lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật đầu tư công và pháp luật đầu thầu chưa đồng bộ với pháp luật về quy hoạch, do đó chưa đủ điều kiện để tổ chức lựa chọn nhà thầu lập quy hoạch đối với hợp phần của các Bộ được phân công.</p>			<p>- Đề nghị Quốc hội, Chính phủ phân cấp thẩm quyền chuyển đổi mục đích rừng tự nhiên cho HĐND cấp tỉnh theo một định mức về diện tích nhất định (có thể phân cấp cho HĐND cấp tỉnh quyết định chuyển đổi mục đích dưới 20ha); Đề nghị giao 01 ngành chủ trì (Tài nguyên và môi trường hoặc Nông nghiệp và phát triển nông thôn) trong thực hiện công tác chuyển đổi mục đích sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng rừng để giảm thủ tục hành chính và thống nhất, đồng bộ trong tổ chức triển khai thực hiện.</p> <p>- Đề nghị cho phép tách hạng mục đền bù, GPMB để phê duyệt một dự án riêng biệt hoặc nghiên cứu việc thực hiện GPMB trước khi phê duyệt dự án, chi phí GPMB được bổ sung từ chi phí chuẩn bị đầu tư dự án.</p>

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	21 Nguyên nhân		
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương		Khách quan	Chủ quan	Đề xuất, kiến nghị
7	Đồng Nai	<p>1. Khó khăn, vướng mắc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (đặc biệt là các dự án giao thông).</p> <p>2. Một số vướng mắc về cơ chế, chính sách:</p> <p>a) Về trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm theo quy định tại Điều 56 Luật Đầu tư công:</p> <p>Theo quy định tại Khoản 3, 4, 5 Điều 56 Luật Đầu tư công:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức lập, thẩm định, tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm sau để gửi báo cáo UBND tỉnh là từ ngày 30/6 đến 20/7 hằng năm. - Thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh phải tổ chức họp vào khoảng từ 20/7 đến 25/7 hằng năm để kịp thời thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau làm cơ sở để UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính. <p>Như vậy, thời gian từ lúc UBND tỉnh trình dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau đến lúc diễn ra kỳ họp HĐND tỉnh là 05 ngày. Khoảng thời gian này không đủ để thực hiện các thủ tục cần thiết chuẩn bị cho kỳ họp, cụ thể: Ban kinh tế ngân sách HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra, Trình Thường trực HĐND thông qua, đồng thời phải đảm bảo gửi tài liệu đến đại biểu HĐND tỉnh trước 07 ngày diễn ra kỳ họp (theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương). Kiến nghị cho UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công hằng năm thay vì phải báo cáo HĐND tỉnh (tương tự như việc lập dự toán ngân sách hằng năm theo quy định tại Khoản 4 Điều 45 Luật ngân sách nhà nước chỉ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, cho ý kiến làm cơ sở gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan theo quy định để tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ).</p> <p>b) Về thẩm quyền quyết định thời gian bố trí vốn theo Điều 52 Luật Đầu tư công:</p> <p>Tại Khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công quy định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án trong trường hợp dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương đã vượt quá thời gian bố trí vốn (nhóm A tối đa 6 năm, nhóm B tối đa 4 năm, nhóm C tối đa 3 năm). Tuy nhiên vốn ngân sách địa phương gồm vốn cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, theo đó đối với việc giao vốn kế hoạch chi tiết của từng dự án do HĐND cùng cấp thông qua Nghị quyết giao vốn hằng năm. Để phù hợp trong việc triển khai thực hiện, kiến nghị cho phép HĐND cùng cấp quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án trong trường hợp dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương thuộc cấp mình quản lý đã vượt quá thời gian bố trí vốn (nhóm A tối đa 6 năm, nhóm B tối đa 4 năm, nhóm C tối đa 3 năm).</p> <p>c) Về trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước theo Điều 46 Nghị định 40/2019/NĐ-CP:</p> <p>Tại Khoản 3 quy định "Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch".</p>	<p>- Một số dự án khởi công mới thuộc kế hoạch năm 2023 bố trí vốn chuyển tiếp. Tỷ lệ giải ngân các tháng đầu năm chưa cao là do phải hoàn ứng phần tạm ứng hợp đồng.</p> <p>- Một số dự án bố trí vốn khởi công mới năm 2023 đang thực hiện thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, trình thẩm định phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu làm cơ sở lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp (dự kiến khởi công vào quý III và quý IV năm 2023). Tỷ lệ giải ngân các tháng đầu năm chưa cao là do chi thanh toán phần khối lượng tư vấn.</p> <p>- Vướng mắc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (đặc biệt là các dự án giao thông), trong đó mặt khách quan là do công tác đo vẽ, kiểm đếm, xác định nguồn gốc đất mất nhiều thời gian; công tác lựa chọn vị thẩm định giá đất gặp nhiều khó khăn do có ít đơn vị tham gia thực hiện; do phải xử lý một số trường hợp hộ dân sang nhượng giấy tay mất nhiều thời gian; do người dân chưa đồng thuận với giá bồi thường và có khiếu nại, khiếu kiện....</p>	<p>- Một số công trình bố trí vốn khởi công mới năm 2023 đến nay chậm hoàn thiện hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và hoàn thiện hồ sơ để tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công nên vẫn chưa giải ngân được vốn kế hoạch.</p> <p>- Sau khi ký kết hợp đồng thi công dự án, một số chủ đầu tư chưa quyết liệt yêu cầu nhà thầu lập kế hoạch triển khai cụ thể làm cơ sở theo dõi, đôn đốc kịp thời, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân dự án theo kế hoạch được giao.</p> <p>- Một số công trình chậm bồi thường giải phóng mặt bằng có một phần nguyên nhân chủ quan do: công tác phối hợp giữa chủ đầu tư và địa phương chưa thật chặt chẽ; năng lực của đơn vị thực hiện công tác bồi thường còn hạn chế, chưa mạnh dạn áp dụng quy trình cưỡng chế theo quy định; chưa kịp thời xây dựng các khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng (đặc biệt là trên địa bàn thành phố Biên Hòa).</p> <p>- Năng lực của một số đơn vị nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng còn hạn chế, cụ thể: chất lượng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công chưa đảm bảo, trong quá trình triển khai thi công xây dựng còn dễ xảy ra phát sinh ảnh hưởng đến tiến độ thi công xây dựng dự án, nhà thầu thi công xây dựng, cung cấp thiết bị không triển khai thực hiện theo đúng hợp đồng được ký kết, buộc phải dừng hoặc chấm dứt hợp đồng.</p>	<p>Đề tăng tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công hằng năm nhằm đảm bảo giải ngân đạt trên 95% kế hoạch; đồng thời có một số dự án điều chỉnh, bổ sung phải thông qua HĐND các cấp (tại kỳ họp HĐND cuối năm kế hoạch để triển khai kế hoạch năm sau ngay sau kỳ họp của Quốc hội) nên kiến nghị chấp thuận cho địa phương được phép điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách địa phương trong năm kế hoạch mà không quy định phải trước 15/11 năm kế hoạch</p>

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	22 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
8	Hà Giang	(i) Một số quy định về đất đai chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; cơ chế, chính sách về giải phóng mặt bằng (GPMB), tái định cư vẫn còn có vướng mắc chưa được sự đồng thuận của người dân; (ii) Thủ tục đầu tư các dự án khởi công mới nhiều bước; các dự án trọng điểm có tính chất kỹ thuật phức tạp, cần rà soát, tính toán kỹ lưỡng trong quá trình thẩm định, phê duyệt đầu tư; (iii) Một số dự án lớn phải thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng, chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hoặc thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với chuyển mục đích rừng tự nhiên; (iv) Đối với 03 chương trình mục tiêu quốc gia, số lượng dự án đầu tư nhiều (trên 1.300 dự án); đối tượng, địa bàn thực hiện rộng (193 xã, phường, thị trấn với 2.071 thôn, tổ dân phố); quy mô dự án nhỏ; cấp huyện, xã tổ chức thực hiện còn lúng túng. Năng lực cán bộ tham gia Ban quản lý, nhất là cấp xã được phân cấp quản lý thực hiện; (v) Năng lực một số nhà thầu tư vấn còn yếu dẫn đến chất lượng công tác tư vấn, hồ sơ còn hạn chế...	Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, do ảnh hưởng của thiên tai, mưa lũ, do biến đổi khí hậu đã làm ảnh hưởng và tác động lớn đến các hoạt động của các dự án đầu tư công trên mọi lĩnh vực, bao gồm cả các dự án sử dụng vốn ODA ... đã làm tăng TMĐT so với các Nghị quyết đã phê duyệt, dẫn đến phải điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của luật ĐTC trước khi điều chỉnh dự án đầu tư đã làm chậm tiến độ triển khai thực hiện các dự án. Công tác GPMB khó khăn về thủ tục đất đai; quy trình, thủ tục đầu tư phải qua nhiều khâu, nhiều bước, lấy ý kiến của nhiều cơ quan, đơn vị.	Công tác chuẩn bị đầu tư của các Chủ đầu tư còn chậm, chất lượng công tác khảo sát lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chưa cao, công tác đền bù GPMB từ bước phê duyệt chủ trương đầu tư, đến bước phê duyệt dự án chỉ là tạm tính, khi triển khai thực hiện dự án, dự toán chi phí đền bù GPMB được Chủ đầu tư lập theo thực tế tại thời điểm thực hiện và trình Hội đồng đền bù GPMB phê duyệt riêng, dẫn đến, chi phí đền bù GPMB thực tế tăng cao so với chi phí đền bù GPMB đã được phê duyệt tại các Nghị quyết của HĐND Tỉnh.	1. <i>Kiến nghị đối với Quốc hội</i> Kiến nghị Quốc hội xem xét cho phép các địa phương được phép điều chỉnh nguồn vốn đầu tư phát triển kéo dài thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia từ các dự án chưa có khả năng giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân sau ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch để đảm bảo giải ngân kế hoạch được giao và thực hiện mục tiêu của các Chương trình. Đồng thời xem xét, cho phép chuyển nguồn vốn năm 2022 sang tiếp tục thực hiện năm 2024. 2. <i>Kiến nghị đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ</i> Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, xem xét sửa đổi Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 21/10/2021, bổ sung nhiệm vụ chỉ hỗ trợ cho công tác giao rừng từ nguồn vốn của Tiểu dự án 1, Dự án 3 của Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
9	Sơn La	- Vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, giá nguyên vật liệu và tình trạng khan hiếm vật liệu xây dựng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án. vướng mắc về công tác giải phóng mặt bằng là chủ yếu, cụ thể: Công tác kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư GPMB, các dự án trên địa bàn tỉnh hiện nay còn chậm, một số hộ dân chưa đồng thuận; việc xác định nguồn gốc đất của các hộ gặp nhiều khó khăn, mất nhiều thời gian, do tình trạng sử dụng đất sai mục đích, sử dụng đất trong quy hoạch 3 loại rừng để làm đất sản xuất nông nghiệp. - Trong năm 2023, một số dự án phải ưu tiên hoàn tạm ứng vốn năm 2022. - Việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp còn chậm và lúng túng; Việc chuẩn bị đầu tư một số dự án còn chậm, một số dự án chưa được rà soát, chuẩn bị kỹ lưỡng dẫn tới trùng tuyến, trùng địa điểm phải điều chỉnh dự án; Công tác phối hợp giữa các cơ quan đơn vị trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng còn hạn chế. - Nguồn thu tiền sử dụng đất không đạt kế hoạch đề ra	Thủ tục chuyển đổi đất rừng còn rất chậm; Do chính sách giải phóng mặt bằng, tái định cư vẫn còn có vướng mắc chưa được sự đồng thuận của người dân, dẫn đến tình trạng công tác giải phóng mặt bằng chậm, làm ảnh hưởng đến việc bàn giao mặt bằng để triển khai thực hiện dự án. Việc ban hành chính sách, phân bổ vốn và văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện từ Trung ương đôi khi còn chậm gây khó khăn trong công tác tổ chức thực hiện (nhất là các Chương trình mục tiêu quốc gia); ...	Năng lực của một số đơn vị chủ đầu tư, nhà thầu chưa đáp ứng yêu cầu; kỷ cương, kỷ luật trong công tác giải ngân vốn đầu tư công chưa quyết liệt ở một số đơn vị và còn có tình trạng sợ sai. Một số chủ đầu tư chưa thực sự quyết liệt trong chỉ đạo, đôn đốc, giám sát tiến độ thực hiện dự án, kết quả giải ngân chậm được cải thiện.	Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 sang năm 2024 đối với số vốn chưa giải ngân tính đến ngày 31/01/2024;

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	23 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
10	Điện Biên	<p>a) Tồn tại, hạn chế trong công tác giao, phân bổ kế hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến độ phân bổ chi tiết kế hoạch năm 2023 đầu năm còn chưa đảm bảo, đến 31/12/2022 phân bổ chi tiết mới chỉ đạt 92,44% kế hoạch vốn (chưa đảm bảo 100% theo quy định, chủ yếu do 03 dự án thuộc Chương trình phục hồi phát triển KTXH được trung ương giao vốn trung hạn muộn, đến tháng 3 năm 2023 Thủ tướng Chính phủ mới có Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 08/3/2023 giao vốn cho 03 dự án). - Vốn bố trí từ nguồn thu tạo ra từ đầu giá quyền sử dụng đất để bố trí cho các dự án trọng điểm của tỉnh chưa đáp ứng được theo tiến độ triển khai các dự án. <p>b) Tồn tại, hạn chế trong công tác giải ngân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công nhìn chung chưa đạt kỳ vọng, đến hết 31/10/2023 chỉ đạt tỷ lệ 47,55% (thấp hơn tỷ lệ giải ngân bình quân cả nước - 56,74%), không đạt mục tiêu giải ngân theo Chỉ thị số 1375/CT-UBND ngày 19/4/2023 (mục tiêu giải ngân hết quý III năm 2023 tối thiểu 70%). (Chi tiết như phụ lục kèm theo) <p>c) Tồn tại hạn chế của các chủ đầu tư, các cơ quan liên quan trong công tác triển khai dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng lập kế hoạch và công tác chuẩn bị đầu tư, thủ tục đầu tư cho các dự án tại một số đơn vị còn chưa tốt, thiếu chủ động dẫn đến các dự án dự kiến khởi công mới không đảm bảo điều kiện để giao vốn theo quy định trước ngày 31/12/2022 hoặc phải điều chỉnh kế hoạch vốn sang các dự án khác (một số dự án thuộc Đề án 666, Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới). - Tiến độ triển khai các Chương trình, dự án có kế hoạch vốn lớn còn chậm, tỷ lệ giải ngân thấp như: Dự án Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12; Dự án Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm; các dự án Chương trình mục tiêu quốc gia (thuộc huyện Điện Biên) làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chung của tỉnh. - Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, đặc biệt tại các dự án có quy mô lớn còn nhiều vướng mắc chưa được tháo gỡ triệt để; <p>d) Tồn tại hạn chế đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia</p> <p>Công tác xây dựng cơ chế chính sách thực hiện Chương trình MTQG chưa đầy đủ, đồng bộ, có 02 văn bản theo thẩm quyền của tỉnh đến giữa năm 2023 mới được ban hành.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số dự án được Thủ tướng Chính phủ giao vốn chậm, đến tháng 3 năm 2023 Thủ tướng Chính phủ mới có Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 08/3/2023 giao vốn cho 03 dự án thuộc Chương trình phục hồi phát triển kinh tế xã hội. - Việc triển khai thực hiện một số nội dung thuộc các Chương trình MTQG được Thủ tướng Chính phủ giao cho các Bộ, ngành trung ương hướng dẫn nên việc triển khai tại địa phương cần chờ hướng dẫn của Trung ương để đảm bảo thực hiện đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch đầu tư công tại một số địa phương, đơn vị chưa sâu sát, quyết liệt. - Năng lực lập kế hoạch, kiểm soát hồ sơ dự án, tổ chức triển khai thực hiện tại một số đơn vị còn nhiều bất cập, chưa quyết liệt, chưa hiệu quả, dẫn tới việc hoàn thiện thủ tục đầu tư chậm, không đảm bảo điều kiện phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2023 trước ngày 31/12/2022 (trong đó chủ yếu là các dự án thuộc vốn Xổ số kiến thiết cho các nhiệm vụ của CTMTQG xây dựng nông thôn mới; Đề án 79; Đề án 666 và các Chương trình MTQG). - Công tác nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành chưa được các chủ đầu tư, đơn vị thi công ưu tiên bố trí nhân lực thực hiện, là một trong những nguyên nhân làm tỷ lệ giải ngân vốn kế hoạch năm 2023 trong 9 tháng đầu năm đạt thấp. - Sự phối hợp giữa các đơn vị được giao Chủ đầu tư với các cơ quan quản lý nhà nước và các địa phương có dự án đầu tư trên địa bàn có nơi, có lúc còn chưa được nhịp nhàng, hiệu quả nhất là trong việc hoàn thiện các thủ tục hồ sơ dự án, phối hợp GPMB; công tác đôn đốc nhà thầu triển khai thi công chưa quyết liệt và hiệu quả. 	

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	24 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
11	Quảng Trị		<p>- Trong bối cảnh nền kinh tế chịu tác động nặng nề của dịch bệnh Covid-19, thu nhập của người dân gặp nhiều khó khăn, tác động của chính sách tín dụng bất động sản thắt chặt và một số chính sách tài chính đất đai khác dẫn đến sức mua suy giảm, số lượng giao dịch ít, nhiều phiên đấu giá có rất ít người tham gia, công tác đấu giá các khu đất giao cho doanh nghiệp chưa thực hiện được.</p> <p>- Việc khai thác đất tận thu từ các hoạt động nạo vét lòng hồ phụ thuộc vào thời tiết nên khối lượng không ổn định, chỉ khai thác theo thời vụ nhất định, không đảm bảo tính liên tục theo tiến độ dự án; mặt khác đất bồi lắng lòng hồ là đất mềm yếu, có lượng ngầm nước cao, rất khó để thi công đạt đến độ chặt theo yêu cầu thiết kế. Bên cạnh đó, đối với các điểm mỏ đã được cấp phép do có cự ly vận chuyển xa, làm tăng chi phí vận chuyển nên không phù hợp tính toán xác định chi phí đầu tư theo quy định. Tiến độ, thủ tục cấp giấy phép khai thác mỏ đất mới mất nhiều thời gian.</p> <p>- Các dự án ODA ngoài việc thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật trong nước, còn phải thực hiện thêm các hồ sơ thủ tục đầu tư theo các cam kết với nhà tài trợ dẫn đến quá trình hoàn thiện thủ tục, rút vốn, giải ngân mất rất nhiều thời gian, công đoạn</p>	<p>- Công tác chuẩn bị đầu tư chưa tốt, kéo dài, còn thiếu chủ động làm chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án và giải ngân kế hoạch vốn được giao;</p> <p>- Vướng mắc kéo dài nhiều năm là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, chủ yếu liên quan đến các hộ dân không đồng thuận với phương án, mức giá đền bù, công tác quản lý đất đai ở cơ sở còn hạn chế, khó khăn trong việc xác định nguồn gốc đất, kiểm kê, kê khai để phân loại đất đền bù, lựa chọn các vị trí để lập quy hoạch, hoàn thiện thủ tục xây dựng khu tái định cư, nhân sự làm công tác giải phóng mặt bằng tại các đơn vị, địa phương ít, kiểm nhiệm nhiều việc. Bên cạnh đó, một số công trình thi công trên mặt bằng hiện có nhưng công tác thanh lý tài sản, tháo dỡ, bàn giao mặt bằng của đơn vị chủ quản chậm trễ, phát sinh nhiều thủ tục trước khi có thể triển khai thực hiện.</p> <p>- Các công trình, dự án thuộc CTMTQG chủ yếu là đầu tư cơ sở hạ tầng có quy mô nhỏ, số lượng dự án thực hiện ở các địa phương lớn; trong điều kiện lực lượng cán bộ thẩm định dự án ít nên việc tổ chức thẩm định dự án ở các huyện gặp nhiều khó khăn đã làm chậm tiến độ triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, do tính chất công trình có quy mô nhỏ, đơn vị thi công và chủ đầu tư không thể tổ chức nghiệm thu giai đoạn mà chỉ tổ chức nghiệm thu khi công trình hoàn thành và thực hiện thủ tục giải ngân kế hoạch.</p> <p>- Một số nhà thầu gặp khó khăn, năng lực hạn chế, chưa tập trung nhân lực và vật lực để thi công, đẩy nhanh khối lượng thực hiện đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân của một số công trình</p>	<p>- Đề nghị các bộ, ngành Trung ương tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển Chương trình phục hồi phát triển KTXH sang năm 2024;</p> <p>- Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ sớm giao vốn kế hoạch năm 2023 cho dự án được giao vốn thuộc CT phục hồi phát triển KTXH theo QĐ số 883/QĐ-TTg ngày 24/7/2023 để có cơ sở triển khai thực hiện. Đồng thời, do thời điểm giao vốn muộn nên kính trình Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch năm 2023 sang năm 2024 theo quy định của Luật Đầu tư công</p>
12	Hưng Yên	<p>- Một số dự án còn gặp nhiều khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng do chưa được sự đồng thuận về giá đất bồi thường, tái định cư,...</p> <p>- Năm 2023, tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn đầu tư công với số vốn 12.006,4 tỷ đồng, tăng rất cao so với kế hoạch năm 2022, nhất là nguồn thu tiền sử dụng đất (năm 2022 giao 2.300 tỷ đồng; năm 2023 giao 8.950 tỷ đồng). Điều này cũng tạo ra áp lực lớn đối với tỉnh trong việc đảm bảo cân đối nguồn thu tiền sử dụng đất và hoàn thành giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ giao..</p>	<p>- Giá vật tư xây dựng vẫn ở mức cao, nhất là mặt hàng sắt, thép, xăng dầu, cát, đá, sỏi...; đồng thời nguồn cung cấp còn hạn chế (đặc biệt là cát đen), đã ảnh hưởng lớn đến tiến độ thi công công trình và giải ngân vốn đầu tư công.</p> <p>- Các dự án thủy lợi, đề điều có tính đặc thù: Công tác thi công có tính thời vụ, thời gian thi công ngắn, vừa thi công, vừa phải đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp; khoan đê, cắt đê không thực hiện được trong mùa mưa bão.</p> <p>- Các nhà thầu đã tập trung thi công tuy nhiên do số dư tạm ứng của các năm trước còn lại nhiều nên giá trị khối lượng hoàn thành phải trừ tạm ứng theo quy định dẫn đến tỷ lệ giải ngân còn thấp.</p> <p>- Do phải tập trung nhân lực triển khai công tác GPMB đường vành đai 4 nên tiến độ GPMB các công trình, dự án khác bị ảnh hưởng.</p>		

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	25 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
13	Kon Tum	<p>- Khó khăn về việc di dời lưới điện gây chậm trễ công tác giải phóng mặt bằng, việc bồi thường triển khai di dời lưới điện. Nội dung này đã được Tập đoàn Điện lực Việt Nam ghi nhận và có Công văn số 5969/EVN-PC+KTSX ngày 06 tháng 10 năm 2023 đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính phối hợp xem xét, tháo gỡ nhưng đến nay chưa được các Bộ thông tin phản hồi (theo thông báo của Tổng Công ty Điện lực miền Trung tại Công văn số 7539/EVNCPC-KH+ĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023).</p> <p>- Về quy trình, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp, yêu cầu chuyển đổi còn phức tạp, phải xin nhiều cấp, ý kiến nhiều bộ, ngành, chưa tạo sự chủ động cho địa phương, làm mất rất nhiều thời gian và ảnh hưởng đến tiến độ chung triển khai thực hiện dự án.</p> <p>- Hiện nay, chưa có hướng dẫn trình tự thực hiện công tác di dời công trình hạ tầng kỹ thuật có tính chất chuyên ngành; trình tự xây dựng khu tái định cư trong hạng mục chi phí giải phóng mặt bằng của dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng; quy định cụ thể về việc thu hồi đất để làm bãi thải cho dự án từ trình tự, cách thức triển khai thực hiện và thẩm quyền quản lý, sử dụng diện tích đất làm bãi thải sau khi dự án hoàn thành... nên việc thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.</p> <p>- Giá bồi thường về đất, vật kiến trúc, cây cối hoa màu thấp dẫn đến người dân hay kiến nghị và không đồng ý với phương án bồi thường được phê duyệt.</p> <p>- Đối với dự án không có cấu phần xây dựng (trừ dự án ứng dụng công nghệ thông tin), chưa được các bộ, ngành trung ương hướng dẫn về tính toán, xác định chi phí quản lý dự án, các loại chi phí tư vấn liên quan (như chi phí lập dự án đầu tư, chi phí thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, chi phí giám sát thi công, chi phí lập E-HSMT,...) dẫn đến khó khăn, lúng túng trong việc xác định các loại chi phí trên để đưa vào tổng mức đầu tư.</p> <p>- Khó khăn trong việc giải ngân vốn thực hiện nội dung 2 tiểu dự án 2 Dự án 3 hỗ trợ vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I.</p>	<p>Thủ tục chuyển đổi đất rừng còn rất chậm; Do chính sách giải phóng mặt bằng, tái định cư vẫn còn có vướng mắc chưa được sự đồng thuận của người dân, dẫn đến tình trạng công tác giải phóng mặt bằng chậm, làm ảnh hưởng đến việc bàn giao mặt bằng để triển khai thực hiện dự án. Việc chưa có cơ chế cho phép địa phương xây dựng dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng riêng và xem xét đây là hoạt động chuẩn bị đầu tư hoặc chuẩn bị thực hiện dự án dẫn đến nhiều dự án bị chậm tiến độ và gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; Việc ban hành chính sách, phân bổ vốn và văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện từ Trung ương đôi khi còn chậm gây khó khăn trong công tác tổ chức thực hiện (nhất là các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội); ...</p>	<p>việc giải ngân chậm có nguyên nhân khách quan, nhưng cơ bản là khâu tổ chức thực hiện, đặc biệt là các chủ đầu tư chưa sát sao, chất lượng hồ sơ một số dự án chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của dự án, trong quá trình triển khai vẫn còn điều chỉnh, bổ sung nhiều lần... làm chậm tiến độ; Trình độ năng lực, kinh nghiệm của một số đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công và chủ đầu tư còn hạn chế</p>	<p>- Nguồn vốn ngân sách trung ương không có khả năng giải ngân hết của Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh khá lớn (vi kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao một lần trong năm 2023); do đó, kính đề nghị Chính phủ trình Quốc hội xem xét, cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân các dự án sang năm 2024 để đảm bảo hoàn thành mục tiêu của các dự án (dự kiến mức vốn kéo dài khoảng 109 tỷ đồng).</p> <p>- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính sớm có ý kiến đối với nội dung đề nghị của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công văn số 5969/EVN-PC+KTSX ngày 06 tháng 10 năm 2023 để sớm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của địa phương trong việc di dời hệ thống điện thuộc phạm vi thực hiện dự án Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>- Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ ban hành về cơ chế hỗ trợ vốn đầu tư công cho đơn vị chủ trì liên kết (doanh nghiệp, hợp tác xã) trong thực hiện dự án Trung tâm giống dược liệu quý; tăng mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ dự án dược liệu quý và hướng dẫn quản lý tài sản sau đầu tư từ ngân sách nhà hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện Dự án thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</p> <p>- Đề nghị Bộ Y tế xem xét hướng dẫn hoặc sửa đổi khoản 5 điều 1 Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Bộ Y tế () và Quyết định số 1486/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế về Ban hành sổ tay hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý; cụ thể: bổ sung tỉnh Kon Tum vào vùng trồng dược liệu quý để có cơ sở mở rộng các nội dung chi hỗ trợ theo nội dung 2 tiểu dự án 2 Dự án 3 hỗ trợ vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</p> <p>- Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum đã kết thúc Hiệp định vay vào ngày 30 tháng 6 năm 2023. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã trình Bộ Tài chính xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ gia hạn Hiệp định vay tại các Công văn số 634/UBND-KTTH ngày 10 tháng 3 năm 2023 và 2205/UBND-KTTH ngày 13 tháng 7 năm 2023. Việc gia hạn Hiệp định vay là điều kiện để Dự án giải ngân kế hoạch vốn được giao. Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gia hạn Hiệp định vay của Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum để kịp thời giải ngân, hoàn thành các hạng mục còn lại của Dự án theo cam kết với nhà tài trợ.</p>

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	26 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
13	Quảng Ninh				- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính sớm có ý kiến đối với nội dung đề nghị của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công văn số 5969/EVN-PC+KTSX ngày 06 tháng 10 năm 2023 để sớm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của địa phương trong việc di dời hệ thống điện thuộc phạm vi thực hiện dự án Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.
14	Bắc Ninh	<p>1. Việc triển khai thực hiện đầu tư đối với dự án giao thông đường bộ đi qua địa bàn hai tỉnh sử dụng nguồn ngân sách các địa phương và nguồn ngân sách Trung ương chưa có quy định, hướng dẫn thực hiện (dự án đầu tư xây dựng Cầu Kênh Vàng nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương).</p> <p>2. Đối với dự án sử dụng vốn từ nguồn thu sử dụng đất: Trong kế hoạch vốn Chính phủ giao cho tỉnh Bắc Ninh năm 2023 có 3.000 tỷ đồng là tiền sử dụng đất của địa phương (chiếm 3.000/8.022 ~ 40% kế hoạch vốn năm). Với đặc thù tiền thu sử dụng đất là tiền phát sinh thực tế trong năm, chi phân bổ chi tiết và giải ngân sau khi được thu, nộp vào ngân sách nhà nước. Mặt khác, việc triển khai các dự án đầu tư đất trên địa bàn tỉnh đang gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ thu ngân sách và phân bổ, giải ngân đối với nguồn vốn này;</p> <p>3. Nhu cầu vật liệu xây dựng cho các công trình giao thông là rất lớn. Tuy nhiên các mỏ vật liệu phân bố rất xa, khó xác định được công suất, thời hạn khai thác dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện dự án như chi phí vận chuyển tăng, tiến độ cung cấp vật liệu cho dự án, nguy cơ khan hiếm vật liệu và đội giá thành;</p> <p>4. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư gặp nhiều khó khăn do vướng mắc trong việc xác định khu tái định cư; khung giá đất có sự thay đổi, người dân mong muốn nhận được giá đền bù cao hơn đơn giá nhà nước quy định; một số dự án đang xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển đổi mục đích sử dụng đất (do diện tích GPMB đất lúa lớn hơn 10ha)...</p>	<p>1. Do vướng mắc thủ tục pháp lý phải xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ và Quốc Hội (dự án Cầu Kênh Vàng);</p> <p>2. Vướng mắc giải phóng mặt bằng khó xử lý dứt điểm, triệt để; các dự án khởi công mới cần thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư, đấu thầu lựa chọn nhà thầu; các dự án chuyển tiếp cần khối lượng thi công để hoàn ứng vốn kế hoạch năm trước...</p> <p>3. Trong địa phận tỉnh Bắc Ninh không có mỏ vật liệu xây dựng thông thường như: đất, cát, đá... phải phụ thuộc ở các tỉnh lân cận như: Bắc Giang, Lạng Sơn, Hải Dương, Hà Nam,... nên không chủ động được nguồn cung cấp, dẫn đến giá thành vật liệu có nguy cơ tăng cao trong quá trình thi công;</p>	<p>Đề nghị Quốc hội sớm thông qua Nghị quyết của Quốc hội thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ, tạo điều kiện để tỉnh Bắc Ninh triển khai thực hiện dự án cầu Kênh Vàng và đường dẫn hai đầu cầu, kết nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương.</p>	

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	27 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
15	Bình Phước	Công tác đầu giá quyền sử dụng đất gặp khó khăn, do thị trường bất động sản trầm lắng, đến nay thu tiền sử dụng đất đạt thấp (26%)	<ul style="list-style-type: none"> - Vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn (48,7%) trên tổng vốn đầu tư công toàn tỉnh. Trong đó, có 8/11 huyện, thị xã, thành phố có vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất trên 70% tổng số vốn phân cấp của khối huyện nên tỷ trọng giải ngân cho các dự án từ nguồn vốn này ảnh hưởng rất lớn đến tỷ lệ giải ngân của khối huyện và giải ngân chung của toàn tỉnh. - Vốn NSTW các Chương trình mục tiêu quốc gia 10 tháng đầu năm giải ngân đạt rất thấp 39,1% là do tập trung giải ngân số vốn còn lại của năm 2022 được phép kéo dài theo Nghị quyết số 69/2022/QH15 của Quốc hội. Ngoài ra, 10 tháng đầu năm 2023 các Chương trình mục tiêu quốc gia đang xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện và hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án thành phần của Chương trình, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chiếm tỷ trọng vốn lớn trong tổng vốn của 3 Chương trình. - Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm y tế thị xã Bình Long có tổng mức đầu tư 174 tỷ đồng, sử dụng vốn ngân sách Trung ương từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội mới được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24/7/2023. 	Nhiều dự án vướng công tác GPMB nên ảnh hưởng đến tiến độ thi công và giải ngân vốn.	
16	Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - Giải ngân vốn CT Phục hồi kinh tế thấp do Tỉnh được TW giao kế hoạch năm 2023 muộn; - Khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, trọng tâm là việc xác định nguồn gốc đất, xác định giá đất, người dân chưa đồng thuận với phương án bồi thường, tái định cư 	Các quy định pháp luật, chính sách chưa đồng bộ; vướng trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; quy trình chuẩn bị đầu tư, làm thủ tục của dự án khởi công mới...	Năng lực của một số đơn vị chủ đầu tư, nhà thầu chưa đáp ứng yêu cầu; kỷ cương, kỷ luật trong công tác giải ngân vốn đầu tư công chưa quyết liệt ở một số đơn vị và còn có tình trạng sợ sai.	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, hoàn thiện quy định pháp luật theo hướng thông thoáng, giảm vướng mắc cho giải ngân vốn đầu tư công. - Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm tổng hợp, sớm trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh nội bộ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của địa phương
17	Quảng Nam		<ul style="list-style-type: none"> - Đối với Chương trình phục hồi phát triển KTXH: Giai đoạn này trên địa bàn tỉnh Quảng Nam thường xảy ra các đợt mưa dông, bão lũ nên tiến độ thi công các dự án bị gián đoạn. Do vậy, việc phải giải ngân hết nguồn vốn trong năm 2023 là khó khăn và áp lực đối với các chủ đầu tư và các đơn vị thi công; Do nguồn vốn phân bổ vào đầu năm 2023 lớn và bằng với tổng mức đầu tư dự án, trong khi đó các dự án có quy mô lớn (3/5 dự án là nhóm B) và triển khai trên địa bàn rộng, nhiều công trình ở vùng sâu, vùng xa và đa số các hạng mục công việc phải đấu thầu qua mạng nên mất nhiều thời gian; - Khan hiếm nguồn nguyên vật liệu đất đắp, cát xây dựng và biến động đơn giá xăng, sắt, thép đã ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với dự án ODA: việc xem xét có ý kiến không phản đối về kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu của Nhà tài trợ chậm đã làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân dự án; công tác bồi thường GPMB vẫn còn vướng mắc nên dẫn đến chưa có khối lượng để giải ngân; khó khăn trong việc thẩm định giá thiết bị, việc đấu tư mua sắm trang thiết bị trong lĩnh vực y tế có tính chuyên ngành và đặc thù nên chủ đầu tư gặp khó khăn trong tiếp cận thực hiện; - Công tác trích đo địa chính, xác nhận nguồn gốc đất gặp nhiều khó khăn do nguồn gốc đất chưa rõ ràng, dẫn đến chưa đủ hồ sơ để thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường GPMB của một số dự án; - Công tác khảo sát lập dự án đầu tư và lập thiết kế, dự toán xây dựng còn chậm, thiếu sót nên dẫn đến công tác thẩm định, phê duyệt (dự án, thiết kế) tốn nhiều thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư công; - Công tác lập kế hoạch vốn chưa sát với thực tế và khả năng giải ngân; việc tổ chức thực hiện ở các chủ đầu tư còn nhiều hạn chế, thiếu quyết liệt, sâu sát; chất lượng hồ sơ chưa tốt nên vướng mắc khi triển khai, phải đề nghị cấp thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn, chủ trương đầu tư nhiều lần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình phục hồi phát triển KTXH: đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét cho phép kéo dài thời gian thực hiện dự án đến 31/12/2024, đảm bảo thời gian bố trí vốn thực hiện dự án theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 52 Luật Đầu tư công; - Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn thuộc Chương trình MTQG nông thôn mới: Kế hoạch vốn cho dự án mới được Thủ tướng Chính phủ phân bổ bổ tại Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/10/2023, nên việc giải ngân hết nguồn vốn trong năm 2023 là không thể, đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024

TT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Khó khăn vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công	28 Nguyên nhân		Đề xuất, kiến nghị
			Khách quan	Chủ quan	
I	Bộ, ngành, cơ quan Trung ương				
18	Đắk Nông	<p>- Trên địa bàn tỉnh có rất nhiều công trình, dự án chồng lấn với Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng bô xít; Quy hoạch 3 loại rừng</p> <p>- Do địa hình tỉnh chủ yếu là đồi núi dốc nên việc đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông, các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh yêu cầu cần phải có một lượng lớn về nguồn đất đắp để thi công các công trình. Tuy nhiên, các dự án gặp phải vướng mắc trong việc cấp phép khai thác đất làm vật liệu san lấp tại các khu vực đã được quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản; một số dự án chưa có nguồn đất dôi dư để làm thủ tục cấp phép theo quy định của Luật khoáng sản, nên vẫn chưa xác định được nguồn vật liệu đất đắp phục vụ cho công trình.</p> <p>- Trong quá trình thực hiện, do ảnh hưởng của biến động giá vật liệu, chi phí giải phóng mặt bằng, dẫn đến một số dự án phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, làm chậm tiến độ triển khai thực hiện.</p> <p>- Việc thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng của UBND các huyện, thành phố chưa thực sự quyết liệt, chưa chủ động dẫn đến nhiều dự án chưa được bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công.</p>			<p>- Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép tỉnh điều chỉnh giảm số vốn được bố trí cho dự án Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê giai đoạn 2 (thuộc Các dự án trọng điểm, dự án liên kết, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển KTXH nhanh, bền vững) sang các dự án khác trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, ngoài danh mục Các dự án trọng điểm, dự án liên kết, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển KTXH nhanh, bền vững (UBND tỉnh đã có đề xuất tại Báo cáo số 493/BC-UBND ngày 01/8/2023); cắt giảm nguồn vốn ODA phải đề xuất cắt giảm 103.648 triệu đồng. Về nội dung này, UBND tỉnh đã chủ động báo cáo trung ương tại Công văn số 4047/UBND-KT ngày 18/7/2023, Công văn số 5047/UBND-KT ngày 29/8/2023.</p> <p>- Đối với những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên khu vực có bô xít, nếu không kịp thời tháo gỡ thì sẽ không thể triển khai các dự án đầu tư công năm 2023, cũng như các dự án trung hạn 2021-2025, các dự án thuộc 3 chương trình mục tiêu quốc gia... UBND tỉnh Đắk Nông đã nhiều lần kiến nghị tuy nhiên chưa đi đến kết quả cuối cùng. Vì vậy, UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ, tổng hợp, xem xét có ý kiến chỉ đạo để UBND tỉnh Đắk Nông có cơ sở thực hiện.</p>
19	Bình Thuận				<p>- Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum đã kết thúc Hiệp định vay vào ngày 30 tháng 6 năm 2023. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã trình Bộ Tài chính xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ gia hạn Hiệp định vay tại các Công văn số 634/UBND-KTTH ngày 10 tháng 3 năm 2023 và 2205/UBND-KTTH ngày 13 tháng 7 năm 2023. Việc gia hạn Hiệp định vay là điều kiện để Dự án giải ngân kế hoạch vốn được giao. Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gia hạn Hiệp định vay của Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum để kịp thời giải ngân, hoàn thành các hạng mục còn lại của Dự án theo cam kết với nhà tài trợ.</p>